



Vietnam National University - HCM City
University of Social Sciences & Humanities

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
PHƯƠNG ĐÔNG
ORIENTAL RESEARCH DEVELOPMENT INSTITUTE



HỘI THẢO QUỐC TẾ - THE INTERNATIONAL CONFERENCE ON

VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á: HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

“VIETNAM AND SOUTHEAST ASIA: INTEGRATION AND DEVELOPMENT”

TÓM TẮT - ABSTRACTS

Ngày 5-6/12/2015 tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, Khu Du lịch Sao Việt, Tuy Hoà, Phú Yên
From 5th to 6th of December, 2015 at VietStar Resort & Spa, Tuy Hoa City, Phú Yên Province

Đơn vị tài trợ Co-Funders



VIETSTAR RESORT & SPA (Phú Yên)



THÀNH THÀNH CÔNG



CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO QUỐC TẾ
VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á: HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN
(từ ngày 5-6 tháng 12 năm 2015
tại Resort Sao Việt – Phú Yên)

THE INTERNATIONAL CONFERENCE ON
VIETNAM AND SOUTHEAST ASIA: INTEGRATION AND
DEVELOPMENT
at VietStar Resort & Spa - Tuy Hoa city, Phu Yen province,
Vietnam
Dec 5th – 6th, 2015

13:30 - 17:00 Ngày 5/12/15	PHIÊN TOÀN THỂ - PLENARY SESSION (Hội trường 1 - Hall Room 1) <u>Chủ toạ - Chairs</u> GS.TS. TRẦN QUANG PHÚ Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông President, Oriental Research Development Institute PGS.TS. VÕ VĂN SEN Hiệu trưởng, Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM President, University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC PGS.TS. VƯƠNG XUÂN TÌNH Viện trưởng Viện Dân Tộc học President, Institute of Anthropology ThS. PATCHARIN PHRARAT Phó Trưởng Phòng Đối ngoại - Trường Đại học Silpakorn Associate Director, Relation Affairs, Silpakorn University <u>Thư ký – Secretaries</u> ThS. Hồ Thị Thu Nguyệt Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông Oriental Research Development Institute ThS. Lê Thị Ngọc Phúc Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC <u>Phụ trách dịch thuật - Interpreters</u> TS. Đinh Minh Đạo Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông Oriental Research Development Institute TS. Nguyễn Thị Minh Tâm TS. Trương Thị Thu Hằng Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC
--	--

13:30 - 13:40	GS.TS. Trình Quang Phú Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông President, Oriental Research Development Institute	Trình bày Diễn văn khai mạc Hội thảo Opening and Welcome speech
13:40- 13:50	Đại diện lãnh đạo tỉnh Phú Yên	Phát biểu Opening and Welcome speech
13:50- 14:00	ThS. Patcharin Phrarat Phó Trưởng Phòng Đối ngoại Trường Đại học Silpakorn Associate Director, Relation Affairs, Silpakorn University	Phát biểu Opening and Welcome speech
14:00- 14:10	PGS.TS. Võ Văn Sen Hiệu trưởng, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM Rector, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University- HCMC	Phát biểu đề dẫn Hội thảo Opening and Welcome speech
14:10- 17:00	Tham luận Phiên Toàn thể - Presentations	
14:10- 14:25	Dr. Santhipharp Khamisa-Ard Faculty of Management Science, Silpakorn University, Thailand	Đông Nam Á: Hội nhập, Phát triển và trường hợp của Thái Lan Southeast Asia: Integration and Development & Presentation of Thailand
14:25- 14:35	PGS.TS Phan Thị Hồng Xuân Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Đông Nam Á– từ góc nhìn địa - chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội đến nhận định một số cơ hội và thách thức trong việc xây dựng cộng đồng ASEAN sau năm 2015 Southeast Asia - from viewpoints of economic political socio cultural geography to giving some opinions of opportunities and challenges for building the ASEAN community after 2015

14:35-14:50	Assoc. Prof – Dr. Ricamela S. Palis Director for Culture and Arts Colegio de San Juan de Letran Calamba Calamba City, Laguna Philippines	Bối cảnh hoá, địa phương hoá, bản địa hoá: Thách thức cho nền giáo dục ở Philippines Contextualization, localization, and indigenization: Challenges for Basic Education in the Philippines
14:50-15:05	Jetsadaporn Sutus Tidathip Panrod Faculty of Management Science, Silpakorn University	Một nghiên cứu so sánh về định hướng phát triển của tổ chức di sản thế giới đối với các khu du lịch bảo tồn ở Thái Lan và Việt Nam A comparative study on the development approach of the world heritage to the conservation tourism place in Thailand and Vietnam
15:05-15:25	Giải lao – Tea Break	
15:25-17:00	Thảo luận Phiên toàn thể - Discussion	
18:00	GALA DINNER	

8:00-10:30 Ngày 6/12/15	TIỂU BAN 1: LỊCH SỬ, NGÔN NGỮ, KHU VỰC HỌC SESSION 1: HISTORY, LANGUAGE AND REGION STUDIES (Hội trường 1 - Hall Room 1) <u>Chủ toạ - Chairs</u> PGS.TS. PHAN THỊ HỒNG XUÂN Phó Trưởng Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM Vice Dean, Faculty of Anthropology University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC TS. ĐINH MINH ĐẠO Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông Vice President, Oriental Research Development Institute Dr. JOAN CHRISTI TROCIO University of Santo Tomas, Philippines <u>Thư ký - Secretaries</u> ThS. Trần Ngân Hà Nguyễn Viết Phan Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC	
8:00-8:10	TS. Trần Thị Hồng Hạnh Khoa Ngôn ngữ học Trường ĐHKHXH&NV Đại học Quốc gia – Hà Nội	Giả thuyết về tính tương đối ngôn ngữ với việc nghiên cứu Nhân học ngôn ngữ The linguistic relativity hypothesis with the research of linguistic anthropology
8:10-8:20	GS.TS. Trần Trí Dõi Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia - Hà Nội Trần Oanh (Chen Ying)	Một vài kinh nghiệm nghiên cứu về thái độ ngôn ngữ từ Trung Quốc Experience in studying linguistic attitudes in China

8:20-8:30	TS. Đinh Lư Giang Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Yếu tố chỉ giới trong họ tên người Khmer Nam bộ Gender specific elements in Khmer personal names in Mekong delta (Vietnam)
8:30-8:40	Corazon Dulce D. Bayaton Maria Corazon C. Sanin University of Santo Tomas, Philippines	Phát triển cộng đồng và toàn cầu hóa: kinh nghiệm từ Philippine Community development and globalization: the Philippine experience
8:40-8:50	Dr. Joan Christi Trocio University of Santo Tomas, Philippines	FLES: cách tiếp cận phương pháp nghiên cứu bản địa trong bối cảnh của các cộng đồng văn hóa tại Philippine FLES: an exploration of an indigenous research approach in the context of Philippine cultural communities
8:50-9:00	Dr. Takamasa Osawa University of Edinburgh	Nhận thức về quyền lực chính trị: trường hợp ở Suku Asli, đông Sumatra Perception of political power: a case of the Suku Asli in Eastern Sumatra
9:00-9:10	TS. Trương Văn Món (Sakaya) Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Mối quan hệ lịch sử - văn hóa giữa Champa và thế giới Mã Lai: đặt lại vấn đề nghiên cứu Champa ở Việt Nam và Đông Nam Á Historical - cultural relationship between the Champa and the Malai world: problem setting for Champa research in vietnam and Southeast Asia
9:10 - 10:30	Thảo luận – Discussion	
10:30-10:45	Giải lao – Tea Break	

8:00-10:30 Ngày 6/12/15	<i>TIỂU BAN 2: ĐÔ THỊ, DI DÂN, SỨC KHOẺ VÀ MÔI TRƯỜNG</i> <i>SESSION 2: URBAN, MIGRATION, HEALTH AND ENVIRONMENT</i> (Hội trường 2 - Hall Room 2) <u>Chủ tọa - Chairs</u> TS. TRẦN HỒNG HẠNH Phó Tổng Biên tập Tạp chí Dân Tộc học, Viện Dân Tộc học Deputy Editor-in-chief, Anthropology Review, Institute of Anthropology TS. NGUYỄN NGỌC THƠ Trưởng Phòng Quản lý Khoa học – Dự án Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM Director, Scientific Research and Project Management University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC Dr. CHITO M. SAWIT University of Santo Tomas, Manila, Philippines <u>Thư ký - Secretaries</u> ThS. Lê Thị Ngọc Phúc Trần Tấn Đăng Long Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC	
8:00-8:10	TS. Trần Hồng Hạnh Viện Dân tộc học	Di cư và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên Migration and ethnic relations in the Central Highlands of Vietnam
8:10-8:20	Amy Dao Department of Sociomedical Sciences Mailman School of Public Health, Columbia University New York, NY, USA	Quan niệm về bảo hiểm và rủi ro: Phác thảo bức tranh bảo hiểm y tế tại Việt Nam Imagining insurance, imagining risk: picturing health insurance in Vietnam

8:20-8:30	ThS. Nguyễn Ngọc Diễm Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	Tác động của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long và vai trò của truyền thông phát triển Impacts of climate change to the Mekong Delta and roles of participatory development communication
8:30-8:40	Dr. Chito M. Sawit University of Santo Tomas, Manila, Philippines	Sứ mệnh ở thành phố hiện nay: thách thức và cơ hội Mission in the city today: challenges and opportunities
8:40-8:50	Prof. Erik Harms, Ph.D Đại học Yale	Những khung cảnh hiện đại mở rộng: Ngắm nhìn quang cảnh khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng ở Việt Nam Modern Views, Unblocked: Looking into the Distance in Phú Mỹ Hưng, a Vietnamese New Urban Zone
8:50-9:00	Bernard June R. Babierra University of Santo Tomas, Manila, Philippines	Luật sức khỏe sinh sản và tác động của nó đến toàn cầu: kinh nghiệm từ Philippine The reproductive health law and its impact to the global society: the Philippine experience

9:00- 9:10	Worawit Pimolrat Noppadol Towichaikul Faculty of Management Science, Silpakorn University Thailand	Nghiên cứu so sánh hành vi sử dụng rau sạch của khách hàng tại cửa hàng Golden Place ở Hua Hin Prachuap Khiri Khan, Thái Lan A comparative study of the behavioral health of eating vegetables to the tourist's customer of golden place shop in Hua Hin Prachuap Khiri Khan province Thailand
9:10- 10:30	Thảo luận – Discussion	
10:30- 10:45	Giải lao – Tea Break	

10:45 – 13:45 Ngày 6/12/15	TIỂU BAN 3: KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ DU LỊCH SESSION 3: ECONOMIC, SOCIAL ISSUES, TOURISM (Hội trường 2 - Hall Room 2) <u>Chủ tọa - Chairs</u> PGS.TS. NGUYỄN VĂN SỬU Trưởng Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV – Hà Nội Dean, Faculty of Anthropology University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-Hanoi PGS.TS. NGUYỄN VĂN TIỆP Nguyên Trưởng Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM Former Dean, Faculty of Anthropology University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC TS. TRƯƠNG THỊ THU HẰNG Trưởng Bộ môn Nhân học Phát triển Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM Chair, Department of Development Anthropology University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC <u>Thư ký - Secretaries</u> ThS. Lê Thị Ngọc Phúc Trần Tấn Đăng Long Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC		
10:45- 10:55	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> Prof. Dr. Ann Marie Leshkovich College of the Holy Cross </td><td style="width: 50%; vertical-align: top;"> Các vấn đề xã hội, công tác xã hội: Những vấn đề chung toàn cầu và thuộc tính riêng trong bối cảnh kinh tế chính trị của Việt Nam Social Problems, Social Work: Transnational Expertise and New Subjectivities in Vietnam's Changing Political Economy </td></tr> </table>	Prof. Dr. Ann Marie Leshkovich College of the Holy Cross	Các vấn đề xã hội, công tác xã hội: Những vấn đề chung toàn cầu và thuộc tính riêng trong bối cảnh kinh tế chính trị của Việt Nam Social Problems, Social Work: Transnational Expertise and New Subjectivities in Vietnam's Changing Political Economy
Prof. Dr. Ann Marie Leshkovich College of the Holy Cross	Các vấn đề xã hội, công tác xã hội: Những vấn đề chung toàn cầu và thuộc tính riêng trong bối cảnh kinh tế chính trị của Việt Nam Social Problems, Social Work: Transnational Expertise and New Subjectivities in Vietnam's Changing Political Economy		

10:55-11:05	Prof. Dr. Christina Schwenkel University of California, Riverside, USA Fellow, American Academy in Berlin	Việc tái thiết kế nhà ở xã hội ở Vinh The afterlife of social housing in Vinh
11:05-11:15	Nuttanit Suriyachay Dr. Taninrat Rattanapongpinyo Faculty of Management Science Silpakorn University, Thailand	Sự điều chỉnh hành vi tiêu thụ thực phẩm tốt cho sức khỏe của dân cư trong độ tuổi lao động tại Thái Lan và Malaysia The modification in healthy food consumption behavior of Thai and Malaysian working-age population
11:15-11:25	TS. Ngô Thanh Loan Bộ môn Du Lịch Trường Đại học KH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh Lê Hữu Nghĩa Công ty Du lịch 4UTours	Liên kết khai thác và phát triển tuyến du lịch Hà Tiên – Sihanoukville Jointly exploiting and developing the tourist circuit Hà Tiên – Sihanoukville
11:25-13:30	Dùng cơm trưa - Lunch Break	

13:30-13:40	ThS. Phạm Thanh Thôi Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh TS. Honda Mamoru Viện Nghiên cứu Văn hoá Châu Á, Đại học TOYO, Nhật	Chuyển đổi vị thế kinh tế giữa các nhóm dân tộc Koro ở Đức Trọng, Lâm Đồng, Việt Nam Change of economic status among local groups of the Koro in Duc Trong district, Lam Dong province, Vietnam
13:40-13:50	PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia Hà Nội	Biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa Livelihood change in Hanoi's peri-urban villages in the processes of industrialization and urbanization
13:50-14:00	TS. Nguyễn Thị Hoài Hương Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh	Lao động người nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh: Hiện trạng và hàm ý chính sách Status of labour foreigners in Ho Chi Minh city and recommendations for policy
14:00-15:00	Thảo luận - Discussion	
15:00-15:15	Giải lao – Tea Break	

10:45 – 13:45 Ngày 6/12/15	TIỂU BAN 4: TỘC NGƯỜI, VĂN HOÁ - NGHỆ THUẬT VÀ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH SESSION 4: ETHNIC, CULTURE, ARTS AND MARRIAGE- FAMILY (Hội trường 1 - Hall Room 1) <u>Chủ tọa - Chair</u> GS.TS. NGÔ VĂN LỆ Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM Former President University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC TS. BUÔN KRÔNG TUYẾT NHUNG Trưởng Bộ môn Văn học Khoa Sư phạm, Đại học Tây Nguyên Chair, Department of Literature Faculty of Education, Tây Nguyên University TS. NGUYỄN THỊ MINH TÂM Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC <u>Thư ký - Secretaries</u> ThS. Trần Ngân Hà Nguyễn Viết Phan Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC	
10:45- 10:55	PGS.TS. Vương Xuân Tình ThS. Vũ Đình Mười Viện Dân Tộc học	Quan hệ tộc người xuyên quốc gia ở Việt Nam: Một số lý thuyết, quan điểm tiếp cận và vấn đề nghiên cứu Transnational ethnic relationship in

		Vietnam: Theory, Approach, and research issues
10:h55-11:05	GS.TS. Ngô Văn Lệ Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Ảnh hưởng của tính cộng đồng làng xã đến thực trạng hệ giá trị Việt Nam hiện nay The interplay of the communality to the value system in contemporary Vietnam
11:05-11:15	TS. Nguyễn Hồng Quang Viện nghiên cứu Đông Nam Á Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Vai trò của văn hóa tộc người Thái đen trong phát triển du lịch ở Mường Thanh, Điện Biên The Role of Black Thai ethnic culture in tourism development in Muong Thanh, Dien Bien
11:15-11:25	TS. Nguyễn Ngọc Thơ Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Văn hóa quản lý thời hậu hiện đại Postmodern management culture
11:25-13:30	Dùng cơm trưa - Lunch Break	
13:30-13:40	Nguyễn Anh Tuấn Viện Dân Tộc học	Tìm kiếm ý nghĩa, xây dựng bản sắc: Trải nghiệm thú chơi gà chọi của người dân ở một làng lên phố tại Hà Nội Explore meaning, construct identity: the experience of cockfighting hobby of residents at urbanized village in Ha Noi
13:40-13:50	ThS. Đàng Năng Hoà Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh	Nhạc cụ truyền thống Chăm và mối quan hệ với nhạc cụ Mã Lai The Cham traditional musical instruments in relation with those of the Malai
13:50-14:00	TS. Lê Đức Hạnh Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Phi, Viện HL KHXH Việt Nam	Tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa Religions in Vietnam in

	Nguyễn Thị Thanh Nga Đại học Ngoại ngữ Đại học Quốc gia Hà Nội	Globalization Context
14:00- 15:00	Thảo luận – Discussion	
15:00- 15:15	Giải lao – Tea Break	

15:15 – 17:00 Ngày 6/12/15	PHIÊN TOÀN THỂ - PLENARY SESSION (Hội trường 1 - Hall Room 1) <u>Chủ tọa - Chairs</u> GS.TS. TRẦN QUANG PHÚ Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông President, Oriental Research Development Institute GS.TS. NGÔ VĂN LỆ Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM Former President University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC PGS.TS. VƯƠNG XUÂN TÌNH Viện trưởng Viện Dân Tộc học President, Institute of Anthropology ThS. PATCHARIN PHRARAT Phó Trưởng Phòng Đối ngoại - Trường Đại học Silpakorn Associate Director, Relation Affairs, Silpakorn University <u>Thư ký – Secretaries</u> ThS. Hồ Thị Thu Nguyệt Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông Oriental Research Development Institute ThS. Lê Thị Ngọc Phúc Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC <u>Phụ trách dịch thuật - Interpreters</u> TS. Đinh Minh Đạo Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông Oriental Research Development Institute TS. Nguyễn Thị Minh Tâm
--	--

	TS. Trương Thị Thu Hằng Trường Đại học KHXH&NV – TP.HCM University of Social Sciences and Humanities Vietnam National University-HCMC	
15:15-15:25	PGS.TS. Phạm Đức Mạnh Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ThS. Nguyễn Hồng Ân Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Đồng Nai	Di sản cự thạch & tục “thờ đá lớn” – “hàng số văn hóa – tín ngưỡng” Đông Nam Á thời kỳ tiền nhà nước The megalithic heritage and the big-stone worship - cultural & religious constants of Southeast Asia in the pre-state period
15:25-15:35	TS. La Mai Thi Gia Khoa Văn học và Ngôn Ngữ Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Từ thần lúa trong truyện kể dân gian đến tục thờ hồn lúa trong tín ngưỡng nông nghiệp của cư dân các nước Đông Nam Á From rice god in folktales to the worship rituals of rice soul in agricultural religious of Asian countries
15:35-15:45	TS. Nguyễn Thu Hương Khoa Nhân học Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia Hà Nội	Hậu hải yếm: một nghiên cứu nhân học về sự mất mát, sầu bi và bức xúc sau thảm họa thiên tai ở Philippines In the wake of haiyan: an ethnographic study on loss, melancholy, and frustration as a result of climatic catastrophe in the Philippines
15:45-14:30	Thảo luận – Discussion	
16:30-16:45	Đại diện Chủ tọa Phiên Toàn thể One of Plenary session Chairs	Phát biểu bế mạc Hội thảo Closing remarks

MỤC LỤC – CONTENTS

PHIÊN TOÀN THỂ - PLENARY SESSION

STT	Tác giả	Tên bài viết
1	Santhipharp Khamsa-Ard, Ph.D Faculty of Management Science Silpakorn University Thailand	Đông Nam Á: Hội nhập, Phát triển và trường hợp của Thái Lan Southeast Asia: Integration and Development & Presentation of Thailand
2	PGS.TS Phan Thị Hồng Xuân Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh Xuan.pth@hcmussh.edu.vn	Đông Nam Á– từ góc nhìn địa - chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội đến nhận định một số cơ hội và thách thức trong việc xây dựng cộng đồng ASEAN sau năm 2015 Southeast Asia - from a viewpoints of economic political socio cultural geography to giving some opinions of opportunities and challenges for building the ASEAN community after 2015
3	Assoc. Prof. Ricamela S. Palis and Director for Culture and Arts Colegio de San Juan de Letran Calamba Calamba City, Laguna Philippines	Bối cảnh hoá, địa phương hoá, bản địa hoá: <i>Thách thức cho nền giáo dục ở philippines</i> Contextualization, localization, and indigenization: Challenges for Basic Education in the Philippines
4	Jetsadaporn Sutus Tidathip Panrod Faculty of Management Science, Silpakorn University jay.jetsadaporn@gmail.com	Một nghiên cứu so sánh về định hướng phát triển của tổ chức di sản thế giới đối với các khu du lịch bảo tồn ở Thái Lan và Việt Nam A comparative study on the development approach of the world heritage to the conservation tourism place in Thailand and Vietnam

5	TS. Nguyễn Thu Hương Khoa Nhân học Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia Hà Nội huongethno@gmail.com	Hậu hải yển: một nghiên cứu nhân học về sự mất mát, sầu bi và bức xúc sau thảm họa thiên tai ở Philippines In the wake of haiyan: an ethnographic study on loss, melancholy, and frustration as a result of climatic catastrophe in the Philippines
6	PGS.TS. Phạm Đức Mạnh Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ducmanh1254@gmail.com ThS. Nguyễn Hồng Ân Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Đồng Nai	Di sản cự thạch & tục “thờ đá lớn” – “hàng số văn hóa – tín ngưỡng” Đông Nam Á thời kỳ tiền nhà nước The megalithic heritage and the big-stone worship - cultural & religious constants of Southeast Asia in the pre-state period
7	TS. La Mai Thi Gia Khoa Văn học và Ngôn Ngữ Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thigia1510@gmail.com	Từ thần lúa trong truyện kể dân gian đến tục thờ hồn lúa trong tín ngưỡng nông nghiệp của cư dân các nước Đông Nam Á From rice god in folktales to the worship rituals of rice soul in agricultural religious of Asian countries

TIỂU BAN 1: LỊCH SỬ, NGÔN NGỮ, KHU VỰC HỌC
SESSION 1: HISTORY, LANGUAGE AND REGION STUDIES

STT	Tác giả	Tên bài viết
1	ThS. Bùi Thanh Xuân Đại học Thủ Dầu Một xuanbt@tdmu.edu.vn	Mô hình tổ chức nhà nước tập quyền thân dân thời Lý - Trần The resident-friendly central government model in Ly-Tran dynasties
2	Corazon Dulce D. Bayaton Maria Corazon C. Sanin University of Santo Tomas Philippines	Phát triển cộng đồng và toàn cầu hóa: kinh nghiệm từ Philippine Community development and globalization: the Philippine experience
3	Joan Christi Trocio, Ph.D University of Santo Tomas Philippines jhotrocio@yahoo.com	FLES: cách tiếp cận phương pháp nghiên cứu bản địa trong bối cảnh của các cộng đồng văn hóa tại Philippine FLES: an exploration of an indigenous research approach in the context of Philippine cultural communities
4	TS. Đinh Lư Giang Trưởng Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh lugiangdinh@gmail.com	Yếu tố chỉ giới trong họ tên người Khmer Nam bộ Gender specific elements in Khmer personal names in Mekong delta (Vietnam)
5	TS. Trần Thị Hồng Hạnh Khoa Ngôn ngữ học Trưởng ĐHKHXH&NV Đại học Quốc gia – Hà Nội	Giả thuyết về tính tương đối ngôn ngữ với việc nghiên cứu Nhân học ngôn ngữ The linguistic relativity hypothesis with the research of linguistic anthropology

6	ThS. Nguyễn Duy Mộng Hà Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ndmongha@yahoo.de	Tác động của toàn cầu hóa đến các chương trình-hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ tại trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM Impact of globalization on educational programs and activities as well as staff development at the University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM
7	TS. Nguyễn Khắc Cảnh Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ngkhaccanh@vnuhcm.edu.vn	Toàn cầu hoá và giáo dục đại học - thực tiễn ở Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG-HCM Globalization and higher education: The case of the University of Social Sciences and Humanities – Vietnam National University in Ho Chi Minh City
8	ThS. Nguyễn Thanh Tuấn Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tuanindo96@yahoo.com	Tầm quan trọng của ngôn ngữ Đông Nam Á trong bối cảnh ra đời của cộng đồng ASEAN 2015 The importance of Southeast Asian languages in the context of ASEAN community 2015 formation
9	TS. Nguyễn Thị Minh Tâm Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tam.nguyen8@yahoo.com	Nét văn hoá của người Êđê qua lớp từ thân tộc Culural reflection through kinship terms: a case study of Ede
10	Takamasa Osawa, Ph.D University of Edinburgh takamasa-osawa@hotmail.co.jp	Nhận thức về quyền lực chính trị: trường hợp ở Suku Asli, đông Sumatra Perception of political power: a case of the Suku Asli in Eastern Sumatra

11	GS.TS. Trần Trí Dõi Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia - Hà Nội ttdoihanh@gmail.com Trần Oanh (Chen Ying)	Một vài kinh nghiệm nghiên cứu về thái độ ngôn ngữ từ Trung Quốc Experience in studying linguistic attitudes in China
12	GS.TS. Trần Trí Dõi Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia - Hà Nội ttdoihanh@gmail.com	mù chữ và vấn đề nguồn nhân lực dân tộc thiểu số: kết quả khảo sát ở tỉnh Điện Biên Illiteracy and problems in human resources concerning ethnic minorities: results of the surveys in Dien Bien province
13	TS. Trương Văn Món (Sakaya) Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh vanmonsakaya@yahoo.com	Mối quan hệ lịch sử - văn hóa giữa Champa và thế giới Mã Lai: đặt lại vấn đề nghiên cứu Champa ở Việt Nam và Đông Nam Á Historical - cultural relationship between the Champa and the Malai world: problem setting for Champa research in vietnam and Southeast Asia
14	ThS. Văn Trung Hiếu Ban Dân tộc TP. Hồ Chí Minh vthieu.bdt@tphcm.gov.vn	ASEAN và vấn đề hội nhập của Myanmar ASEAN and Myanmar's integration
15	Asst.Prof. Jiraporn Chano, Ed.D Faculty of Education Mahasarakham University, Thailand Chano.jira.1@gmail.com	Dạy học tích hợp tại một số trường ở đông bắc Thái Lan Content and Language Integrated Learning at school in Northeast, Thailand
16	TS.Văn Ngọc Sáng¹ GS. Mohamad Bin Bilal Ali² TS.Tuyết Nhung Buôn Krông³ ^{1,2} Đại học Công nghệ Malaysia (UTM), Johor Bahru, Malaysia Email:	Bảo tồn chữ Chăm qua ứng dụng chuyển tự chữ Chăm trực tuyến Preserving Cham script through online conversion application

	sangpodam@yahoo.com , mba@utm.my ³ Khoa Sư phạm, Đại học Tây Nguyên, Việt Nam Email: tuyetnhungbkw@gmail.com	
17	TS.Văn Ngọc Sáng TS.Tuyết Nhung Buôn Krông Đại học Tây Nguyên, Việt Nam Email: sangpodam@yahoo.com , tuyetnhungbkw@gmail.com	Ứng dụng CNTT trong bảo tồn ngôn ngữ Chăm và các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên Conservation Cham language and indigenous language in tay Nguyen by it applications

TIỂU BAN 2: ĐÔ THỊ, DI DÂN, SỨC KHOẺ VÀ MÔI TRƯỜNG
SESSION 2: URBAN, MIGRATION, HEALTH AND ENVIRONMENT

STT	Tác giả	Tên bài viết
1	Amy Dao Department of Sociomedical Sciences Mailman School of Public Health, Columbia University New York, NY, USA imd2174@columbia.edu	Quan niệm về bảo hiểm và rủi ro: Phác thảo bức tranh bảo hiểm y tế tại Việt Nam Imagining insurance, imagining risk: picturing health insurance in Vietnam
2	Bernard June R. Babierra University of Santo Tomas, Manila, Philippines	Luật sức khỏe sinh sản và tác động của nó đến toàn cầu: kinh nghiệm từ Philippine The reproductive health law and its impact to the global society: the Philippine experience
3	Chito M. Sawit – Ph.D University of Santo Tomas, Manila, Philippines	Sứ mệnh ở thành phố hiện nay: thách thức và cơ hội Mission in the city today: challenges and opportunities
4	Đoàn Diệp Thùy Dương Khoa Đô thị học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP.HCM thuyduongnk@gmail.com	Lợi ích kinh tế của không gian mở trong đô thị Economic benefits of urban open spaces
5	ThS. Lý Thị Huệ Học viện Hành chính Quốc gia lythyhue@gmail.com	Tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sự phân cực giàu - nghèo ở Việt Nam hiện nay The impact of industrial and urbanization on the rich-poor polarization in Vietnam nowadays

6	Prof. Erik Harms, Ph.D Đại học Yale erik.harms@yale.edu	Những khung cảnh hiện đại mở rộng: Ngắm nhìn quang cảnh khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng ở Việt Nam Modern Views, Unblocked: Looking into the Distance in Phú Mỹ Hưng, a Vietnamese New Urban Zone
7	TS. Phạm Thanh Duy Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia – TP.HCM	Đô thị cáng cá: mô hình phát triển đô thị mới ở Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp đô thị Sông Đốc, tỉnh Cà Mau) Fishing town: a new model of urbanization in Vietnam (Case study of Song Doc, Ca Mau, Vietnam)
8	ThS. Nguyễn Ngọc Diễm Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ ngocdiemnguyen@hotmail.com	Tác động của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long và vai trò của truyền thông phát triển Impacts of climate change to the Mekong Delta and roles of participatory development communication
9	ThS. Nguyễn Quang Giải Đại học Thủ Dầu Một nguyenquanggiai@yahoo.com	Đô thị hóa Việt Nam trong bối cảnh đô thị hóa khu vực Đông Nam Á: đặc điểm và triển vọng Urbanization of Vietnam in the landscape of urbanization South East Asian region: features and prospect
10	TS. Nguyễn Thị Hoài Hương Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh huongbeads@gmail.com	Lao động người nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh: Hiện trạng và hàm ý chính sách Status of labour foreigners in Ho Chi Minh city and recommendations for policy

11	TS. Trần Hồng Hạnh Viện Dân tộc học tranhanh73@yahoo.com	Di cư và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên Migration and ethnic relations in the Central Highlands of Vietnam
12	TS Trịnh Thị Hoa Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hoa.npahcm@yahoo.com.vn Đỗ Minh Thu Khoa Môi trường – K57 Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Vấn đề ô nhiễm môi trường tại các nước ASEAN trong bối cảnh toàn cầu hóa Air pollution in ASEAN countries in the context of globalization
13	Worawit Pimolrat Noppadol Towichaikul Faculty of Management Science Silpakorn University Thailand luqkuz@hotmail.com	Nghiên cứu so sánh hành vi sử dụng rau sạch của khách hàng tại cửa hàng Golden Place ở Hua Hin Prachuap Khiri Khan, Thái Lan A comparative study of the behavioral health of eating vegetables to the tourist's customer of golden place shop in Hua Hin Prachuap Khiri Khan province Thailand
14	ThS. Lê Thị Ngọc Phúc Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ngocphuc@hotmail.com	Thực hành tầm soát ung thư cổ tử cung ở phụ nữ hành nghề mại dâm ở TP. Hồ Chí Minh Cervical cancer screening among Vietnamese female sex workers in Ho Chi Minh City

15	Ryotaro Katsura katsurar@ir.ritsumei.ac.jp	Bài học kinh nghiệm từ người cao tuổi ở Việt Nam – nghiên cứu lồng ghép về phúc lợi xã hội, hòa bình và quá trình lão hóa What we can learn from the elderly in Vietnam - an integration of studies of social welfare, peace, and gerontology
16	TS. Nguyễn Thị Kim Loan Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh kimloan200971@gmail.com	Thay đổi ứng xử với môi trường tự nhiên: giải pháp để phát triển môi trường bền vững trong bối cảnh hình thành cộng đồng ASEAN Changing people's behaviours with the nature – The solution to develop environmental sustainability in the context of ASEAN community's formation

TIỂU BAN 3: KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ DU LỊCH
SESSION 3: ECONOMIC, SOCIAL ISSUES, TOURISM

STT	Tác giả	Tên bài viết
1	Bùi Hoàng Việt Khoa Đô thị học Trường Đại học KHXH & NV Đại học Quốc gia TP. HCM buihoangviet911@gmail.com	Phát triển kinh tế tiểu thủ công nghiệp truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá (<i>nghiên cứu thực tiễn từ trường hợp Việt Nam và Thái Lan</i>) Economic development of traditional handicrafts in the globalization (<i>Case studies from Vietnam and Thailand</i>)
2	TS. Nguyễn Hoàng Huế Đại học Thủ Dầu Một nhhuetdm@gmail.com	Tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc hành lang kinh tế Đông Tây (1998-2014), hiện thực hóa của quá trình hợp tác giữa các nước thành viên nhằm xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN The process of economic cooperation between the countries of the East West Economic Corridor (1998-2014), realization of the cooperation between the Member States to establish the ASEAN Economic Community
3	Bùi Minh Hào Diễn đàn Tư Duy học GS.TS. Tô Duy Hợp Trung tâm Khoa học Tư Duy buihao261@gmail.com	Sinh kế tộc người trong thời đại toàn cầu hóa (phân tích một mô hình sinh kế của người Dao ở Tây Bắc, Việt Nam) Ethnic livelihood patterns in the era of globalization (The Case of the Dao in Northwestern Vietnam)

4	TS. Huỳnh Đức Thiện Khoa Việt Nam học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thienhuynhduc@hcmussh.edu.vn	Thái lan với tiến trình công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu và những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam Thailand's export oriented industrialization and its implications for Vietnam
5	Lê Thị Thanh Tuyền Khoa Đô Thị học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh lethithanhtuyen1002@gmail.com	Chợ truyền thống trong sự phát triển chung của cộng đồng kinh tế asean: cơ hội và thách thức Traditional market in the development of the community ASEAN economic: opportunities and challenges
6	ThS. Lê Thu Huyền ĐH Nội vụ Hà Nội – Cơ sở miền Trung lethuhuyen2005@gmail.com	Tác động của du lịch đối với đời sống tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong bối cảnh toàn cầu hóa <i>(Nghiên cứu so sánh tại khu đô thị cổ Hội An – Quảng Nam và làng Ban Prasat tỉnh Nakhon Ratchasima Thái Lan)</i> Impact of tourism to belief life and community cultural living in globalization context (comparative study in Hoi An old city, Quang Nam province and Ban Prasat village, Nakhon Ratchasima province, Thailand)
7	ThS. Ngô Hoàng Đại Long Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo hoangdailonggso@gmail.com TS. Lê Thị Kim Thoa Khoa Địa lý Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Đánh giá mức độ tổn thương sinh kế và việc lựa chọn các mô hình kinh tế sinh thái ứng phó tại vùng ven biển ĐBSCL trước thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu (trường hợp Bến Tre) Livelihoods risk evaluation and choices of ecological-economic models for people in the Mekong Delta coastal areas under threats on global climate change (case study: Ben Tre)

8	TS. Ngô Hồng Diệp TS. Nguyễn Hoàng Huế Đại học Thủ Dầu Một nhhuetdm@gmail.com	Hợp tác phát triển du lịch giữa các nước thuộc hành lang kinh tế Đông Tây (1998 - 2010) thúc đẩy quá trình hợp tác du lịch của ASEAN Cooperation fine tourism between the countries of the East West Economic Corridor (1998 - 2010) to accelerate the process of ASEAN tourism cooperation
9	TS. Ngô Thị Phương Lan Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ngophuonglan@yahoo.com	Đặc điểm sản xuất thị trường của hộ nông dân trồng lúa và vấn đề hội nhập và phát triển The characteristics of marketing production of rice-planting households and integration and developmental issue
10	TS. Ngô Thanh Loan Bộ môn Du Lịch Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh loanngothanh@hcmussh.edu.vn Lê Hữu Nghĩa Công ty Du lịch 4UTours	Liên kết khai thác và phát triển tuyến du lịch Hà Tiên – Sihanoukville Jointly exploiting and developing the tourist circuit Hà Tiên – Sihanoukville
11	TS. Nguyễn Thị Hoàn Đại học kinh tế quốc dân hoanlam753@gmail.com	Hợp tác phát triển tiểu vùng sông Mê Kông: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam Development cooperation Mekong subregion: Opportunities and challenges for Vietnam

12	TS. Nguyễn Thị Quế Loan Khoa Du Lịch Đại học Sư Phạm nguyenqueloan71@gmail.com	Khai thác giá trị ẩm thực của các dân tộc thiểu số trong phát triển du lịch ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa The Value of ethnic culinary arts in tourism development in midland and mountainous regions in northern Vietnam in the context of globalization
13	PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia Hà Nội nvsuu@yahoo.com	Biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa Livelihood change in Hanoi's peri-urban villages in the processes of industrialization and urbanization
13	PGS.TS Nguyễn Văn Tiệp Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tiephao@yahoo.com	Văn hóa ẩm thực người Việt: tiếp cận nhân học sinh thái Vietnamese cuisine from cultural ecological approach
14	ThS. Nguyễn Văn Vinh Khoa Lịch sử Đại học Sư phạm Hà Nội 2 nguyenvanvinhtb@gmail.com	Vai trò của Batavia (Jakarta) trong mạng lưới thương mại nội Á của công ty Đông Ấn Hà Lan thế kỷ XVII The role of Batavia in the process of building intra-Asia trade network of the Dutch East India Company in the XVII century

15	Nuttanit Suriyachay Taninrat Rattanapongpinyo, Ph.D Faculty Of Management Science Silpakorn University, Thailand taninrata@gmail.com	Sự điều chỉnh hành vi tiêu thụ thực phẩm tốt cho sức khỏe của dân cư trong độ tuổi lao động tại Thái Lan và Malaysia The modification in healthy food consumption behavior of Thai and Malaysian working-age population
16	Phạm Ngọc Hòa Học viện Hành chính khu vực phamhoa2005@gmail.com	Giải pháp khai thác tiềm năng văn hóa để phát triển du lịch giữa các nước trong khu vực tiểu vùng sông Mekong Solution cultural potential mining for tourism development between countries in the Mekong river sub-region
17	TS. Phạm Ngọc Trâm Khoa Lịch sử Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ngoctrammk@gmail.com	Phát triển du lịch biển Việt Nam và Thái Lan trong bối cảnh toàn cầu hóa Developing sea tourism Vietnam and Thailand in the context of globalization
18	ThS. Phạm Thanh Thôi Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thoiphamthanh@yahoo.com TS. Honda Mamoru Viện Nghiên cứu Văn hoá Châu Á, Đại học TOYO, Nhật	Chuyển đổi vị thế kinh tế giữa các nhóm dân tộc Koro ở Đức Trọng, Lâm Đồng, Việt Nam Change of economic status among local groups of the Koro in Duc Trong district, Lam Dong province, Vietnam
19	TS. Trần Hạnh Minh Phương Đại học Thủ Dầu Một thmphanhkhxh@gmail.com	Kinh tế nông hộ Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh toàn cầu hóa: cơ hội và thách thức Peasant households' economy in Mekong delta in the context of globalization context: opportunities and challenges

20	Trần Tấn Đăng Long Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh danglong20@yahoo.com.vn	Biến đổi môi trường sinh thái qua tác động của người nông dân với hoạt động sinh kế mới ở Đồng bằng sông Cửu Long Ecological change through the impacts of farmers with new livelihood activities in the Mekong delta
21	ThS. Trần Thị Thảo Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh thao3vn@yahoo.com	Hồn chiếu Khmer: vài đặc trưng văn hóa Khmer qua nghề dệt chiếu thủ công truyền thống "The essence of Khmer sedge mat": some features of Khmer culture represented in sedge mat traditional handicraft
22	TS. Trương Thị Thu Hằng Trần Ngân Hà Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh hangdongvn@yahoo.com	Tính chân thật của đờn ca tài tử trong du lịch tại Thới Sơn, Tiền Giang: bản sắc văn hoá và toàn cầu hoá Authenticity and traditional music performance in the context of tourism on Thoi Son islet, Tien Giang province, Vietnam
23	Prof. Ann Marie Leshkowich, Ph.D College of the Holy Cross aleshkow@holycross.edu	Các vấn đề xã hội, công tác xã hội: Những vấn đề chung toàn cầu và thuộc tính riêng trong bối cảnh kinh tế chính trị của Việt Nam Social Problems, Social Work: Transnational Expertise and New Subjectivities in Vietnam's Changing Political Economy

24	Prof. Christina Schwenkel, Ph.D University of California, Riverside, USA Fellow, American Academy in Berlin christina.schwenkel@ucr.edu	Việc tái thiết kế nhà ở xã hội ở Vinh The afterlife of social housing in Vinh
----	--	--

**TIỂU BAN 4: TỘC NGƯỜI, VĂN HOÁ-NGHỆ THUẬT
VÀ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**
SESSION 4: ETHNIC, CULTURE - ARTS AND MARRIAGE-FAMILY

STT	Tác giả	Tên bài viết
1	PGS.TS. Vương Xuân Tình ThS. Vũ Đình Mười Viện Dân Tộc học vxtingh56@yahoo.com	Quan hệ tộc người xuyên quốc gia ở Việt Nam: Một số lý thuyết, quan điểm tiếp cận và vấn đề nghiên cứu Transnational ethnic relationship in Vietnam: Theory, Approach, and research issues
2	GS.TS. Ngô Văn Lệ Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh lengovan@gmail.com	Ảnh hưởng của tính cộng đồng làng xã đến thực trạng hệ giá trị Việt Nam hiện nay The interplay of the communality to the value system in contemporary Vietnam
3	ThS. Bùi Việt Thành Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh buivietthanh@hcmussh.edu.vn	Giao lưu tiếp biến văn hoá trong tín ngưỡng dân gian - điển cứu trường hợp thờ cúng neak ta tại Đồng bằng sông Cửu Long Acculturation in folk beliefs: A case study of Neak Ta in Mekong Delta regions
4	ThS. Đặng Văn Luận Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội congluan1978@gmail.com	Tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến gia đình truyền thống ở Việt Nam hiện nay The impact of scientific revolution and modern technology on traditional family values in Vietnam nowadays

5	ThS. Đảng Năng Hoà Trường Đại học Mở Tp. HCM hoa.dn@ou.edu.vn	Nhạc cụ truyền thống chằm và mối quan hệ với nhạc cụ Mã Lai The Cham traditional musical instruments in relation with those of the Malai
6	TS. Buôn Krông Tuyết Nhung Bộ môn Ngữ Văn, Khoa Sư phạm, Đại học Tây Nguyên tuyetnhungbkw@gmail.com	Một số biến đổi cơ bản về văn hóa – xã hội Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập và phát triển Some fundamental change of culture - society in Tay Nguyen Viet Nam in the context of integration and development
7	ThS. Dương Thanh Mừng Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng Thanhmung88@gmail.com	Nhân tố tôn giáo trong tiến trình toàn cầu hóa - nhìn từ các quốc gia Đông Nam Á Religious factor in the process of globalization from Southeast Asia countries
8	TS. Kim Kyu Tạp chí Goodmorning Việt Nam kimkyu@hotmail.com	Mối quan hệ giao lưu và tương tác của dân di trú diện kết hôn Việt Nam - Hàn Quốc: <i>Trường hợp phụ nữ di trú diện kết hôn</i> The relationship and interaction exchanges of immigrants in south korea – the case of Vietnamese women get married to South Korean men
9	TS. Lê Thị Ngọc Diệp Khoa Văn hoá học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh ltnдиеp8@gmail.com	Tín ngưỡng phồn thực trong sân khấu truyền thống Đông Nam Á The fertility cult in Southeast Asian traditional theaters

10	ThS. Mai Minh Nhật Khoa Lịch sử Trường Đại học Đà Lạt nhatmm@dlu.edu.vn	Đạo Tin Lành ở Tây Nguyên trong bối cảnh toàn cầu hóa tôn giáo tôn giáo hiện nay Protestantism in the central highlands in current religious globalization situation
11	Nguyễn Anh Tuấn Viện Dân Tộc học nguyenanhtuan.dth@gmail.com	Tìm kiếm ý nghĩa, xây dựng bản sắc: Trải nghiệm thú chơi gà chọi của người dân ở một làng lên phố tại Hà Nội Explore meaning, construct identity: The experience of cockfighting hobby of residents at urbanized village in Ha Noi
12	PGS.TS. Nguyễn Công Lý ThS. Dương Hoàng Lộc Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh nguyencongly54@yahoo.com.vn	Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa: Trường hợp ở Thành phố Hồ Chí Minh Vietnamese buddhism in the globalization background (case study in Ho Chi Minh city)
13	PGS.TS. Nguyễn Công Lý Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo Trường ĐHKHXH&NV ĐHQG TP. HCM nguyencongly54@yahoo.com.vn	Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần trong môi trường giao lưu - tiếp biến với Phật giáo - văn hóa Ấn Độ, Phật giáo Trung Quốc và văn hóa - tín ngưỡng dân gian bản địa Vietnamese Buddhism under the Ly - Tran dynasties, in the acculturation of Indianese Buddhism – Chinese Buddhism – Vietnamese folklore

14	TS. Nguyễn Hồng Quang Viện nghiên cứu Đông Nam Á Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ngnhquang2002@yahoo.com	Vai trò của văn hóa tộc người Thái đen trong phát triển du lịch ở Mường Thanh, Điện Biên The Role of Black Thai ethnic culture in tourism development in Muong Thanh, Dien Bien
15	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm Viện Nghiên cứu văn hóa ngphuongcham@gmail.com	Xu hướng gia tăng các hoạt động tín ngưỡng ở một làng ven đô trong bối cảnh đô thị hóa Increasing religious activities at Xuân Đình-the suburban village- in the context of urbanization
16	ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy Đại học Thủ Dầu Một thuthuy0072@yahoo.com	Dấu ấn văn hóa Islam Đông Nam Á Trong cộng đồng chăm Islam Nam bộ: lịch sử và hiện tại Cultural imprint of Islam Southeast Asia in Southern muslim cham community: past and present
17	Nguyễn Thu Trang Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nguyenthutrang51193@gmail.com	Dấu ấn của văn hóa Ấn Độ ở Đông Nam Á: Tiếp cận từ góc độ “Ấn Độ hóa” vào thời kỳ cổ - trung đại The influence of Indian culture in Southeast Asia: from the “Indianization” point of view at the Classical-Medieval periods

18	TS. Lê Đức Hạnh Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Phi, Viện HL KHXH Việt Nam duchanh05@gmail.com Nguyễn Thị Thanh Nga Đại học Ngoại ngữ Đại học Quốc gia Hà Nội	Tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa Religions in Vietnam in Globalization Context
19	TS. Phan Anh Tú Khoa Văn hóa học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh phananhtu03@gmail.com	Ảnh hưởng của tín ngưỡng Thái Lan (Phra Phrom và Nang Kwak) trong Phật giáo Nam Tông Khmer từ bối cảnh giao lưu khu vực The influence of Thai belief (Phra Phrom and Nang Kwack) in Theravada Buddhism of the Khmer from background of regional contact
20	ThS. Trịnh Hiền Thương Trung tâm Văn hóa Thành phố Hà Nội trinhhienthuong@yahoo.com.vn	Lễ Tết ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa Festivals in Vietnam in the context of globalization
21	ThS. Trương Thị Thúy Hà Viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam Thuyha183@gmail.com	Bùa chú trong đời sống tâm linh của người Việt: Qua nghiên cứu trường hợp xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc The spells in Vietnamese's belief: a case study at Ngũ Kiên village, Vĩnh Tường town, Vĩnh Phúc district, Vietnam

22	ThS. Vương Thu Hồng Hội Khảo cổ học Việt Nam hongvuongthu54@gmail.com	Suu tập cổ vật bằng xương - sừng tàng trữ tại bảo tàng Long An The collection of bone – horn antiquities at Long An Musuem
23	TS. Huỳnh Ngọc Thu Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh Hnthu76@hcmussh.edu.vn	Thiên Lý Bửu Toà: sự sáng tạo cá nhân của cộng đồng tín đồ Cao Đài ở California Thien Ly Buu Toa: as personal creativity in the Caodaist community in California, USA
24	TS. Nguyễn Ngọc Thơ Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh poettho@gmail.com	Văn hóa quản lý thời hậu hiện đại Postmodern management culture
25	TS. Đặng Thị Kim Oanh Khoa Nhân học Trường Đại học KHXH&NV Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh Oanhlinh63@gmail.com	Hôn nhân Việt - Hàn, Việt - Đài: một cái nhìn so sánh Globalization and marriage: Case study of Vietnam-Korea and Vietnam – Taiwan marriages

TÓM TẮT – ABSTRACTS

PHIÊN TOÀN THỂ - PLENARY SESSION

Tóm tắt
**ĐÔNG NAM Á – TỪ GÓC NHÌN ĐỊA - CHÍNH TRỊ -
KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI ĐẾN NHẬN ĐỊNH
MỘT SỐ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC
XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG ASEAN SAU NĂM 2015**

PGS.TS Phan Thị Hồng Xuân

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh hội nhập khu vực, hướng đến trách nhiệm xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và những năm tiếp theo, bài viết “Đông Nam Á từ góc nhìn Địa – Chính trị - Kinh tế - Văn hóa – Xã hội đến nhận định một số cơ hội và thách thức trong việc xây dựng cộng đồng ASEAN sau năm 2015” gồm 3 phần: (1) Tên gọi Đông Nam Á: từ khu vực đến cộng đồng; (2) Địa– kinh tế - chính trị Đông Nam Á; (3) Môi trường văn hóa - xã hội ở các quốc gia Đông Nam Á. Qua đó tác giả sẽ nêu lên hiện trạng các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của các quốc gia trong khu vực, đánh giá cơ hội và thách thức của ASEAN nói chung, xây dựng cộng đồng ASEAN nói riêng trong tương lai.

Abstract
**SOUTHEAST ASIA - FROM VIEWPOINTS OF ECONOMIC
POLITICAL SOCIO CULTURAL GEOGRAPHY TO GIVING
SOME OPINIONS OF OPPORTUNITIES AND CHALLENGES
FOR BUILDING THE ASEAN COMMUNITY AFTER 2015**

Prof. Phan Thị Hồng Xuân, Ph.D

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

In the context of regional integration towards building the ASEAN Community in 2015 and the following years, An articles of “Southeast Asia - from a viewpoints of economic political socio cultural geography to giving some opinions of opportunities and challenges for the building ASEAN community after 2015” consists of 3 parts : (1) Name of Southeast Asia: from the region to the community; (2) economic political geography of Southeast Asia ; (3) The socio cultural environment of Southeast Asia nations that will address the current situation of political economic social and cultural issues of the countries in the region and assessment opportunities and challenges of ASEAN nations in generally and building ASEAN community in particularly in the future .

Tóm tắt
**BỐI CẢNH HOÁ, ĐỊA PHƯƠNG HOÁ, BẢN ĐỊA HOÁ:
THÁCH THỨC CHO NỀN GIÁO DỤC Ở PHILIPPINES**

PGS.TS. Ricamela S. Palis
Trung tâm Văn hoá Nghệ thuật
Đại học San Juan de Letran Calamba
Philippines

Gần năm hoặc sáu thập niên trước, tri thức bản địa và tri thức truyền thống, còn được gọi là tri thức văn hóa địa phương được xem là không hiệu quả, thua kém và là một trở ngại cho sự phát triển. Nhưng hiện nay, các chiến lược phát triển toàn cầu tìm đến tri thức văn hóa địa phương và kỹ thuật truyền thống như những phương thức khác để giải quyết các vấn đề về đói, nghèo, biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai. Tuy nhiên, kiến thức văn hóa địa phương vẫn chưa được khai thác và hội nhập vào nền giáo dục chính thức. Ở nhiều nước đang phát triển, giáo dục chính thức được ra đời vào thế kỷ thứ 19 để đào tạo ra những nhà quản lý, nhân viên, giáo viên và phiên dịch viên phục vụ cho chính phủ thuộc địa nhằm cai trị cư dân thuộc địa. Hệ thống trường công lập được thành lập ở Philippines vào năm 1901 bởi chính phủ thuộc địa Hoa Kỳ. Kiến thức phổ thông được giảng dạy, bỏ qua tri thức bản địa và xem nó như sự tồn tại ngoài lề của giáo dục. Hơn nửa thế kỷ sau đó, đã có xu hướng ghép tri thức bản địa với tri thức phổ thông và đặc biệt trong các ngành khoa học xã hội. Sau giải phóng thuộc địa, xu hướng này đã được xã hội ủng hộ bởi chính phủ và người dân, nhất là giai đoạn cuối thế kỷ 20. Bước sang thế kỷ 21, tri thức văn hóa bản địa được đưa vào các chương trình của một số cơ quan văn hóa lớn của Philippines. Mười năm sau đó, một đạo luật đã được thông qua khi bối cảnh hóa, địa phương hóa và bản địa hóa như tính năng chính của chương trình K-12 mới được giới thiệu. Vấn đề chính của tri thức văn hóa địa phương phải đối mặt với hệ thống giáo dục phổ thông của Philippines là sự suy giảm nguồn lực và xung đột giá trị trong phương cách giảng dạy.

Abstract
**CONTEXTUALIZATION, LOCALIZATION,
AND INDIGENIZATION:
Challenges for Basic Education in the Philippines**

Assoc. Prof. Ricamela S. Palis
and Director for Culture and Arts
Colegio de San Juan de Letran Calamba
Calamba City, Laguna
Philippines

Nearly five or six decades ago indigenous and traditional knowledge, also known as local cultural knowledge were considered inefficient, inferior and an obstacle to development. Now, global development strategies look to local cultural knowledge and technology as alternative ways to address the problems of hunger, poverty, climate change, and disaster risk management. However, local cultural knowledge remains largely untapped and its integration into formal education remains to be seen. In many developing countries, formal education was introduced in the 19th century to produce administrators, clerks, teachers and interpreters that served the colonial governments' need for control of the colonized populations. The public school system established in the Philippines in 1901 by the colonial government of the United States was no exception to this. A 'universal' abstract knowledge system was introduced, throwing the indigenous knowledge or indigenous methods of education to the margins. More than half a century later, there were movements in the Philippine academe that challenged the "colonially implanted knowledge fields" and indigenize academic disciplines especially in the social sciences. With decolonization and indigenization as its project, these movements eventually found allies among social movements, peoples' organizations and other non-government organizations in the last two decades of the century. At the turn of the 21st century, it slowly gained ground in programs of some major culture agencies of the Philippines. Ten years later, a law was passed instituting contextualization, localization and indigenization as key features of the newly-introduced K-12 curriculum. This "centering" of local cultural knowledge faces fundamental problems of the Philippine educational system, such as dwindling resources and conflicting values within the curriculum and its delivery system.

Tóm tắt
ĐÔNG NAM Á: HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN
VÀ TRƯỜNG HỢP CỦA THÁI LAN

TS. Santhipharp Khamsa-Ard
Khoa Khoa học quản lý
Trường Đại học Silpakorn, Thailand

Thái Lan là một phần của khu vực Đông Nam Á, trong kế hoạch phát triển quốc gia được gọi là "Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội Quốc gia lần thứ 11 (giai đoạn 2012-2016) ", đã được chuẩn bị với sự tham gia của tất cả thành phần xã hội. Trong suốt kế hoạch thứ VIII và thứ X, triết lý về kinh tế đã được thông qua và áp dụng cho tất cả các thành phần trong xã hội Thái Lan, từ gia đình và cộng đồng trên phạm vi toàn quốc. Kết quả đạt được, đất nước đã phục hồi nhanh chóng trên các lĩnh vực, kinh tế, xã hội, môi trường. Theo triết lý này, tư duy về tri thức, khoa học, công nghệ, sáng tạo... là những thành tố quan trọng để đạt được sự phát triển cân bằng và bền vững.

Hướng đến "Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội Quốc gia lần thứ 12 BE 2560 - 2564 (giai đoạn 2017-2021)", không giống như kế hoạch 11. Điều kiện phải "Chiến lược liên kết các quốc gia" của Hội đồng cải cách quốc gia được vạch ra, và hướng đến sự phát triển của 20 năm tới. Trong kế hoạch này, bao gồm các những cuộc tạo đàm, trao đổi kinh nghiệm, chứ không phải chỉ nằm trên giấy như trước đây. Theo lộ trình trình, kế hoạch sẽ được bỏ phiếu thông qua. Đây là kế hoạch phát triển kinh tế lần đầu tiên sẽ được trình lên Quốc hội và phê duyệt. Đó là nhằm mục đích có hiệu lực pháp lý đã được quy định của hiến pháp. Chính phủ có nhiệm vụ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Điều này không giống như trước đây.

Mục tiêu của kế hoạch số 12, đưa quốc gia ra khỏi nhóm các nước thu nhập trung bình để xóa đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng bằng cách tăng GDP bình quân đầu người là 317.051 baht (mỗi năm) và tăng thu nhập bình quân đầu người. GDP phải tăng ít nhất 5% (trong đó dự kiến sẽ chỉ tăng trưởng 2,8% trong năm nay), nếu trong vòng 10 năm qua, nền kinh tế Thái Lan tăng 5% mỗi năm Thái Lan đã thoát khỏi nhóm các nước trung bình, và hướng đến nhóm các nước giàu.

Các thông số giống như lên dãy Himalaya, đó là chính phủ phải nâng cao hiệu quả lao động để cho tốc độ tăng trưởng GDP mỗi năm tăng 5%. Để đẩy nhanh tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt khoảng 18-19 dự án để hỗ trợ cho nền kinh tế trong tám năm tới với khoảng 1,6 nghìn tỷ baht. Và quan trọng nhất, tăng trưởng xuất khẩu sẽ phải tăng trung bình 10-15% mỗi năm, nhưng trong năm nay, kim ngạch xuất khẩu của Thái Lan ở mức độ tiêu cực. Năm tiếp theo sẽ phục hồi hay không, do bởi nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Trung Quốc vẫn đang hồi phục. Nếu xuất khẩu tăng 10- 15%, và diễn ra

liên tục trong 10 năm như là một giấc mơ khó đạt được. Ngoài ra, GDP phải tăng 5% mỗi năm trong vòng 10 năm tới là còn khó khăn hơn.

Cuối cùng, biết rằng giấc mơ là khó đạt được, kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội quốc gia nên được dựa trên thực tế khả năng đang có. Các nguyên của Chiến lược Hoàng gia là chìa khoá thành công về phúc lợi cho người Thái, để mọi người hạnh phúc hơn. GDP trị giá hơn 5%, sau đó là 10% là điều đáng mơ ước đến.

AEC là một trong những chiến lược quan trọng để phát triển đất nước như là cùng một tiêu chuẩn, sự tham gia của tất cả các nước trong ASEAN sẽ có những công cụ chiến lược hỗ trợ cho sự phát triển của mỗi quốc gia. Cố gắng cùng nhau phát triển.

Abstract

SOUTHEAST ASIA: INTEGRATION AND DEVELOPMENT & PRESENTATION OF THAILAND

Santhipharp Khamsa-Ard, Ph.D

Faculty of Management Science

Silapakorn University

Thailand

Thailand is the part of Southeast Asia, looks through the national plan called “The leventh National Economic and Social Development Plan B.E. 2555 – 2559 (A.D. 2012 – 2016)”, which was prepared with the involvement of Thai people from all walks of life. During the Eighth and Tenth Plans, the philosophy of Sufficiency Economy was adopted and applied to every segment of Thai society, from families and communities up to nationwide scope. As a consequence, the resilience of the country has been strengthened through a deepening of the nation’s economic, social and environmental capital.

Under the guiding principles of the Sufficiency Economy Philosophy, knowledge, science and technology, innovation and creative thinking will become crucial factors to achieve balanced and sustainable development.

Looking forward to “The 12th National Economic and Social Development Plan B.E. 2560 – 2564 (A.D. 2017 – 2021)”, unlike a plan developed over the past 11 editions. The conditions must “Linking the national strategy” by the National Council reform and strategic plans, in another 20 years ahead of the government. Included in the plan is a plan to give workshops. Not just plans on paper so ago. According to the roadmap draft constitution. The Council was formed to overturn the vote. Plan No. 12 will be the first economic development plan to be presented to Parliament voted and approved. To give legal effect to the constitutional provisions. The government has a duty to the country by the National Economic and Social Development Plan. Executive leadership is not like the past.

The goal of the Master Plan No. 12, out of the trap middle-income countries to reduce poverty, reduce inequality by increasing GDP per capita is 317,051 baht (per year) and increase per capita income. GDP must grow at least 5% (of which is expected to grow only 2.8% this year), if within 10 years, Thailand's economy grew 5% annually Thailand to escape. Middle-income countries immediate access to rich countries.

The conditions specifications is look like climbing the Himalayas, making it a GDP growth of 5% per year spell you say the government must improve labor efficiency. The skill and craftsmanship. To accelerate infrastructure investment, the Ministry of Transport to approve the transportation of approximately 18-19 projects to support into the economy continues in the next eight years to 1.6 trillion baht.

And most importantly, Export growth will have to average 10-15% per year, but this year the year the exports of Thailand to negative firewood. Next year it will recover or not. Because of the global economy, the Chinese economy is still recovering. If it makes exports grew 10- 15%, continuing a 10-year dream that is hard to reach. Also, the GDP must grow 5% per year over the next 10 years even more difficult.

At the end, knowing that A dream that is hard to reach, the plan of national economic and social development should be based on the fact that possibility. The principles of sufficiency of the King Strategy are the key success for the wellbeing of Thai people, maximize the use of our asset, so that everyone will be happy as well. Do not dream it's over. All households have sufficient economy. GDP was worth more than 5%, then 10%.

AEC is one of key strategy to develop the country as the same standard, involvement of all countries in ASEAN will be strategic and tools to support the growing up of each country. Try together and grow together by keeping your heritage, your identity and proud to be ourselves.

Tóm tắt

HẬU HẢI YÊN: MỘT NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC VỀ SỰ MẤT MÁT, SÀU BI VÀ BỨC XÚC SAU THẢM HỌA THIÊN TAI Ở PHILIPPINES

TS. Nguyễn Thu Hương
Khoa Nhân học
Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia Hà Nội

Bài tham luận dựa trên các kết quả nghiên cứu thực địa tại Phi-lip-pin là hợp phần của một đề án nghiên cứu về Bạo lực giới trong bối cảnh thiên tai tại Pa-ki-tăng, Phi-lip-pin và Việt nam được Hội đồng Nghiên cứu Thụy Điển tài trợ.

Đề án nghiên cứu do Giáo sư Helle Rydstrom, nhà nhân học xã hội từ Bộ môn Nghiên cứu Giới, Đại học Lund chủ trì, với sự tham gia của Giáo sư Catarina Kinnvall, Bộ môn Khoa học chính trị thuộc Đại học Lund và tôi.

Dựa trên phỏng vấn sâu định tính với khoảng 40 người dân địa phương và đại diện các cơ quan chính phủ cũng như tổ chức dân sự trong đợt di tản tại hai tỉnh Leyte và miền Đông Samar thuộc Phi-lip-pin mùa hè năm 2015, bài tham luận trình bày các tự sự nhân học trong tương quan với tính chính trị và chủ thuyết nhân đạo. Bài viết đi vào phân tích nỗi đau đớn, mất mát, sầu bi và niềm bức xúc của các nạn nhân sống sót đang nỗ lực tái thiết cuộc sống sau sự tàn phá thảm khốc của siêu bão Hải Yến. Ấn sau đó là cảm giác chịu bất công của không ít người dân địa phương trước những toan tính quyền lực giữa chính quyền sở tại và Nhà nước trung ương, những mâu thuẫn quyền lợi trong viện trợ nhân đạo của các bên hữu quan.

Abstract

IN THE WAKE OF HAIYAN: AN ETHNOGRAPHIC STUDY ON LOSS, MELANCHOLY, AND FRUSTRATION AS A RESULT OF CLIMATIC CATASTROPHE IN THE PHILIPPINES

Nguyễn Thu Hương, Ph.D

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – Hà Nội

On November 8, 2013, super Typhoon Haiyan (also known as Yolanda) one of the strongest storms ever recorded, hit the Philippines and left a trail of destruction in its path. It caused more than 6,000 dead, displaced around 4 million, and affected at least 12 million Filipinos (*New York Times*, Feb. 9, 2014). The consequences were far reaching for the survivors and their environment: daily life was ruined, society disrupted, materials destroyed. Based on in-depth qualitative interviews with some 40 survivors and representatives of both civil society organizations and governmental agencies in our fieldwork in the provinces of Leyte and Eastern Samar of the Philippines during the summer of 2015, this paper brings ethnographic narratives together in a wider context of politics and humanitarianism in dealing with the untold suffering of the survivors, their great loss, their immense melancholy and their frustration in trying to rebuild their shattered lives. All these were underpinned by a sense of injustice felt by many as a result of the power play among local governments and competing interests in providing emergency aid among stakeholders.

Tóm tắt
**DI SẢN CỤ THẠCH & TỤC “THỜ ĐÁ LỚN” – “HẰNG SỐ
VĂN HÓA – TÍN NGƯỠNG” ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ
TIỀN NHÀ NƯỚC**

PGS.TS. Phạm Đức Mạnh

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

ThS. Nguyễn Hồng Ân

Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch Đồng Nai

Trong bài này, tác giả giới thiệu các di sản văn hóa cự thạch hiếm có ở Khu vực Đông Nam Á, ví như các loại hình mộ Cự thạch (quan tài đá, phòng đá, chum – thùng đá, ụ đá, đường lát đá, Dolmen, Menhirs hoặc tác phẩm điêu khắc đá) trên quần đảo Indonesia; các quan tài đá hoa cương và mộ đá phiến, Menhirs và trường thạch trên bán đảo Malaysia; quan tài đá phiến ở miền Tây Thái Lan và các "đồng Chum" trên vùng cao nguyên Hua Phan (Sầm Nưa) và Mường Phun (Xieng Khuang) (Lào). Đó cũng là “Hằng số văn hóa – tín ngưỡng” và là “Hiện tượng lịch sử” độc đáo trong các xã hội đương thời Đông Nam Á.

Tác giả chú trọng đến truyền thống văn hóa Cự thạch của Việt Nam, in dấu khắp Bắc - Trung - Nam qua các di sản quan trọng nhất – Dolmen và Menhir phát hiện ở Cao Bằng (Bàn Thành, Hà Quảng, Hồng Việt), Hà Giang và Lào Cai (Nấm Dần, Hầu Thao, Tả Van Giáy), Lạng Sơn (Chóp Chài, Mẫu Sơn), Tuyên Quang (Nà Hang, Thiện Kế), Bắc Giang (Vũ Xá), Bắc Ninh (Lạn Khai), Vĩnh Phúc (Đồng Hội), Hà Nội (Sóc Sơn), Nghệ An (Hưng Nguyên), Quảng Ngãi (Trà Bồng, Đồng Phổ), Bình Định (Tuy Phước), Gia Lai (Chư Pah), Sài Gòn (Tân Bình) .v.v...

Tác giả chuyên khảo về Hầm mộ Cự thạch Hàng Gòn I-7A (Đồng Nai) do J.Bouchot phát hiện từ năm 1927 và từng được học giả thế giới thừa nhận là di sản Cự thạch độc đáo ở lục địa Đông Nam Á và giới thiệu phát hiện – nghiên cứu mới về “Công xưởng Cự thạch” Hàng Gòn II-7B niên đại C14: 2670-2220 ± 40 BP. Đó cũng là công xưởng Cự thạch đầu tiên ở Đông Nam Á phục vụ công cuộc kiến thiết hầm mộ Cự thạch để chôn cất Thủ lĩnh bản địa thời kỳ Đồng phát triển – sơ kỳ đồ Sắt. Đây cũng là “Vùng đất thánh” của văn minh Nam Bộ bản địa thời kỳ “Tiền Nhà nước”.

Những nghiên cứu về di sản Cự thạch nói trên góp phần vào nhận thức chung về các nền văn minh cổ xưa của những “Công đồng người trồng Lúa” ở Việt Nam nói riêng và cả Châu Á nói chung.

Abstract
**THE MEGALITHIC HERITAGE AND THE BIG-STONE
WORSHIP - CULTURAL & RELIGIOUS CONSTANTS OF
SOUTHEAST ASIA IN THE PRE-STATE PERIOD**

Pro.f Phạm Đức Mạnh, Ph.D
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC
Nguyễn Hồng Ân, MA

In the paper, the author reviews the Cultural Megalithic Heritage rare on the Southeast Asian Area. There are megalithic graves (sarcophagus, stone cists – chambers, stone jars – vats, enclosures – cairns, avenues, mortars, Dolmen, Menhirs or Sculptures) on the Indonesian Archipelago; granite coffins, slab-cists, Menhirs and stone alignments on the Malaysian Peninsula; slab stone coffins on the Western Thailand and the “Plain of Jars” on the highlands of Hua Phan (Sam Nua) and Muong Phou (Xiang Khuang) (Laos). There is also “Cultural & Religious Constants and the Unique “Historical Phenomenon” in Southeast Asian contemporary society.

The author focuses on the Cultural Megalithic Tradition of Vietnam, recorded throughout North – Central – South via the most important heritage – monuments of “Dolmen type” (Stone table) and “Menhir type” which were discovered in Cao Bang (Ban Thanh, Ha Quang, Hong Viet), Ha Giang and Lao Cai (Nam Dan, Hau Thao, Ta Van Giay), Lang Son (Chop Chai, Mau Son), Tuyen Quang (Na Hang, Thien Ke), Bac Giang (Vu Xa), Bac Ninh (Lan Khai), Vinh Phuc (Đong Hoi), Ha Noi (Soc Son), Nghe An (Hung Nguyen), Quang Ngai (Tra Bong, Đong Pho), Binh Dinh (Tuy Phuoc), Gia Lai (Chu Pah), Sai Gon (Tan Binh) etc.

The author point out the best unique of Vietnam Megalithic Heritage – the Megalithic Tomb at Hang Gon (Hang Gon I-7A) (Dong Nai province) which was discovered by J.Bouchot from 1927 and recorded by World scholar as most characteristic Megalithic Heritage in Southeast Asian mainland. The author introduces the results of excavations and the study on "Megalithic workshops-site" at Hang Gon (Hang Gon II-7B) aged C14 from 2670 to 2220 ± 40 BP. That is also the first monument of "Megalithic Workshop-site type" discovered in Southeast Asia where offer many new relics show that megalith sites are burials of Bigmen in form of cremation, which were built with large blocks and rock in the period when bronze was developed and possibly shifted to Early Iron Age. With the Long Giao depot, Xuan Loc chieftdom cemetery etc, The architectural complex of megalith at Hang Gon is the unique holy land of the Nam Bo Culture and is regalia expressing power of the Bigmen in the Protohistorical period in the Southeastern part of Vietnam.

The study of these megalithic monuments contributes to the understanding and awareness of ancient civilizations of Rice cultivating peoples in Vietnam in particular and in Asia in general.

Tóm tắt
**TỪ THẦN LÚA TRONG TRUYỆN KỂ DÂN GIAN
ĐẾN TỤC THỜ HỒN LÚA TRONG TÍN NGƯỠNG NÔNG
NGHIỆP CỦA CƯ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á**

TS. La Mai Thi Gia
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Cây lúa từ vai trò là một thứ lương thực quan trọng bậc nhất trong đời sống của cư dân các nước Đông Nam Á đã tự nhiên đi vào văn học và văn hóa dân gian của các nước, hình thành nên kiểu truyện dân gian kể về cây lúa, thần lúa hay hồn lúa ở rất nhiều thể loại từ thần thoại đến truyền thuyết hay truyện cổ tích, thơ ca phong tục nghi lễ, những lời cầu khẩn và những bài hát mùa màng. Đồng thời cây lúa cũng đã được chuyển tải thành một hình thức tín ngưỡng lâu đời của cư dân Đông Nam Á bản địa, thể hiện một đời sống tinh thần phong phú mang bản sắc riêng của cư dân của nền văn minh lúa nước. Thể cho nên từ lâu khu vực Đông Nam Á đã được cho là một khu vực văn hóa còn bảo tồn và lưu giữ được rất nhiều loại hình nghi lễ và tín ngưỡng dân gian truyền thống vừa đa dạng vừa đặc sắc và độc đáo.

Abstract
**FROM RICE GOD IN FOLKTALES TO THE WORSHIP
RITUALS OF RICE SOUL IN AGRICULTURAL
RELIGIOUS OF ASIAN COUNTRIES**

La Mai Thi Gia, Ph.D
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Rice is the most important food plant in the life of the Southeast Asian countries people as their literature and folklore, forming types of folktale of rice, rice god, rice soul in many myths, legends, fairy tales, songs of ritual, songs of prayer and songs of crops... Besides, rice also had become an ancient belief of native Southeast Asia people, expressed rich and special spiritual life of people of rice civilizations. From long time ago Southeast Asia considered as a cultural area ,preserved and kept many types of ritual and traditional folk beliefs which were diversified, special and unique.

TIẾU BAN 1: LỊCH SỬ, NGÔN NGỮ, KHU VỰC HỌC

***SESSION 1: HISTORY, LANGUAGE AND REGION
STUDIES***

Tóm tắt
**MÔ HÌNH TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC TẬP QUYỀN THÂN DÂN
THỜI LÝ - TRẦN**

ThS. Bùi Thanh Xuân
Đại học Thủ Dầu Một

Bài viết này nghiên cứu mô hình nhà nước tập quyền thân dân thời Lý - Trần, trên các bình diện về cách thức tổ chức chính quyền từ trung ương đến địa phương, về hệ thống tăng quan, chính sách đối với các dân tộc thiểu số và miền núi, tổ chức quân đội, tình hình pháp luật. Thông qua đó chỉ ra được cơ sở của việc xuất hiện mô hình, ý nghĩa của mô hình cũng như rút ra được những bài học cho việc tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay. Đây là những nội dung cơ bản mà bài viết này đề cập.

Abstract
**THE RESIDENT-FRIENDLY CENTRAL GOVERNMENT
MODEL IN LY-TRAN DYNASTIES**

Bùi Thanh Xuân, MA
Thủ Dầu Một University

This article studies centralized state model citizens themselves Ly - Tran, on the level of how government organizations from the central to local levels, the system increases the policies towards the ethnic minorities number and mountains, military organizations, law situation. Through it indicates is the basis of the appearance of the model, the meaning of the model as well as to draw lessons for the organization of the state apparatus Vietnam today. This is the basic content which this article refers.

Tóm tắt
**PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG VÀ TOÀN CẦU HÓA: KINH
NGHIỆM TỪ PHILIPPINE**

Corazon Dulce D. Bayaton
Maria Corazon C. Sanin
Trường Đại học Santo Tomas
Philippines

Phát triển cộng đồng là một trong những phương thức để phát triển xã hội. Phương thức này tìm cách trao quyền cho cộng đồng địa phương nhằm tăng

cường năng lực của người dân, đưa họ trở thành những công dân tích cực thông qua các nhóm và tổ chức cộng đồng. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày những tác động của quá trình toàn cầu hóa trong việc phát triển cộng đồng với sự trợ giúp của các cơ quan và tổ chức đã làm việc với người dân để xác định những tác động đó và tạo ra sự thay đổi. Bài viết này tập trung vào một cộng đồng nghèo tại đô thị ở Philippines. Cộng đồng đó bao gồm năm mươi bảy gia đình được tái định cư tại một vùng đất do FMM (Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ) mua lại, dưới sự lãnh đạo của sơ Corazon Pacheco, Dòng Phan Sinh Thừa Sai Đức Mẹ tại Brookside, BagongSilanga, thành phố Quezon, Philippines. Thuật ngữ “basurero”, vốn có gốc từ “basura”, có nghĩa là rác, được sử dụng để gọi cộng đồng dân cư này, bởi lẽ hình thức sinh kế chính của những con người nghèo khổ này là lùng sục đồ ăn thừa và các vật liệu có khả năng tái chế từ thùng rác và các bãi chôn lấp rác thải. Phần đầu tiên của bài viết này sẽ giới thiệu chung về cộng đồng này. Phần thứ hai nói về những chương trình trao quyền cho người dân do những cơ quan và tổ chức khác nhau tổ chức và thực hiện, nhằm giúp họ nhận thức và phát triển tiềm năng của bản thân, từ đó có thể tự đáp ứng các nhu cầu của bản thân một cách có hiệu quả. Bài viết này cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Hệ thống Giá trị như là yếu tố then chốt trong sự phát triển tổng thể của cộng đồng. Hơn thế nữa, bài viết cho rằng những chương trình và các hệ thống giá trị mà cộng đồng tiếp nhận được có ảnh hưởng đến cuộc chiến chống đói nghèo, giúp cải thiện đời sống người dân, như một cách để đối phó với các tác động của quá trình toàn cầu hóa.

Abstract

COMMUNITY DEVELOPMENT AND GLOBALIZATION: THE PHILIPPINE EXPERIENCE

Corazon Dulce D. Bayaton

Maria Corazon C. Sanin

University of Santo Tomas

Philippines

Community development is a way of strengthening society. It seeks to empower the local community to foster the people's capacity to be active citizens through their community groups and organizations. In this paper, we explore the effects of globalization in community development with the help of institutions and organizations that work with citizens to determine and create change. This paper is focused on one particular urban poor community in the Philippines. It all started with fifty seven families who were relocated to a land purchased by the FMM (Franciscan Missionaries of Mary) through the

leadership of Sr. Corazon Pacheco, FMM in Brookside ,BagongSilangan, Quezon City, Philippines. The term “basurero”, taken from the root word “basura”, meaning trash, is so-called because these poor people’s main livelihood is to scrounge for left-over food and recyclable materials in trash cans and landfills. The first part of this paper is an introduction about the context, way of life, and circumstances of the people in the community. The second part tells about the programs offered by the different institutions and organizations in empowering the people to recognize and develop their potential so they can effectively respond to their needs. This paper also gives emphasis on the importance of Value Formation as a key factor in the integral development of the community. Moreover it suggests that the programs and the value formation given to the community made an impact in combating poverty, improving their lives, so as to cope with the effects of globalization.

Tóm tắt

FLES: CÁCH TIẾP CẬN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU BẢN ĐỊA TRONG BỐI CẢNH CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA TẠI PHILIPPINE

Joan Christi Trocio, Ph.D

Đại học Santo Tomas, Philippines

Đông Nam Á là ngôi nhà của rất nhiều cộng đồng văn hóa nơi mà văn hóa được coi là một cách sống giữa sự ra đời công nghệ và sự tiến bộ trong quá trình công nghiệp và thương mại hóa. Những nghiên cứu được thực hiện trong các cộng đồng văn hóa trên đòi hỏi một ý thức sâu sắc về đạo đức học tập và nghiên cứu, bởi tính dễ tổn thương của nền văn hóa cổ hữu và nội tại của các cộng đồng này. Bài viết này trình phương pháp được sử dụng cho các nghiên cứu về văn hoá ngôn ngữ của tộc người từ tư cách của người nghiên cứu bên ngoài cộng đồng. Tiếp thu ý kiến của Virgilio Enriquez về Dân tộc học nữ quyền và nghiên cứu gắn liền bản địa, tôi nghiên cứu văn hóa hòa bình từ những người phụ nữ Blaans. Tôi sử dụng dữ liệu được thu thập với các kỹ thuật phù hợp và thích ứng với tính chất dễ bị tổn thương của các cộng đồng văn hóa, và trong bối cảnh của tôi, là người Blaans. Người Blaans là một bộ lạc lớn nhất của tỉnh Saranggani, một đảo nằm ở phía Nam của đất nước Philippine. Trong quá trình điền dã, tôi học được cách mà người Blaans đón chào một vị khách tới ngôi nhà của mình theo phong tục của họ. Fles là một thuật ngữ của người Blaans được dùng để cho phép một người nào đó bước vào nhà của họ. Fles bao gồm trong nó sự tin tưởng giữa chủ nhà và khách. Trong bài viết này, tôi trình bày phương pháp nghiên cứu mà tôi đã thực hiện để hiểu thêm văn hoá của người Blaans thông qua ngôn ngữ của họ.

Abstract
**FLES: AN EXPLORATION OF AN INDIGENOUS
RESEARCH APPROACH IN THE CONTEXT OF
PHILIPPINE CULTURAL COMMUNITIES**

Joan Christi Trocio, Ph.D
University of Santo Tomas, Philippines

Southeast Asia is home to a number of cultural communities which promote culture as a way of life amidst the advent of technology and the advancement in industries and commercial influences. Researches done in the foregoing cultural communities require a keen sense of academic and scholastic ethics that is sensitive to the inherent and intrinsic culture of the communities. This paper discusses a methodology used for a research with an ethnolinguistic tribe as research partners. Following Virgilio Enriquez' Indigenous Facilitation Research and Feminist Ethnography in my study on the culture of peace among Blaan women, I employed data gathering techniques that were appropriate and adaptive to the sensitivities of the cultural communities, and in my context, the Blaans. The Blaans are the largest ethnolinguistic Tribe in the Province of Sarangani, an island in the Southern edge of the Philippines. In the process of doing my fieldwork, I realized that the approach I employed mirrors a traditional Blaan way of welcoming a visitor to their house. Fles is a Blaan local term used to let someone enter a Blaan's house. Fles connotes a certain level of trust that exists between the one who welcomes and the one who is welcomed. In this paper, I delve into the exploration of the research approach that I employed as I attempt to unveil the Blaan's fles culture.

Tóm tắt
**YẾU TỐ CHỈ GIỚI TRONG HỌ TÊN NGƯỜI KHMER
NAM BỘ**

TS. Đinh Lư Giang
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Nghiên cứu tập trung vào một số các yếu tố phân biệt giới trong hệ thống họ tên của người Khmer NB. Trên cơ sở xử lý định lượng 22,320 tên người Khmer NB (cùng với thông tin năm sinh và giới tính), nghiên cứu cho thấy các yếu tố xác định giới của họ tên người Khmer nằm ở tất cả các thành phần của cấu trúc họ tên: họ, tên đệm và tên. Ngoài ra, nghiên cứu cũng ghi nhận khuynh hướng tiếp biến văn hoá Khmer-Việt theo hướng sử dụng các tên đệm phổ biến trong tiếng Việt (là Văn và Thị) cũng như trong những dấu hiệu ban đầu của sự chuyển biến trong quan niệm "họ" của người Khmer vốn theo truyền thống đặt tên phụ từ liên danh.

Abstract
**GENDER SPECIFIC ELEMENTS IN KHMER PERSONAL
NAMES IN MEKONG DELTA (VIETNAM)**

Đinh Lư Giang, Ph.D
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

The paper focuses on gender specific elements in the structure of personal names of Khmer people living in Mekong Delta (Vietnam). On the statistically processed result of 22,320 personal names (with birth year and gender), the research shows that gender determining factors exist in all parts of the Khmer names: family name, middle name and first name. Also acculturation between Khmer and Kinh peoples is noted in the ways of using Vietnamese popular middle names (Văn/Thị) and in the initial signs of transformation in thoughts of the notion "họ" (family name) of Khmer people who traditionally followed patronymic naming.

Tóm tắt
**GIẢI THUYẾT VỀ TÍNH TƯƠNG ĐỐI NGÔN NGỮ
VỚI VIỆC NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC NGÔN NGỮ**

TS. Trần Thị Hồng Hạnh
Khoa Ngôn ngữ học
Trường ĐHKHXH&NV
Đại học Quốc gia – Hà Nội

Bài viết phân tích và chỉ ra những đóng góp mang tính lý luận của giả thuyết về tính tương đối ngôn ngữ đối với các nghiên cứu nhân học. Từ đó, đi đến nhận định cho rằng, để có thể hiểu rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và các đặc điểm văn hoá, xã hội cũng như cách tư duy của mỗi cộng đồng ngôn ngữ nói riêng, của con người nói chung, các nghiên cứu nhân học ngôn ngữ cần phải hết sức lưu tâm đến "tính phổ niệm" (*universals*) và "tính đa dạng" (*diversity*) của ngôn ngữ.

Abstract
**THE LINGUISTIC RELATIVITY HYPOTHESIS
WITH THE RESEARCH OF LINGUISTIC
ANTHROPOLOGY**

Trần Thị Hồng Hạnh, Ph.D
Faculty of Linguistics - USSH - VNU Hanoi

The paper points out the theoretical contribution of the linguistic relativity hypothesis to anthropological research in general and linguistic anthropology research in detail. Therefore, the argument is given that linguistic anthropology research must pay attention to both the universals and the diversity of language, which can help to comprehend the relationship between language, cultural-social features and thoughts of each language community.

Tóm tắt
**TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN CÁC CHƯƠNG
TRÌNH-HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN
ĐỘI NGŨ TẠI TRƯỜNG ĐHKHXH&NV
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ThS. Nguyễn Duy Mộng Hà
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Trong thời đại toàn cầu hóa, các chương trình-hoạt động đào tạo cũng như đội ngũ tham gia vào đào tạo ở trường đại học cần phải thay đổi nhằm chuẩn bị cho sinh viên đối mặt với thế giới toàn cầu trong tương lai ngày càng đa dạng, phức tạp và phụ thuộc lẫn nhau. Bài viết trước tiên sẽ phân tích bối cảnh và lý do cần phải cải thiện những yếu tố này trong nhà trường đại học Việt Nam qua kinh nghiệm của thế giới. Tiếp theo, bài viết sẽ trình bày khái quát toàn bộ bức tranh liên quan đến những chính sách chiến lược, tổ chức chương trình và hoạt động đào tạo, phát triển đội ngũ để thích ứng với bối cảnh hội nhập, toàn cầu tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM (ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM). Sau cùng sẽ đưa ra một số đề xuất cải tiến về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cũng như năng lực đội ngũ giáo dục đại học.

Abstract

IMPACT OF GLOBALIZATION ON EDUCATIONAL PROGRAMS AND ACTIVITIES AS WELL AS STAFF DEVELOPMENT AT THE UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES, VNU-HCM

Nguyễn Duy Mộng Hà, MA

University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

In the globalization era, academic programs, activities and staff in higher education institutions are required to change and improve accordingly so as to prepare students for the future global world of complex diversity and interdependence. The paper first analyzes the context and reasons for improving educational programs and staff of Vietnamese higher education institutions through the experience of the world. Secondly, it describes the whole picture of the strategic policies, the organization of academic programs and activities, staff development at the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University-HCM to adapt to the integration and globalization context. Finally, it aims to give some recommendations for improving the institution's educational outcomes and programs as well as the staff competence.

Tóm tắt

TOÀN CẦU HOÁ VÀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC - THỰC TIỄN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN – ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Khắc Cảnh

Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Dựa trên những phân tích của Philip G. Altbach, Đại học Boston (Hoa Kỳ), TS. Phạm Thị Ly, Nguyễn Văn Tuấn; các số liệu trong các báo cáo về kết quả của các chương trình liên kết đào tạo có yếu tố nước ngoài của Trường ĐHKHXH-NV, BCKH này nhằm làm sáng tỏ hai khía cạnh:

Thế giới đương đại là thế giới của nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức (KTTT) và là thế giới toàn cầu hoá (TCH) và hội nhập quốc tế (HNQT) và được xem như là xu hướng không thể tránh khỏi, ảnh hưởng trực tiếp đến giáo dục đại học qua hai xu hướng: *đa quốc gia hoá trong giáo dục đại học và hình thành một thị trường toàn cầu cho sinh viên và các nhà khoa học.*

Những khía cạnh của tính chất đa quốc gia và một thị trường toàn cầu trong giáo dục đại học đang là một thực tế đầy sinh động ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Đó là hai nội dung chính yếu của BCKH này.

Abstract

GLOBALIZATION AND HIGHER EDUCATION: THE CASE OF THE UNIVERSITY OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES – VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY IN HO CHI MINH CITY

Nguyễn Khắc Cảnh, Ph.D

University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Using on data and analysis about the results of international collaborations in training between the University of Social Sciences and humanities (VNU-HCMC) and foreign educational institutions by Philip G. Altbach(Boston University-USA), Pham Thi Ly, and Nguyen Van Tuan, this paper elaborates two aspects of the interrelationship between globalization and higher education. First, contemporary world is the world of intellectual civilization and knowledge-based economy (KTTT) which is inevitably globalized integrated and and which directly affect higher education over two aspects: multinationalism in higher education and the formation of a global educational market for students and scientists.

The multinational essence and a global market in higher education lively prevail in the reality of the University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University, Ho Chi Minh City which is elaborated in this paper.

Tóm tắt
TẦM QUAN TRỌNG CỦA NGÔN NGỮ ĐÔNG NAM Á
TRONG BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA CỘNG ĐỒNG
ASEAN 2015

ThS. Nguyễn Thanh Tuấn
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Chỉ vài tháng nữa, cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) chính thức ra đời và khu vực Đông Nam Á sẽ trở thành một thị trường duy nhất và một cơ sở sản xuất thống nhất. Ở môi trường làm việc quốc tế như thế này, ngoại ngữ sẽ là một trong những yêu cầu hàng đầu đối với người xin việc.

Một trong những vấn đề nổi bật là trình độ ngoại ngữ của người dân các nước trong khối ASEAN còn yếu. Tuy nhiên, không biết các quốc gia trong khối ASEAN đã nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ hay chưa? Người dân đã thực sự quan tâm đến ngôn ngữ khu vực trong bối cảnh ra đời Cộng đồng ASEAN hay chưa? Theo nhận định của chúng tôi, thời gian qua hầu hết các nước Đông Nam Á chỉ quan tâm đến ngôn ngữ của những nước có nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc bên cạnh tiếng Anh, chứ không mấy ai quan tâm đến các ngôn ngữ như Indonesia, Thái hay Việt.

Đông Nam Á là một khu vực có đa tộc người và đa ngôn ngữ. Trong bối cảnh ra đời cộng đồng ASEAN thì các quốc gia cần phải định hướng cho người dân của mình trang bị một ngôn ngữ khu vực nhất định để giao tiếp. Nếu không biết ngoại ngữ khu vực, chúng ta khó có thể hội nhập khu vực khi cộng đồng ASEAN được hình thành một cách đầy đủ vì ngoại ngữ được xem là tấm vé bước qua cổng để tiến vào hội nhập.

Abstract
THE IMPORTANCE OF SOUTHEAST ASIAN
LANGUAGES IN THE CONTEXT OF ASEAN
COMMUNITY 2015 FORMATION

Nguyễn Thanh Tuấn, MA
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

In a couple of months, ASEAN Economic Community (AEC) shall be formed officially and Southeast Asia becomes a unique market and a united manufacturing base. In those international working conditions, a foreign language is one of the initial requirement for an applicant.

One of the salient issues that we may realized the foreign language levels of citizens in ASEAN countries are still bad. However, we can pose a question that whether ASEAN countries realized the importance of a foreign language or not? Whether People in ASEAN nations are interested in Southeast Asian languages in the context of ASEAN community formation? In our opinion, up to now, ASEAN nations have taken notice of learning languages of largest economies such as Japan, Korean besides English, few of them have cared of learning Indonesian, Thai, Vietnamese.

Southeast Asia is a multiethnic and multilingual area. In the context of ASEAN community formation, these nations must orient their people a regional language communication skill in a certain way. If there is no regional language, we will find it difficult to integrate into the region when ASEAN community is formed fully because people said that a foreign language is a ticket to entry into the integration.

Tóm tắt **NÉT VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI ÊĐÊ QUA LỚP** **TỪ THÂN TỘC**

TS. Nguyễn Thị Minh Tâm

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Hiện tượng quan hệ thân tộc phản ánh văn hoá của một cộng đồng được đề cập đến cả trong lí thuyết cũng như trong các công trình nghiên cứu thực nghiệm (Hsu, 1971). Bản thân các nét nghĩa của từ thân tộc chịu sự chi phối của văn hoá của cộng đồng cũng là đề tài cho nhiều nghiên cứu khác nhau. Bùi (1996) cho rằng từ xung hô của người Việt (trường hợp của các cặp vợ chồng) không chỉ phản ánh cách ứng xử xã hội mà còn phản ánh các cung bậc tình cảm và thái độ của người nói trong giao tiếp. Đinh (2000) mô tả nét tâm lý văn hoá của người Mnông Preh thông qua lớp từ xung hô thân tộc.

Bài viết này sẽ trình bày nét văn hoá đặc trưng của người Êđê-- một tộc người thuộc nhóm Mã Lai-Đa Đảo--qua hệ thống từ thân tộc của ngôn ngữ này. Cần ghi chú thêm rằng xã hội Êđê là một xã hội mẫu hệ điển hình tiêu biểu trong đó người phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong gia đình và trong dòng họ (Hauteclouque-Howe, 2004).

Trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả mô tả cấu trúc của một gia đình Êđê qua lớp từ thân tộc tiếng Êđê- nơi phản ánh rõ nét quan niệm về tính huyết thống theo dòng mẹ của người Êđê.

Abstract
**CULURAL REFLECTION THROUGH KINSHIP TERMS:
A CASE STUDY OF EDE**

Nguyễn Thị Minh Tâm, Ph.D
Faculty of Anthropology
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

The relationship between kinship and culture has been studied both in theories and in case studies (Hsu, 1971). Bui (1996) studied kinship terms in Vietnamese while Đinh (2000) explored Mông Preh's terms for kin relations through kin terms' address.

This paper presents kinship terms in Ede-an Austronesian language spoken in the Central Highlands of Vietnam. The terms in this language reflect the cultural system from a matrilineal society.

Tóm tắt
**NHẬN THỨC VỀ QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ:
TRƯỜNG HỢP Ở SUKU ASLI, ĐÔNG SUMATRA**

TS. Takamasa Osawa
Đại học Edinburgh
Takamasa Osawa
Trường Đại học Edinburgh

Các bộ lạc ở Đông Nam Á có đặc trưng về sự ràng buộc lâu đời của họ với nhà nước, và một vài nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng vị trí của họ được xây dựng trong quá trình những bộ lạc này cả chấp thuận và từ chối hệ thống nhà nước chính quyền. Tuy vậy, nhận thức chủ quan của họ về quyền lực chính trị--cái thực chất có lẽ là cơ sở nền tảng cho mối quan hệ giữa họ với nhà nước, lại chưa được khảo sát một cách đầy đủ trong các tham luận đó. Bài viết này tìm hiểu mối quan hệ giữa cộng đồng bộ lạc và nhà nước thông qua phân tích về việc thừa nhận sự lãnh đạo và quyền lực chính trị của người Suku Alis sinh sống trên bờ biển phía đông Sumatra. Suku Asli là các bộ lạc trước đây được biết đến như là 'Orang Utan'--Người Rừng--và có hình thức sinh sống bán du mục xung quanh một khu vực rừng ngập mặn trũng và nhiều đầm lầy với một cấu trúc xã hội chia quyền tự trị. Trong xã hội của họ, thuộc tính chủ hầu lâu đời cho nhà nước, thuyết vũ trụ luận của các vị pháp sư, thầy cúng và khả năng lãnh đạo hiện tại đều có giá trị tương tự như nhau và điều này gợi lên một thực tế rằng quyền lực của những người lãnh đạo được công nhận như là một loại kỹ năng giao tiếp cá nhân đầy lôi cuốn, đặc biệt là trong một bối cảnh cần phải thương lượng với chính quyền. Trớ trêu thay là cách nhận thức khả năng lãnh

đạo này đã tạo ra ranh giới giữa họ với chính quyền, ngăn chặn họ tiếp nhận sự nhận dạng của chính quyền (về bản sắc riêng của mình) và tái tạo lại bản sắc cộng đồng của họ trong bối cảnh chính trị quốc gia. Trong bài viết này, tôi sẽ cố gắng giải thích bản chất của mối quan hệ chủ hầu mang tính lịch sử lâu đời, quan điểm vũ trụ luận của các vị pháp sư và khả năng lãnh đạo hiện tại tại Suku Asli, cho thấy nhận thức của họ về quyền lực chính trị của họ, và liên kết quyền lực chính trị với mối quan hệ giữa cộng đồng với nhà nước. Thách thức chính là việc khám phá ra nguyên tắc cơ bản cho thái độ nước đôi của người dân bộ lạc đối với nhà nước trong đó một phần họ chấp nhận nhưng một phần từ chối sự kiểm soát của nhà nước. Đây cũng là trường hợp thường thấy ở các cộng đồng bộ lạc trên khắp khu vực Đông Nam Á.

Abstract

PERCEPTION OF POLITICAL POWER: A CASE OF THE SUKU ASLI IN EASTERN SUMATRA

Takamasa Osawa, Ph.D
University of Edinburgh

Tribal people in Southeast Asia can be characterised by their historical engagement with the state, and recent some studies have suggested that their position was formulated in the process of their acceptance and rejection of state system. However, their subjective perception of political power, which can be the basis of their relationship to the state, has not been fully examined in these arguments. This paper explores relationship between tribal people and the state through the analysis of the recognition of leadership and political power among the Suku Asli living on the eastern coast of Sumatra. The Suku Asli are tribal, who were known as ‘Orang Utan’ (Forest People) in the past and had semi-nomadic ways of life around low and marshy mangrove forest with uncentralised and segmentary social structure. In their society, historical tributary to the state, shamanic cosmology and present-day leadership are mutually analogous, and this elicits the fact that the people have recognised leaders’ power in individual charismatic communication skill, especially, in the scenes to negotiate with the state. Ironically, this way of recognising leadership has fixed their boundaries with the state, prevented them from adopting state identity, and reproduced their tribal identity in state politics. In this paper, I will try to extract the essence of historical tributary relationship, shamanic cosmology and present-day leadership in Suku Asli society, reveal their recognition of political power in their world, and connect it with their relationship to the state. The challenge is in configuring a basis for tribal people’s ambivalent attitude to the state, in which they have partly accepted yet partly rejected state control, which can be generally observed in the situations of tribal people over Southeast Asia.

Tóm tắt
MỘT VÀI KINH NGHIỆM NGHIÊN CỨU
VỀ THÁI ĐỘ NGÔN NGỮ TỪ TRUNG QUỐC

GS.TS. Trần Trí Dõi
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia - Hà Nội
Trần Oanh (Chen Ying)

Trong nghiên cứu *nhân học ngôn ngữ* hay *ngôn ngữ học xã hội*, việc tìm hiểu về *thái độ ngôn ngữ* của những thành viên hay của một cộng đồng song ngữ là vô cùng quan trọng. Bởi vì, thái độ ngôn ngữ không ít thì nhiều có ảnh hưởng đến tình trạng sử dụng ngôn ngữ của những thành viên hay của một cộng đồng song ngữ.

Bài viết của chúng tôi dưới đây bước đầu tập hợp kết quả nghiên cứu về thái độ ngôn ngữ của các nhà nhân học ngôn ngữ hay ngôn ngữ học xã hội ở Trung Quốc. Qua đó, chúng ta có thể sẽ thấy được các nhà nghiên cứu ở quốc gia này đã quan tâm đến những nội dung gì khi khảo sát vấn đề thái độ ngôn ngữ.

Abstract
EXPERIENCE IN STUDYING LINGUISTIC ATTITUDES
IN CHINA

Prof. Trần Trí Dõi, Ph.D
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – Hà Nội
Trần Oanh (Chen Ying)

In linguistic anthropology or sociolinguistics, the investigation of linguistic attitudes of members in bilingual communities plays a crucial role because linguistic attitudes more or less exert influence on language use by members of these communities. Our paper presents an overview of results of studies on linguistic attitudes by Chinese linguistic anthropologists or sociolinguists so as to point out what these authors are interested in with regards to their studies of linguistic attitudes.

Tóm tắt
**MÙ CHỮ VÀ VẤN ĐỀ NGUỒN NHÂN LỰC DÂN TỘC
THiểu SỐ: KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN**

GS.TS. Trần Trí Dõi
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia - Hà Nội

Ở Việt Nam, tỉnh Điện Biên là địa bàn đa dân tộc cư trú, trong đó người Thái có số lượng đông nhất. Trên cơ sở tiêu chí xác định “mù chữ” và chuẩn “xóa mù” ghi trong các Quyết định và Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công bố từ năm 1956 đến năm 2008 và qua kết quả khảo sát được thực hiện vào năm 2013, 2014 đối với 3497 người dân tộc thiểu số trong 7/10 huyện thị của tỉnh, bài viết trình bày một bức tranh thực tế về tình hình mù chữ của người dân tộc thiểu số trên địa bàn này.

Với những phân tích về tình trạng mù chữ của người dân tộc thiểu số theo độ tuổi, theo giới tính và trên tổng số cư dân sinh sống ở trên địa bàn khảo sát, bài viết đưa ra một vài đánh giá chủ quan về chất lượng nguồn lao động hiện nay ở vùng dân tộc miền núi tỉnh Điện Biên trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hóa.

Abstract
**ILLITERACY AND PROBLEMS IN HUMAN RESOURCES
CONCERNING ETHNIC MINORITIES: RESULTS OF THE
SURVEYS IN DIEN BIEN PROVINCE**

Prof. Trần Trí Dõi, Ph.D
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – Hà Nội

The province of Dien Bien in Vietnam is the residential area of different ethnic groups, with the Thai being the largest. Based on criteria for defining ‘illiteracy’ and standards for ‘elimination of illiteracy’ stipulated in various decisions and circulars of Vietnam Ministry of Education and Training enacted between 1956 and 2008, and results of several surveys in 2013 and 2014 among 3497 ethnic minority informants in 7 out of the 10 districts in the province, the paper paints a true picture of illiteracy among the ethnic minorities herein. Through an analysis of illiteracy data disaggregated by age group, sex in comparison with the total population of the surveyed area, the paper concludes with assessment of the quality of human resources of Dien Bien province amidst demands of the country’s integration and globalization.

Tóm tắt
**MỐI QUAN HỆ LỊCH SỬ - VĂN HÓA GIỮA CHAMPA VÀ
THẾ GIỚI MÃ LAI: ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU
CHAMPA Ở VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á**

TS. Trương Văn Món (Sakaya)
Khoa Nhân học
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Vương quốc Champa tồn tại gần 17 thế kỉ (từ thế kỉ II- XIX) ở miền Trung Việt Nam có mối quan hệ đa chiều với các quốc gia ở khu vực châu Á, đặc biệt là Thế giới Mã Lai. Vì vậy, văn hoá Chăm có đa sắc màu, ngoài văn hoá bản địa, người Chăm còn ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ, Mã Lai và Á Rập. Tuy vậy, bài nghiên cứu này lập luận rằng, Champa chỉ ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ đậm nét nhất từ thế kỉ II đến thế kỉ XV. Sau thế kỉ XV, nền văn minh Ấn Độ sụp đổ ở vùng Đông Nam Á. Từ đó Champa cũng bắt đầu phai dần nền văn minh Ấn Độ và đẩy mạnh mối quan hệ mật thiết với Mã Lai cho đến thế kỉ XIX thì kết thúc, khi vương quốc Champa chính thức gia nhập vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhiều tác giả chỉ chú tâm nghiên cứu đến văn hoá bản địa và đặc biệt là nghiên cứu mối quan hệ giữa Champa và Ấn Độ mà quên đi mối quan hệ giữa Champa và Thế giới Mã Lai, nhất là mối quan hệ giữa người Chăm và người Mã Lai, hai dân tộc có cùng ngữ hệ Malayo – Polynesia, có mối quan hệ gần gũi lâu đời về lịch sử và văn hóa. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài này là cần thiết nhằm góp thêm tư liệu (chủ yếu là tư liệu văn bản Chăm và văn bản Mã Lai) để làm sáng tỏ mối quan hệ giữa Champa và Thế giới Mã Lai. Từ đó, bổ sung vào làm phong phú thêm nguồn tư liệu về lịch sử - văn hoá Champa – một bộ phận quan trọng để cấu thành lịch sử- văn hoá Việt Nam trong mối quan hệ với Thế giới Mã Lai cũng như ở khu vực Đông Nam Á.

Abstract
**HISTORICAL - CULTURAL RELATIONSHIP BETWEEN
THE CHAMPA AND THE MALAI WORLD: PROBLEM
SETTING FOR CHAMPA RESEARCH IN VIETNAM AND
SOUTHEAST ASIA**

Truong Van Mon (Sakaya), Ph.D
Faculty of Anthropology
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Champa Kingdom existed for over 17 centuries (from II - XIX centuries) in Central Vietnam have multi-dimensional relationships with countries in Asia,

especially the Malay World. So in addition to the indigenous culture, the Champa was influenced by culture of Indian, Malay and Arabic. However, this paper argues that, the Champa was influenced by culture from the second century to the fifteenth century. After XV century, Indian civilization was deadline in Southeast Asia. Since the Champa has started fading Indian civilization and promotes a close relationship with Malay until the end of nineteenth century when Champa officially joined in Vietnam's nation. However, in recent years, many authors focus to study indigenous culture and especially study the relationship between Champa and India to forget the relationship between Champa and the Malay World, especially the relationship between the Chams and Malays, two people have the same language family of Malayo - Polynesia. They have a long-standing close relationship in history and culture each other. Therefore, the study of this subject is required to contribute additional material (mainly Cham and Malay manuscripts) to clarify the relationship between Champa and the Malay World. Since then, added to enrich the resources on the history and culture of the Champa - an important component to constitute the history and cultural of Vietnam in relationship with the Malay World as well as in the other nations in Southeast Asia.

Tóm tắt **ASEAN VÀ VẤN ĐỀ HỘI NHẬP CỦA MYANMAR**

ThS. Văn Trung Hiếu
Ban Dân tộc TP. Hồ Chí Minh

Quá trình toàn cầu hóa là một quá trình mà thông qua đó thị trường và sản xuất ở nhiều nước khác nhau trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau do tính năng động của việc buôn bán hàng hoá và dịch vụ cũng như do tính năng động của sự lưu thông vốn tư bản và công nghệ. Đi kèm với toàn cầu hóa kinh tế, trong lĩnh vực chính trị, là quá trình cải cách thể chế, định chế, hệ thống pháp luật các quốc gia mang tính phổ quát của thế giới nhằm tạo điều kiện cho lưu thông buôn bán hàng hoá và dịch vụ đến tận cùng các ngõ ngách của thế giới. Myanmar là thị trường cuối cùng của khu vực Đông Nam Á cho đến nay vẫn còn để ngõ vì trong thời gian qua Myanmar chịu sự cấm vận của Mỹ và Liên minh Châu Âu (EU). Trong thời gian cấm vận từ 1988 đến 2013, để tồn tại và phát triển, Myanmar đã tự tiến hành cải cách kinh tế thu hút đầu tư nước ngoài và ngày càng thu hút nhiều đầu tư từ Trung Quốc và trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa tiêu dùng của Trung Quốc. Hàng hóa tiêu dùng của Myanmar thật sự phong phú hơn và vốn đầu tư từ các nước Đông Nam Á đầu tư đến Myanmar một nhiều hơn kể từ khi Myanmar gia nhập ASEAN 1997. Trong bối cảnh ASEAN hình thành cộng đồng ASEAN, Myanmar với tư cách là một thành viên của hiệp hội đã tiến hành cải cách mở cửa. Sự cam kết khôi phục chính quyền dân sự theo “lộ trình dân chủ 7 điểm” hiện đang được chính phủ

Myanmar thực hiện Cuộc tổng tuyển cử lần thứ hai kể từ khi Myanmar bắt đầu tiến trình chuyển tiếp về mặt chính trị vào năm 2011 sẽ được tổ chức vào Chủ nhật, ngày 8 tháng 11 năm 2015. Khoảng 30 triệu cử tri Myanmar – cả trong và ngoài nước – sẽ có tư cách tham gia bỏ phiếu tại một trong những sự kiện bầu cử một giai đoạn có quy mô lớn trên thế giới. Nhưng cuộc tổng tuyển cử này có ý nghĩa như thế nào đối với tiến trình dân chủ hóa của Myanmar thì vẫn chưa rõ.

Abstract

ASEAN AND MYANMAR'S INTEGRATION

Văn Trung Hiếu, MA

Department of Ethnicity – HCMC

The process of globalization is a process through which the market and produced in various countries become increasingly interdependent due to the dynamics of the trade of goods and services as well as due to the dynamics of the circulation of capital investment and technology. Comes with economic globalization, in the field of politics, is the process of institutional reform, legal system, institutions of the relevant countries of the world in order to facilitate the flow of trade in goods and services to the crannies of the world. Myanmar is the last market of Southeast Asia so far still to the lane because of the last time Myanmar suffered some sanctions of the u.s. and the European Union (EU). During the embargo from 1988 up to 2013, to survival and development, Myanmar has conducted economic reforms to attract foreign investment and more and attract more investment from China and become the market of Chinese consumer goods. Myanmar's consumer goods actually richer and investment capital from the Southeast Asian investment to Myanmar a lot more since Myanmar joined ASEAN in 1997. In the context of ASEAN formed the ASEAN community, Myanmar as a member of the Association has undertaken to reform is open. The commitment to restore the civilian Government as "7-point democratic roadmap" currently Myanmar Government made its second general election since Myanmar began the process of political transition in 2011 will be held on Sunday, November 8, in 2015. About 30 million voters to Myanmar-both foreign and domestic – will have participation vote in one election event a large-scale stage in the world. But this general election has implications for how the process of democratisation in Myanmar remained unclear.

Tóm tắt
DAY HỌC TÍCH HỢP TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG
Ở ĐÔNG BẮC THÁI LAN

PGS. TS. Jiraporn
Khoa Giáo dục
Đại học Mahasarakham, Thailand

Nghiên cứu này khảo sát điều tra khả năng vận dụng việc dạy học tích hợp của các giáo viên dạy toán và khả năng thẩm thụ của học sinh tại năm trường học ở năm tỉnh thuộc Đông Bắc Thái Lan. Phương pháp nghiên cứu của bài viết này là tập trung phát triển kỹ năng cải tiến và nâng cao chất lượng dạy thông qua việc trao đổi với các giáo viên khác trong các đợt tập huấn chuyên môn. Người tham gia bao gồm năm giáo viên dạy toán và 187 học sinh ở năm trường nói trên. Kết quả chỉ ra rằng sau chương trình tập huấn, giáo viên dạy toán đã nâng cao khả năng tiếng Anh và cả kiến thức chuyên môn. Họ có thể vận dụng các phương pháp khác nhau trong dạy học tích hợp. Còn đối với sinh viên, họ có động lực học toán nhiều hơn trước đây, thậm chí có động lực học toán bằng tiếng Anh. Và vì thế, đạt kết quả cao hơn trong các kì thi kiểm tra toán.

Bài viết này cho rằng dạy học tích hợp, ở đây là việc dạy toán bằng tiếng Anh, không những giúp nâng cao khả năng tiếng Anh của giáo viên mà còn tạo cho họ tự tin trong việc vận dụng tiếng Anh một cách có hiệu quả vào việc dạy toán. Đây là một quá trình dạy học tích cực mang lại hiệu quả tốt cho học sinh.

Abstract
CONTENT AND LANGUAGE INTEGRATED LEARNING
AT SCHOOL IN NORTHEAST, THAILAND

Asst.Prof .Jiraporn Chano, Ed.D
Faculty of Education
Mahasarakham University, Thailand

The purposes of this study were to: 1) To investigate mathematics teachers' competencies in implementing Content and language Integrated Learning and 2) investigate students' achievement outcomes. The methodology involved a focus on teacher professional development to improve and enhance their teaching quality through the collegial intentional learning with other teachers. The sample included 5 mathematics teachers and 187 students in 5 schools. They were selected for participation in the study from different schools across five provinces in the North-East of Thailand. During a 6-month period in 2014 data were collected on lesson plans for content and language integration learning, questionnaires, observations, and students achievement test results.

Analyses of data focused on descriptive statistics relating to means and percentages. Results: 1) Teachers improved their English language competencies and mathematics content knowledge, they were an effective CLIL teacher who is applying many aspects of CLIL method in their classroom. 2) Students showed that they were motivated to learn math taught in English, and that their overall motivation for learning math also improved. Students further indicated that as well as improving their attitudes towards learning math, the program me also helped them to develop their English language skills: students were learning both a subject and a language, which reflected positively in their math achievement scores in 80%. Conclusion: Teachers improved their English language skills and had more confidence to apply in their classroom practices. in the implementation of the change in language of instruction for Mathematics. It is a process that teachers engage in to learn more about effective practices that result in improved learning outcomes for students.

Tóm tắt
BẢO TỒN CHỮ CHẤM QUA ỨNG DỤNG CHUYỂN TỰ CHỮ CHẤM
TRỰC TUYẾN

TS.Văn Ngọc Sáng¹

GS. Mohamad Bin Bilal Ali²

TS.Tuyết Nhung Buôn Krông³

^{1,2} Đại học Công nghệ Malaysia (UTM), Johor Bahru, Malaysia

Email: sangpodam@yahoo.com, mba@utm.my

³ Khoa Sư phạm, Đại học Tây Nguyên, Việt Nam

Email: tuyetnhungbkw@gmail.com

Ngôn ngữ bản địa rất cần thiết và quan trọng đối với người bản địa. Ngày nay các ngôn ngữ này được xem là quan trọng hơn khi toàn cầu hóa đã làm ảnh hưởng và đe dọa đến sự tồn tại các ngôn ngữ của người thiểu số trên toàn thế giới. Tiếng Chăm là một ngôn ngữ bản địa ở Việt Nam, chữ viết Chăm xuất hiện từ thế kỷ thứ II và tiếng Chăm xuất hiện từ thế kỷ thứ IV trên bia đá ở Trà Kiệu. Nó được xem là ngôn ngữ xuất hiện đầu tiên ở Đông Nam Á. Trải qua nhiều giai đoạn của lịch sử, ngôn ngữ này ngày càng bị biến dạng và đang bị đe dọa bởi nhiều lý do khác nhau. Bài viết này nhằm giới thiệu kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo tồn di sản ngôn ngữ Chăm ở Việt Nam như tạo font Chăm, chuyển tự chữ viết Chăm. Kết quả nghiên cứu, riêng font Cham Thrah, 60% về sự tiện lợi và 65% về độ chính xác. Còn các font khác như Champa chỉ chiếm (12%, 8%), camtanran là (5%, 14%), và bingu tanran (23%, 13%). Trường hợp ứng dụng chuyển tự chữ viết Chăm, chúng tôi đã kiểm tra

bốn bài thơ (Ariya) Chăm với kết quả là *Ariya Gleng Anak* 99,88% (n=2459); *Nai Mai Mang Makah* 100% (n=2523); *Ariya Cam Bini* 100% (n=1823); *Ariya Po Ceng* 99,91% (n=2202). Xây dựng font Chăm và ứng dụng chuyển tự chữ viết Chăm rất cần thiết và có ý nghĩa trong việc bảo tồn di sản chữ viết Chăm.

Abstract
**PRESERVING CHAM SCRIPT THROUGH ONLINE CONVERSION
APPLICATION**

Văn Ngọc Sáng, Ph.D¹

Prof. Mohamad Bin Bilal Ali²

Tuyết Nhung Buôn Krông, Ph.D³

^{1,2} Đại học Công nghệ Malaysia (UTM), Johor Bahru, Malaysia

Email: sangpodam@yahoo.com, mba@utm.my

³ Khoa Sư phạm, Đại học Tây Nguyên, Việt Nam

Email: tuyetnhungbkw@gmail.com

Indigenous languages are necessary and important for the indigenous people. Nowadays, these languages are considered more important as globalization has affected and threatens the existence of minority languages in the worldwide. Cham language is the indigenous language in Vietnam but now it becomes the minority language. However, the Cham script was appeared in the 2nd century, and the Cham language was appeared in 4th century on stone stele in Tra Kieu. It was considered as the first language in South East Asia. Due to many reasons and influenced by history, the Cham language is facing endangered and they are at risk of deformation for various reasons. This paper aims to introduce some specific results of information technology in Cham language heritage conservation in Vietnam such as creating Cham fonts, and Cham font conversion. In this experiment, for Cham font, the acceptable level of Cham Thrah font is 60% of usability and 65% of high accuracy. On the other hand, the acceptable level for *champa* font only is (12%, 8%), *camtanran* is (5%, 14%) and *bingutanran* (23%, 13%). For Cham font conversion application, we have checked the accuracy percentage of four Cham poems and results *Ariya Gleng Anak* 99,88% (n=2459); *Nai Mai Mang Makah* 100% (n=2523); *Ariya Cam Bini* 100% (n=1823); *Ariya Po Ceng* 99,91% (n=2202). Design Cham font and Cham font conversion application are necessities and meaningful in conservation of Cham script.

Tóm tắt
**ỨNG DỤNG CNTT TRONG BẢO TỒN NGÔN NGỮ CHĂM
VÀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN**

TS. Văn Ngọc Sáng
TS. Tuyết Nhung Buôn Krông
Đại học Tây Nguyên, Việt Nam
Email: sangpodam@yahoo.com, tuyetnhungbkw@gmail.com

Trường Đại học Tây Nguyên Trong thời đại công nghệ thông tin (CNTT) hiện nay, sự phát triển của hệ thống mạng cùng với các tiện ích, các ứng dụng của CNTT đã tạo nên một cuộc cách mạng trong các lĩnh vực, kể cả trong nghiên cứu ngôn ngữ. CNTT giúp cho nhà nghiên cứu có thể nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện các yếu tố, quan hệ loại hình, các cấp độ, bình diện khác nhau của ngôn ngữ, từ đó có thể thu thập, lưu giữ, hệ thống hoá, xử lý khối lượng khổng lồ các thông tin về ngôn ngữ một cách hữu hiệu hơn. Điều này đặc biệt thiết thực hơn cho việc bảo tồn và phát triển ngôn ngữ đối với các quốc gia có nhiều dân tộc cùng chung sống. Việt Nam là một quốc gia đa dạng văn hóa tộc người, bên cạnh dân tộc Kinh, có tới 53 dân tộc thiểu số cùng sinh sống. 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam gần như có mặt đầy đủ các nhóm dân tộc thuộc các hệ ngôn ngữ khác nhau ở khu vực Đông Nam Á. Nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer (gồm Khmer, Bahnar, Sđăng, K'ho, Hrê, Stiêng, Bru – Vân Kiều, Cotu, Gié Triêng, Mạ, Tà-ôi, M'ông...) và hệ ngôn ngữ Nam đảo (Chăm, Jrai, Chu ru, Raglai và Êđê) chiếm số lượng tương đối đông. Ở Việt Nam, tiếng Việt trở thành tiếng phổ thông hơn và được sử dụng rộng rãi. Ngôn ngữ dân tộc Chăm và các dân tộc thiểu số được sử dụng trong không gian hẹp nên chúng đang có nguy cơ bị mai một. Để góp phần bảo tồn và phát triển ngôn ngữ Chăm và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, nhóm nghiên cứu đã ứng dụng CNTT xây dựng website dạy tiếng Chăm trực tuyến, xây dựng font Chăm, xây dựng ứng dụng phiên dịch chữ viết Chăm Latin sang chữ viết Chăm Thrah, xây dựng bàn phím Chăm ảo, xây dựng Từ điển điện tử Chăm-Việt, Việt – Chăm, từ điển điện tử Việt – Jrai, Từ điển điện tử Stiêng– Việt, Việt – Stiêng; Từ điển điện tử Mnông – Việt, Việt – Mnông. Các nghiên cứu này đã được ứng dụng rộng rãi trong phát thanh – truyền hình, giảng dạy, học tập và nghiên cứu. CNTT là công cụ hữu ích sẽ tiếp tục được ứng dụng để đẩy mạnh nghiên cứu lí thuyết và ứng dụng bảo tồn và phát triển tiếng Chăm và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong xu thế công nghệ số hóa như hiện nay.

Abstract

CONSERVATION CHAM LANGUAGE AND INDIGENOUS LANGUAGE IN TAY NGUYEN BY IT APPLICATIONS

Văn Ngọc Sáng, Ph.D

Tuyết Nhung Buôn Krông, Ph.D

Đại học Tây Nguyên, Việt Nam

Email: sangpodam@yahoo.com, tuyetnhungbkw@gmail.com

In the age of information technology (IT), the development of network system with utilities, the application of IT has created a revolution in all the fields, including the study of language. IT support researchers study systematically, comprehensively factors, different level of language, which can be collected, stored, systematized, processing information about language more effectively. This is especially practical for the preservation and development of language for countries with multiple ethnic groups living together. Vietnam is a country with diverse ethnic culture, with the Kinh people, there are 53 ethnic minorities living together. 53 ethnic minorities in Vietnam using different language systems in Southeast Asia. Mon-Khmer group (including Khmer, Bahnar, So Dang, K'ho, Hre, Stieng, Bru - VanKieu, Co tu, GiéTrieng, Ma, Ta-oi, M'ngong...) and Austronesian languages (Cham, Jrai, Churu, Raglai and Ede) with a large amount. In Vietnam, the Vietnamese became the popular language and is widely used. Cham language and ethnic minorities are used in tight spaces, hence, they are in danger of being eroded. To contribute to the preservation and development of Cham language and ethnic minority language in Tay Nguyen, we have built a website for study Cham online, designing Cham font, conversion EFEO Cham Latin to Cham AkharThrah, virtual Cham keyboard, electronic dictionary of Cham - Vietnamese, Vietnamese - Cham; Vietnamese - Jrai; Stieng - Vietnamese, Vietnamese - Stieng; Mnong - Vietnamese, Vietnamese - Mnong. These studies have been widely applied in radio - television, teaching and learning. IT is a useful tool will continue to be applied to study theory and application of conservation and development Cham language and ethnic minorities in the Tay Nguyen in the trends of technology as nowadays.

TIỂU BAN 2: ĐÔ THỊ, DI DÂN, SỨC KHOẺ VÀ MÔI TRƯỜNG
SESSION 2: URBAN, MIGRATION, HEALTH AND ENVIRONMENT

Tóm tắt
**QUAN NIỆM VỀ BẢO HIỂM VÀ RỦI RO:
PHÁC THẢO BỨC TRANH BẢO HIỂM Y TẾ TẠI VIỆT NAM**

Amy Dao
Bộ môn Khoa học y tế-xã hội
Trường y tế cộng đồng Mailman, Đại học Columbia
New York, NY, Mỹ

Các tổ chức phát triển quốc tế công nhận bảo hiểm y tế là một mô hình chăm sóc sức khỏe lợi nhuận. Khi bảo hiểm y tế đi vào các nền văn hóa khác nhau, cách thực hành, ý niệm, và những công cụ liên quan tới bảo hiểm y tế được hiểu và diễn giải khác nhau do đặc thù lịch sử, văn hóa và chính trị khác nhau. Nghiên cứu về lĩnh vực bảo hiểm y tế tại Việt Nam đã tập trung chủ yếu vào cách thức bảo hiểm y tế tác động đến cách tiếp cận việc điều trị hay sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác mà chưa tìm hiểu nhận thức của người dân ở đây về bảo hiểm y tế. Trong bài viết này, tôi trình bày việc điều tra quan niệm về bảo hiểm đã phát triển như thế nào trong ý thức của cộng đồng tại đây, bằng cách phân tích những hình ảnh được sử dụng trong các tài liệu quảng cáo cho bảo hiểm y tế được tài trợ bởi chính quyền liên bang. Bảo hiểm y tế, với ngôn từ của chính quyền, được chuyển tải thông qua các diễn ngôn về sự rủi ro và sự nguy hiểm, về trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội, sự chăm sóc của xã hội và đất nước, và về tương lai. Dựa trên lý thuyết về văn hóa rủi ro của Mary Douglas, tôi cho rằng sự tham gia mua bảo hiểm y tế của người dân tại Việt Nam không chỉ là một cách để giảm thiểu tổn thất về tài chính, mà còn là một nghĩa vụ mang tính đạo đức phản ánh thuộc tính của cộng đồng này.

Abstract
**IMAGINING INSURANCE, IMAGINING RISK:
PICTURING HEALTH INSURANCE IN VIETNAM**

Amy Dao
Department of Sociomedical Sciences
Mailman School of Public Health, Columbia University
New York, NY, USA

Health insurance is being endorsed as a model for financing health care by numerous international development organizations. As health insurance travels cross-culturally, its practices, ideas, and tools inevitably take on different meanings in different historical, cultural, and political contexts. Research on health insurance in Vietnam has focused primarily on how it influences access to care or service utilization, but key dimensions about local perceptions of

health insurance remain largely unexamined. In this paper, I investigate how the insurance imaginary develops in public consciousness by analyzing the images used in state-sponsored promotional materials for health insurance. Health insurance, as presented through state rhetoric, is embedded in discourses about risk and danger, responsibility and social obligation, care of society and nation, and futurity. Drawing on theories about cultures of risk by Mary Douglas, I argue that participating in health insurance in Vietnam is not only about mitigating financial loss, but also demonstrates a moral obligation that signals social and national belonging.

Tóm tắt

LUẬT SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN TOÀN CẦU: KINH NGHIỆM TỪ PHILIPPINE

Bernard June R. Babierra

Trường Đại học Santo Tomas, Manila
Philippines

Bài viết này nghiên cứu so sánh về luật và cách thi hành luật sức khỏe sinh sản tại Đông Nam Á. Mặc dù các chính sách và luật về sức khỏe sinh sản được dựa trên quyền hợp pháp về sức khỏe sinh sản của phụ nữ và sự tự do lựa chọn nhưng việc nghiên cứu sâu hơn về luật sức khỏe sinh sản sẽ chỉ ra rằng luật sức khỏe sinh sản và cách thi hành luật có thể dẫn tới sự hủy hoại những nền văn hóa và đạo đức khác nhau. Về lâu dài, những tác động tiêu cực mang lại bởi các chính sách này có thể sẽ lớn hơn những tác động tích cực. Nghiên cứu này xem xét những điều luật và cách thi hành luật sức khỏe sinh sản, và xem xét xã hội không chỉ trên nền tảng văn hóa mà còn trên nền tảng các giá trị văn hoá. Bài viết này cho rằng việc bảo tồn các tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa và các giá trị cần được đẩy mạnh bất chấp sự thay đổi do tiến trình văn minh mang lại. Quan điểm này cần được nhìn dưới khía cạnh các giá trị đạo đức và hành vi mang tính dân tộc, cũng như cần được đặt trong mối quan hệ với hệ thống giáo dục cho học sinh sinh viên. Điều này có thể được xem như là một thách thức mới và to lớn đối với xã hội trong việc giảng dạy và hình thành tâm thức, cụ thể là hình thành nền tảng giá trị và luân lý trong đời sống của họ. Điều cần thiết không phải là các chính sách mà là một quá trình làm thế nào để giải quyết hoặc giảm bớt các vấn đề về dân số và sức khỏe của khu vực. Thêm vào đó, nếu như các nước biết làm thế nào để sử dụng nguồn lực của mình đúng cách thì không có vấn đề nào là không thể giải quyết.

Abstract
**THE REPRODUCTIVE HEALTH LAW AND ITS IMPACT
TO THE GLOBAL SOCIETY: THE PHILIPPINE
EXPERIENCE**

Bernard June R. Babierra
University of Santo Tomas, Manila
Philippines

This paper is a comparative study about the reproductive health laws and practices in Southeast Asia. Although it is premised on reproductive health right of women and freedom of choice, a closer look at the law will show that it can lead to the destruction of the different cultures and morality. In the long run, its negative effects will eventually outweigh the positive effects. The research takes a look at these laws and practices, and the society grounded not only on the culture but also on values.

The research argues that preservation of religions, culture and values should be promoted despite the changes brought about by civilization. This should be seen in the perspective of moral values and ethical practices and to be taken in relation to the educational system of the students. This should be taken as a new and great challenge for the society in teaching and forming the minds particularly in their values and moral life. What is needed is not policy but a process on how to solve or alleviate the problem of the region on population and health. In addition, having a bigger problem is not a problem at all if the country knows how to use its resources properly.

Tóm tắt
**SỨ MỆNH Ở THÀNH PHỐ HIỆN NAY: THÁCH THỨC VÀ
CƠ HỘI**

TS. Chito M. Sawit
Đại học Santo Tomas, Manila
Philippines

Trong một thế giới có nhiều điểm chung, chủ đề về sứ mệnh dường như xa lạ. Bài viết này cho rằng việc thực hiện sứ mệnh ở các thành phố, nơi thương mại hóa và công nghiệp hóa cao, là có thể. Từ góc nhìn của lăng kính đa ngành: nhân học, xã hội học và thần học, nghiên cứu này khảo sát sự hiện diện hay vắng mặt của các sứ mệnh ở thành phố ngày nay. Mục đích là để nhìn thấy bối cảnh hiện tại của thành phố toàn cầu, đa chiều, và đa dạng trở thành nền tảng của sứ mệnh ngày nay, nơi Triều đại của Thiên Chúa được công bố. Sứ mệnh loan báo Tin Mừng, tuyên bố của Đức Chúa trời, là chủ đề giảng đạo chính

của Đức Giêsu, và là sự ủy nhiệm của Ngài cho các tông đồ. Tuy nhiên, thế giới đã thay đổi và thành phố đô thị--nơi một số lượng lớn người dân đang sinh sống--bùng nổ khắp nơi. Việc đô thị hóa của thế giới mang lại mối quan tâm lớn đến sứ mệnh bởi vì sứ mệnh nhìn vào xã hội hiện tại với cư dân của nó--những người tiếp nhận sứ mệnh của Giáo hội Công giáo. Thế giới hiện đang ở trong thời kỳ đa dạng và đa nguyên toàn cầu bởi vì ranh giới của các tôn giáo, văn hóa và cộng đồng khác nhau là rất mờ nhạt. Giáo hội Công giáo phải trả lời các thách thức, tìm hiểu về đạo cho người không phải là người thuộc Kitô giáo và những tín đồ của các tín ngưỡng bản địa khác đồng thời thừa nhận và tôn trọng giá trị của các tín ngưỡng khác mà không đi ngược lại với các sứ mệnh và giáo lý của Thiên Chúa mà Giáo hội đã thụ lãnh và tham gia.

Châu Á là một lục địa có nhiều sự đa dạng và đa nguyên giống như một thành phố. Đô thị hóa là vấn đề toàn cầu đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Vì vậy, nhu cầu tâm linh của sứ mệnh làm cho Đức Chúa Trời trở nên gần gũi với nhiều nền văn hóa, tôn giáo, và cả người nghèo ở thành phố. Hội nghị Liên đoàn các Giám mục Châu Á" mà các nước Đông Nam Á là thành viên đã đề ra một mô hình cho sứ mệnh trong một lục địa rất đa dạng và đa nguyên. Bài viết này nhìn vào bối cảnh của những thành phố hiện tại và vào lời công bố của Đức Chúa Trời, trong thế giới bao gồm những thành phố toàn cầu ngày nay. Bài viết này cho rằng sứ mệnh ở thành phố hiện nay đem đến những thách thức và cơ hội cho chính các sứ mệnh.

Abstract

MISSION IN THE CITY TODAY: CHALLENGES AND OPPORTUNITIES

Chito M. Sawit, Ph.D

University of Santo Tomas, Manila
Philippines

In a globalized world a topic on mission seems remote. This paper argues that doing mission in the city, where commercialism and industrialization are high, is possible. Using the combined lense of anthropology, sociology and theology this study investigates the presence or absence of mission in the city today. The aim is to see the present context of the city which is global, plural, and diverse to be the ground of mission today where the Reign of God is to be proclaimed. The mission to proclaim the Good News, the proclamation of the Kingdom of God, is the central theme of Jesus' preaching, and a mandate given to His apostles. The world, however, has changed and has turned into urban cities where a great number of people live. The context of urbanization of the world brings great concern to mission, as mission looks into the present society with its people, being recipients of the Church's mission of evangelization. The

world is now in the age of global diversity and plurality as different religions, culture, and people meet in time and space where boundary is discarded. The Catholic Church must answer the call of evangelization to non-Christians, cultural and religious-others without hampering the *missio Dei* (Mission of God) with whom the Church participates and shares with, while valuing and respecting the dignity of people of other-faiths. Asia is a continent full of diversity and plurality just like the city. Urbanization is a global reality being felt all over the world. Thus, there is a need for spirituality of mission that would make the Kingdom of God at hand in the anonymity, multi-culturality, multi-religiosity, and economically poor people in the city. The Federation of Asian Bishops' Conferences, to which Southeast Asian countries are members, voice out a paradigm for mission in a very diverse and plural continent. This paper looks into the context of the present cities and on the proclamation of the Kingdom of God, in today's world of global cities. This paper argues that mission in the city today offers challenges and opportunities for mission.

Tóm tắt

LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA KHÔNG GIAN MỞ TRONG ĐÔ THỊ

Đoàn Diệp Thùy Dương

Khoa Đô thị học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP.HCM

Không gian mở trong đô thị không còn là vấn đề mới mẻ, nhưng bài toán về việc sử dụng, khai thác hết tiềm năng của thành phần không gian này vẫn chưa thực sự có lời giải hợp lý, thỏa đáng. Nhất là với tốc độ đô thị hóa nhanh như hiện nay thì các đô thị Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề như nhà ở, việc làm, dẫn đến diện tích đất giành cho không gian mở dần bị thu hẹp, thậm chí các khu đô thị mới trong đồ án quy hoạch cũng cắt giảm diện tích cho thành phần không gian này, nhường chỗ cho việc xây dựng công trình để ở, tăng doanh thu. Vì vậy, nếu xem không gian mở như một yếu tố quan trọng tạo ra doanh thu thì rõ ràng, các khu đô thị sẽ đưa không gian mở vào quy hoạch như một chiến lược thu hút dân cư, tăng lợi nhuận bằng cách trực tiếp và gián tiếp. Đó cũng là vấn đề được tìm hiểu trong đề tài này.

Abstract
ECONOMIC BENEFITS OF URBAN OPEN SPACES

Đoàn Diệp Thuỳ Dương

Faculty of Urban Studies

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

Urban open spaces, while not an unfamiliar research theme, has not been particularly well explored in terms of efficiency and usage, considering the current rising rates of urbanization in Vietnam, which results in a problematic plethora of housing, employment and consequential decrease of available open spaces. Even in the newly developed urban areas, priority has been put on profitable residential buildings at the expense of open spaces. Thus, a changed perception towards open spaces, in which - rather than being separate from the profitability of development projects – they can contribute to a desired population-pulling and profit-generating strategy, can help increase the presence of open spaces as a valuable virtue of contemporary urban planning. This serves as the problem of interest in this research.

Tóm tắt
TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ ĐÔ THỊ HÓA
ĐẾN SỰ PHÂN CỰC GIÀU - NGHÈO
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Lý Thị Huệ

Học viện Hành chính Quốc gia

Cùng với xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá trình đô thị hóa đang diễn ra như một tất yếu của lịch sử. Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, quá trình đô thị hóa đang diễn ra một cách mạnh mẽ hơn lúc nào hết. Ở Việt Nam, quá trình đô thị hóa đã thực sự tăng tốc từ giữa những năm 90. Đây là một biểu hiện của sự chuyển đổi xã hội theo hướng văn minh hiện đại. Sự chuyển đổi này đã tạo cơ hội cho người dân có việc làm, thu nhập tăng, dịch vụ xã hội phát triển, đời sống tinh thần cải thiện. Tuy nhiên, đô thị hóa quá tải và không kiểm soát được đã làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo khổ và phân cực giàu - nghèo ngày càng doãng rộng trên phạm vi cả nước. Sự phân cực giàu - nghèo nếu không được kiểm soát và giảm thiểu, về lâu dài có thể sẽ dẫn đến sự phân cực xã hội, cản trở kinh tế phát triển, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng và đe dọa sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang từng bước xây dựng.

Vấn đề đặt ra là quá trình đô thị hóa tác động đến sự phân cực giàu - nghèo ở Việt Nam hiện nay như thế nào và các yếu tố tác động đó là gì? Nghiên cứu *Tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sự phân cực giàu - nghèo ở Việt Nam hiện nay* sẽ giúp hiểu rõ vấn đề này.

Abstract
**THE IMPACT OF INDUSTRIAL AND URBANIZATION
ON THE RICH-POOR POLARIZATION IN VIETNAM
NOWADAYS**

Lý Thị Huệ, MA
National Academy of
Administration

Together with the trend of industrialization and modernization, the process of urbanization is taking place as an inevitability of history. Especially in this time and age, the process of urbanization is taking place strongly more than ever. In Vietnam, the process of urbanization has really accelerated since the mid-90s. This is an expression of the social transformation towards modern civilization. This transformation has created opportunities for people to have jobs, rising incomes, social service development and spiritual life improvement. However, uncontrolled overloading urbanization makes poverty become worst and the rich - poor polarization is increasingly larger in the whole country.

If the rich - poor polarization isn't controlled and minimized, in the long term, it will lead to the social polarization, prevent economic development, diminish people's trust to the Party and threat the survival of the socialist regime which Vietnam is gradually building.

The question is the process of urbanization affects the rich- poor polarization in Vietnam today like and what are impact factors? Researching ***The impact of urbanization on the rich-poor polarization in Vietnam nowadays*** will help us understand this problem clearly.

Tóm tắt
**NHỮNG KHUNG CẢNH HIỆN ĐẠI MỞ RỘNG:
NGẮM NHÌN QUANG CẢNH KHU ĐÔ THỊ MỚI
PHÚ MỸ HƯNG Ở VIỆT NAM**

Prof. Erik Harms, Ph.D
Đại học Yale

Nhắc đến khu chung cư và thương mại cao cấp Phú Mỹ Hưng, một dự án phát triển quy hoạch tổng thể nằm ở ngoại ô Thành phố Hồ Chí Minh, người ta thường ca ngợi ánh sáng, rồi độ lưu thông, thoáng khí ở đây. Họ thường nhận xét về độ hiện đại của nó, về cách mà nó đem lại cho cư dân một khung cảnh đô thị mới—một khung cảnh “hiện đại”, ở chỗ nó không bị che khuất, không chỉ như “màn hình phẳng”, cho họ tầm nhìn độc đáo xuyên thấu các mạng lưới quan hệ xen kẽ cũng như những bức tường bê-tông dày đặc vây quanh trung

tâm thành phố. Khung cảnh hiện đại này tạo cho họ cảm giác được “thoáng mắt”, không còn bị chèn ép. Từ các nghiên cứu nhân học được thực hiện tại Phú Mỹ Hưng, tôi sẽ chỉ ra các cách mà cả cư dân ở đây và khách tham quan đắm mình trong các không gian mở, công viên, trò chuyện, thậm chí viết thơ về những dải đường đại lộ ngút ngàn, rồi các chuyến đi dạo bên bờ sông ở Phú Mỹ Hưng. Nhân đây, tôi cũng cho thấy rằng khung cảnh hiện đại mà mọi người miêu tả không những tượng trưng cho cách họ nhìn nhận đời sống xung quanh mà còn bày tỏ những ước vọng của người dân đô thị mà nhiều khi có thể gắn liền với các lý tưởng xã hội mạnh mẽ.

Abstract

MODERN VIEWS, UNBLOCKED: LOOKING INTO THE DISTANCE IN PHÚ MỸ HƯNG, A VIETNAMESE NEW URBAN ZONE

Prof. Erik Harms, Ph.D
Yale University

When describing Phú Mỹ Hưng, an upscale master-planned residential and commercial development located on the periurban fringe of Ho Chi Minh City, residents typically emphasize the light, the air, and the openness. They often comment on how modern it is, and describe how it offers a new way of seeing the urban landscape—it offers a “modern view.” The view residents describe is modern because it is unblocked, has depth of field, and allows people to see beyond the dense webs of social relations and concrete walls that circumscribe views elsewhere in the city. This modern view offers people a generalized sense of “release” or of becoming unblocked. In this paper, based on ethnographic research in Phú Mỹ Hưng, I describe the ways in which residents and visitors engage with, discuss, and even write poetry about open spaces, parks, wide boulevards, and riverfront promenades in Phú Mỹ Hưng. In the process, I show that the modern view they describe is not only a way of looking at landscapes, but also expresses urban social aspirations, which can carry subtle, yet often powerful political connotations.

Tóm tắt
**ĐÔ THỊ CẢNG CÁ: MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ MỚI
Ở VIỆT NAM (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐÔ THỊ SÔNG
ĐỐC, TỈNH CÀ MAU)**

TS. Phạm Thanh Duy

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia – TP.HCM

Ở Việt Nam, đô thị phát triển qua nhiều giai đoạn lịch sử. Đô thị cổ xưa ở Việt Nam chủ yếu là những trung tâm hành chính. Thời kì thực dân Pháp xâm lược, người Pháp đã thiết lập nhiều đô thị là những trung tâm hành chính và trạm trung chuyển hàng hóa. Sau năm 1945 tiến trình đô thị hóa dưới định hướng phát triển công nghiệp ở miền Bắc. Nhiều thành thị như thế được thành lập như thành phố Thái Nguyên, Nam Định, Lâm Thao,.. Ở miền Nam, tiến trình này dựa theo sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dưới sự bảo trợ của người Pháp và sau này là người Mỹ. Những trung tâm đô thị vẫn là nơi đặt trụ sở hành chính và thủ phủ. Sau năm 1975, đô thị Việt Nam gần như không phát triển. Năm 1986, cùng với chính sách đổi mới, ki nguyên đô thị hóa bắt đầu cùng với thông qua việc công nghiệp hóa và đầu tư nước ngoài. Nhiều người đã từ các vùng nông thôn di chuyển đến thành thị để tìm cơ hội việc làm. Trong hơn một thập kỉ vừa qua, một hình mẫu mới của đô thị hóa được hình thành trong những cộng đồng ngư dân, đặc biệt là ở các tỉnh phía nam. Những khu đô thị mới được thiết lập và những đô thị cảng cá cũ được nâng cấp lên cấp độ đô thị mới trong hệ thống đô thị Việt Nam. Từ một cộng đồng ngư dân nghèo, những đô thị mới được hình thành chủ yếu dựa trên thành tựu về mặt kinh tế. Những người ngư dân sẽ làm gì trong môi trường đô thị? Nghiên cứu này nhằm khái quát lên một cộng đồng đô thị cảng cá trong tiến trình đô thị hóa qua trường hợp thị trấn Sông Đốc, tỉnh Cà Mau.

Abstract

**FISHING TOWN: A NEW MODEL OF URBANIZATION IN
VIETNAM (CASE STUDY OF SONG DOC, CA MAU,
VIETNAM)**

Phạm Thanh Duy, Ph.D

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

In Vietnam, urbanization has been undergone differently in each historic stages. All the ancient cities were administration centers. In French colonization

time, the French had established many cities as administrative and transportative centers. Since 1945, the process of urbanization was undergone by direction of industrial development in the North. Such cities that were established are Thai Nguyen, Nam Dinh, Lam Thao,...In southern Vietnam, this process based on development of capitalism under the patron of France and laterly America. The main urban centers are still the administrative ones and the provincial town. After 1975, Vietnam's urban mostly was undeveloped during more than a decade. The year 1986, followed by Doi moi policy, new era of urbanization began by industrialization and foreign investment. Many people move to cities from countryside to find their jobs. More than a decade ago, a new model of urbanization happened within fishing communities, especially in the south of Vietnam. New towns were established and old fishing towns were upgraded higher level of city in Vietnamese urban scale. From poor, unknown fishing villages, many new urban zones were built that mainly based on their economic achievement. In these new urban zones, most of residents are fishermen. Will fishermen do in the urban environment? This paper will outline an urban fishing community in this urbanization process in the case of Song Doc town, Ca Mau province.

Tóm tắt
TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
VÀ VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN

ThS. Nguyễn Ngọc Diễm
Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

Truyền thông đóng vai trò quan trọng trong hầu hết các hoạt động xã hội hiện nay. Trong các chương trình, dự án phát triển, truyền thông được xem là công cụ không thể thiếu để tác động chính sách cũng như duy trì tính bền vững của chương trình, dự án đó. Tuy nhiên, truyền thông truyền thống mang tính một chiều từ trên xuống (top-down) đang dần bộc lộ những hạn chế. Trong xu thế đa chiều, đa dạng giữa các bên tham gia chương trình, dự án, hoạt động..., cũng như tính phân quyền và dân chủ xã hội ngày càng được phát huy, vai trò tham gia của cộng đồng – đối tượng truyền thông - ngày càng được chú trọng. Truyền thông mới đòi hỏi không chỉ thể hiện tính đa chiều, mà chú trọng hơn chiều từ dưới lên (down-top), trong đó quyền quyết định nội dung, phương thức truyền đạt là thuộc về cộng đồng địa phương, có sự thảo luận giữa các cá nhân trong cộng đồng, cũng như tính phản biện trở lại đối với bên cung cấp thông tin.

Sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích nguồn dữ liệu sơ cấp từ Đề tài cấp Bộ 2013-2014 “Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu” do Viện Khoa học xã hội Vùng Nam Bộ chủ trì và một số dữ liệu thứ cấp, bài viết giới thiệu các luận điểm lý thuyết về truyền thông phát triển có sự tham gia, đánh giá thực trạng biến đổi khí hậu cũng như truyền thông biến đổi khí hậu ở Đồng bằng Sông Cửu Long, đồng thời làm rõ vai trò của mô hình truyền thông mới này. Trên cơ sở đó, bài viết cũng đưa ra một số kết luận và đề xuất trong việc áp dụng truyền thông phát triển có sự tham gia trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

Abstract

IMPACTS OF CLIMATE CHANGE TO THE MEKONG DELTA AND ROLES OF PARTICIPATORY DEVELOPMENT COMMUNICATION

Nguyễn Ngọc Diễm, MA

Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

Communication takes an important role in all aspects of social activities nowadays. In many development programs and projects, communication is a necessary tool of giving evidences and feedbacks to policy making, and maintaining their sustainability. However, most of the communication activities are still based on traditional/classical methods (top-down methods) and they have revealed more and more weaknesses. As development programs considering more about the diversity of stakeholders while focusing more on community, and in the process of decentralization and democracy, the participation of community (the target audience of communication) is taken to account. The new method requires not only the multi-dimensional approach, but also down-top approach, from which community have decision rights of communication's content, methods, and means that they find most appropriate. The target community are not just audience, they can discuss to each other and give feedbacks to the information providers.

Using literature review and data analysis from the research project on "Studying community-based communication models in climate change adaptation for community living in coastal areas in the Mekong Delta", a Ministry-level project of the Southern Institute of Social Sciences in 2013-2014, the paper aims to introduce to main points of participatory development communication (PDC) theories, provide assessment results of climate change impact to the Mekong Delta, especially in coastal areas, and give some discussions on how the PDC should be applied to the areas for climate change adaptation.

Tóm tắt
**ĐÔ THỊ HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á: ĐẶC ĐIỂM VÀ TRIỂN VỌNG**

ThS. Nguyễn Quang Giải
Đại học Thủ Dầu Một

Đô thị hóa ở Việt Nam diễn ra muộn hơn so với một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, kể từ sau Đổi Mới, cùng với chủ trương công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, tốc độ đô thị hóa ở Việt Nam được khởi sắc. Đặc điểm, triển vọng đô thị hóa của Việt Nam ngoài những điểm tương đồng với các nước trong khu vực Đông Nam Á, đô thị hóa ở Việt Nam còn có những nét riêng, do các đặc điểm, điều kiện lịch sử - xã hội tạo nên.

Abstract
**URBANIZATION OF VIETNAM IN THE LANDSCAPE OF
URBANIZATION
SOUTH EAST ASIAN REGION: FEATURES AND
PROSPECT**

Nguyễn Quang Giải, MA
Thủ Dầu Một University

Urbanization in Vietnam happens later when compared to some nations in the South East Asian region. However, after Reformation, along with the Policy of Industrialization - Modernization of the nation, urbanization speed in Vietnam is flourishing. Features and prospect of urbanization in Vietnam besides similarities to that of nations in the South East Asian region, Vietnamese urbanization has its own specific features, as there are features, social - historical condition that create the situation.

Tóm tắt
**LAO ĐỘNG NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH**
HIỆN TRẠNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

TS. Nguyễn Thị Hoài Hương
Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh

Bài viết được trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài “Quản lý lao động người nước ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh” hoàn thành năm 2014. Đề tài khảo sát 245 phiếu điều tra lao động nước ngoài và doanh nghiệp nước ngoài tại thành phố. Kết quả nghiên cứu cho thấy TPHCM có những ưu thế về thu hút đầu tư và lao động nước ngoài, số lượng lao động người nước ngoài đến thành phố ngày càng gia tăng, có sự thay đổi về cơ cấu lao động theo quốc tịch, độ tuổi, lĩnh vực hoạt động theo thời gian, sự thay đổi của các chính sách...

Từ thực trạng quản lý lao động người nước ngoài, đề tài đề xuất những kiến nghị để hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý và cải thiện các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác quản lý, thực thi các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp nước ngoài và lao động nước ngoài. Trong công tác quản lý lao động nước ngoài, cần tạo lập một cơ sở dữ liệu liên thông giữa các cơ quan. Đồng thời, tăng cường nhân sự và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác quản lý lao động nước ngoài tại TPHCM.

Abstract
**STATUS OF LABOUR FOREIGNERS IN HO CHI MINH
CITY AND RECOMMENDATIONS FOR POLICY**

Nguyễn Thị Hoài Hương, Ph.D
Hochiminh City Institute for Development Studies

The article is taken from the research results of the project "Management of foreign workers in Ho Chi Minh City" completed in 2014. Project carried out the questionnaire with survey of 245 workers and foreign enterprises in this city. Research results show that Hochiminh City have the advantage of attracting investment and foreign workers, the number of foreign workers to cities is increasing, there are many elements change and effect each other by the time such as: the structure of labor by nations, ages, field of activities, policies ...

From situation of managing labor foreigners, project recommendations proposed to improve the system of legislation and improve administrative procedures, creating more favorable conditions for management, implementation procedures related to foreign enterprises and foreign workers. On this field, we should create a database connection between agencies. At the same time, strengthen human resources and improving the quality of human resources

Tóm tắt

DI CƯ VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở TÂY NGUYÊN

TS. Trần Hồng Hạnh
Viện Dân tộc học

Bài viết đề cập thực trạng di cư, cả di cư có kế hoạch và di cư tự do, ở Tây Nguyên và tác động của nó đến mối quan hệ dân tộc ở vùng này. Bài viết chỉ rõ tình trạng di dân nhanh và mạnh ở Tây Nguyên – vốn rất khác biệt so với các vùng khác trên cả nước, khiến cơ cấu và thành phần dân cư của vùng này thay đổi rõ rệt. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này; trong đó, chủ yếu vẫn là lực hút và lực đẩy của nơi chuyển đi và nơi chuyển đến. Để giải quyết tình trạng di dân hiện có ở vùng Tây Nguyên, đã có nhiều chính sách và chương trình, nổi bật là chính sách định canh định cư, của Nhà nước được thực hiện ở vùng này để giúp người dân sắp xếp, ổn định chỗ ở và nơi sản xuất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các chính sách và chương trình ấy ở cấp cơ sở, đã nảy sinh những bất cập khiến công tác định canh định cư cho người di cư bị hạn chế. Trong quá trình ấy, di dân đã có những tác động hai chiều, cả tích cực và tiêu cực, đến sự phát triển của cộng đồng các dân tộc và sự phát triển chung của vùng Tây Nguyên, trong đó có mối quan hệ và đoàn kết dân tộc ở vùng này.

Abstract

MIGRATION AND ETHNIC RELATIONS IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF VIETNAM

Trần Hồng Hạnh, Ph.D
Institute of Anthropology

This article discusses the practical situation of migration including both the planned and uncontrolled migration in the Central Highlands and its impacts on the ethnic relations in this region. It points out clearly that the situation of migration taking place rapidly and intensely in the Central Highlands - different from other regions of all over Vietnam, has made the structure and composition of population of this region change remarkably. There have been many reasons causing this state of which the push and pull forces of the departure and destination have been the main one. To solve this current migration situation in the Central Highlands, there have been many policies and programs, notably the policy of fixed cultivation and settlement of the Vietnamese government implemented in this region to assist people here to stable their location and production. However, during the implementation of these policies and programs at the local level, there has been appearance of problems restricting the implementation of the program of fixed cultivation and settlement for the migrants. In this process, the migration has had its

impacts in opposite directions, both positive and negative, on the development of community of ethnic peoples as well as the whole Central Highlands region, including ethnic relations and union.

Tóm tắt
**VẤN ĐỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC NƯỚC ASEAN
TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA**

TS Trịnh Thị Hoa
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Đỗ Minh Thu
Khoa Môi trường – K57
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, cùng với những thành tựu thu được từ quá trình công nghiệp hóa ở các nước ASEAN, là những nguy cơ ô nhiễm môi trường sinh thái nặng nề đang đe dọa các nước này. Theo tính toán của các chuyên gia nghiên cứu môi trường thuộc Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), thì cứ đà tăng trưởng kinh tế như hiện nay, mỗi năm ASEAN phải cần đến hàng chục, hàng trăm tỷ USD cho các hoạt động làm sạch môi trường. Đây đang là mối quan tâm hàng đầu của chính phủ các nước ASEAN và các tổ chức môi trường thế giới.

Bài viết của tác giả đề cập tới một số vấn đề sau:

Thứ nhất, sự phát triển của các khu công nghiệp ở các nước ASEAN ảnh hưởng trực tiếp đến ô nhiễm môi trường.

Thứ hai, đô thị hóa, sự gia tăng dân số và sử dụng phương tiện giao thông ở các đô thị ASEAN đã ảnh hưởng tới môi trường.

Thứ ba, nguồn tài nguyên thiên nhiên tại các nước ASEAN đang bị sử dụng đến cạn kiệt tác đã tác động tới vấn đề môi trường.

Phấn đấu để trở thành một khu vực xanh, sạch, theo phương châm tăng trưởng bền vững đang là một trong những mục tiêu hàng đầu của các nước ASEAN. Là một thành viên của ASEAN, Việt Nam cũng đã kịp thời xác định những tổn thất do ô nhiễm môi trường gây ra, có những kế hoạch nghiêm túc trong việc bảo vệ môi trường và mong muốn cộng tác có hiệu quả với các tổ chức quốc tế và các nước trên thế giới mà trước hết là chính các nước trong ASEAN.

Abstract
**AIR POLLUTION IN ASIAN COUNTRIES
IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION**

Trịnh Thị Hoa, Ph.D
Ho Chi Minh National Academy of Politics and Public Administration

Globalization causes many problems to the environment in which air pollution is the very serious one. This paper presents three factors affecting the environment: the rapid development of industrial zones, urbanization and using all of natural resources. In relation to this matter, Vietnam as an Asian country understands the risks of air pollution and works on proposals to save and protect the environment.

Tóm tắt
**NGHIÊN CỨU SO SÁNH HÀNH VI SỬ DỤNG RAU SẠCH
CỦA KHÁCH HÀNG TẠI CỬA HÀNG GOLDEN PLACE
Ở HUA HIN PRACHUAP KHIRI KHAN, THÁI LAN**

Worawit Pimolrat
Noppadol Towichaikul
Khoa Khoa học Quản lý
Đại học Silpakorn, Thailand

Bài viết này nhằm mục đích trình bày nghiên cứu so sánh quyết định dùng rau sạch của người dân ở Thái Lan và Việt Nam cũng như chỉ ra các yếu tố liên quan đến việc sử dụng rau sạch này.

Nghiên cứu định lượng này sử dụng bảng hỏi cho 400 người tham gia. Họ là những khách hàng của cửa hàng Golden Place ở Hua Hin Prachuap Khiri Khan, Thái Lan. Dữ liệu thu thập được sau đó được diễn giải bằng các phép tính về tần số, tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và giả định được kiểm định với hệ số tương quan Pearson.

Kết quả cho thấy rằng: 1) khách hàng đến từ khu vực đô thị Thái Lan có ít hành vi sử dụng rau sạch hơn khách hàng đến từ khu vực nông thôn của Thái Lan nhưng ngược lại tại Việt Nam người dân sống ở các đô thị có hành vi sử dụng rau sạch nhiều hơn so với người dân ở nông thôn; 2) Các yếu tố tính cách cá nhân, xã hội, kinh tế, thị trường có tác động đến thái độ ăn rau sạch của khách hàng tại cửa hàng Golden Place ở Hua Hin Prachuap Khiri Khan, Thái Lan. Nghiên cứu này kiến nghị nên có các hoạt động (cả ở nơi công cộng cũng như ở các khu vực riêng lẻ) để giúp người dân hiểu hơn về lợi ích của việc ăn rau sạch. Cần có cách tuyên truyền vận động người dân ăn nhiều rau quả hơn.

Abstract

A COMPARATIVE STUDY OF THE BEHAVIORAL HEALTH OF EATING VEGETABLES TO THE TOURIST'S CUSTOMER OF GOLDEN PLACE SHOP IN HUA HIN PRACHUAP KHIRI KHAN PROVINCE THAILAND

Worawit Pimolrat

Noppadol Towichaikul

Faculty of Management Science

Silpakorn University Thailand

This research aimed were 1) to study and compare the decision to eat healthy vegetables of Thailand and Vietnam 2) to study factors related to eating healthy vegetables Thailand and Vietnam. This quantitative research used sample group was tourists who customer of Golden Place shop in Hua Hin Prachuap khiri khan Province Thailand. 400 peoples and questionnaires were used to collect data, and data analysis by frequency, percentage, mean, standard deviation and Pearson's correlation coefficient.

The result reveals that 1) The tourist from Thai urban area have behavioral health of eating vegetables less than The tourist from Thai rural area but Vietnam's urban residents people have behavioral health of eating vegetables more than Vietnam's rural residents 2) Personality factors, Social factor, Economic factors, Marketing factors effected to conversation of the behavioral health of eating vegetables to the a tourist who's a customer of Golden place shop in Hua Hin

The suggestion of this study was public and private sectors should to create activities for makes people appreciate and maintain the benefits of eating vegetables for health and establish guidelines for campaigning, people turn to eating more vegetables.

Tóm tắt
**THỰC HÀNH TÀM SOÁT UNG THƯ CỔ TỬ CUNG
Ở PHỤ NỮ HÀNH NGHỀ MẠI DÂM TẠI TP.HCM**

ThS. Lê Thị Ngọc Phúc

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) được xem như là một vấn đề toàn cầu về sức khỏe (Parkin, Bray, Ferlay, & Pisani, 2005) và là một trong những bệnh ung thư phổ biến nhất trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam (WHO, 2012). UTCTC tại Việt Nam đứng thứ tư trong nhóm các bệnh ung thư ở phụ nữ và căn bệnh này thường gặp thứ hai ở phụ nữ độ tuổi từ 15 đến 44 tuổi (Bruni et al., 2014). Trong những năm gần đây, chính phủ Việt Nam đã nỗ lực để kiểm soát căn bệnh này (Domingo et al, 2008; PATH, 2007). Tuy nhiên, nhiều đối tượng vẫn chưa tiếp cận được các chương trình phòng ngừa, đặc biệt là phụ nữ hành nghề mại dâm (PNMD) là những người có nguy cơ cao bị UTCTC (Domingo et al, 2008;. Hoàng et al, 2013.).

PNMD là đối tượng được quan tâm nhiều kể từ sau khi đại dịch HIV bùng nổ ở Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết các chương trình chỉ tập trung vào HIV và bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs). Trên thực tế, PNMD có nguy cơ mắc UTCTC cao hơn các nhóm khác bởi mức độ phơi nhiễm virus HPV cao; quan hệ tình dục sớm, nhiều bạn tình, quan hệ tình dục không an toàn (Kietpeerakool et al, 2009;. T. Nunez, et.al; 2004). Do đó, ngoài việc ngăn ngừa STDs, việc tầm soát ung thư cổ tử cung ở nhóm đối tượng này rất cần thiết.

Bài viết tập trung tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc tham gia tầm soát của phụ nữ hành nghề mại dâm ở Việt Nam về UTCTC. Đồng thời bài viết tiến hành so sánh dữ liệu nghiên cứu ở các nước nhằm đề ra mô hình thích hợp thúc đẩy việc tầm soát. Dữ liệu của bài viết được rút ra từ luận văn nghiên cứu Nhân học về việc tầm soát UTCTC của phụ nữ hành nghề và các kết quả nghiên cứu ở Thái Lan.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù các PNMD tự nhận thức họ là là đối tượng nguy cơ của căn bệnh UTCTC nhưng việc tham gia tầm soát vẫn thấp. Kết quả này được tìm thấy tương tự trong nghiên cứu về kiến thức, hành vi và thái độ của PNMD về UTCTC ở Thái Lan (Kietpeerakool, et.al; 2008). Ngoài yếu tố kinh tế, những quan điểm về bệnh, nỗi sợ và mặc cảm nghề nghiệp là những yếu tố tác động đến quyết định tham gia tầm soát của PNMD. Mặc dù chúng tôi tìm thấy một vài kết quả tương tự trong hai nghiên cứu như nỗi sợ hãi về bệnh tật, kiến thức về UTCTC nhưng có sự khác biệt trong quan điểm về căn bệnh này giữa PNMD Việt Nam và Thái Lan. Kết quả nghiên cứu đề nghị các chương trình giáo dục sức khỏe về UTCTC nên được tiến hành bởi các

nhân viên y tế và giáo dục viên đồng đẳng. Ngoài ra, chương trình tầm soát UTCTC nên được lồng ghép trong các chương trình khám STDs hoặc các chương trình tầm soát với chi phí hợp lý trong bối cảnh kinh tế của các PNMD.

Abstract

CERVICAL CANCER SCREENING AMONG VIETNAMESE FEMALE SEX WORKERS IN HO CHI MINH CITY

Lê Thị Ngọc Phúc, MA

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

Cervical cancer is seen as a global health problem (Parkin, Bray, Ferlay, & Pisani, 2005) and one of the most common cancers in the world, including Vietnam (WHO, 2012). Cervical cancer in Vietnam ranks the fourth cause of cancer among women and the second most common female cancer in women aged 15 to 44 years (Bruni et al., 2014). In recent years, Vietnam government has attempted to control this disease by vaccine, Pap-smear and VIA (Domingo et al, 2008; PATH, 2007). However, comprehensive population coverage for this preventive program has been difficult to achieve in Vietnam, especially among Vietnamese female sex workers who are at high risk to cervical cancer (Domingo et al, 2008; Hoàng et al, 2013.).

Female sex workers have been paid much attention since the human *immunodeficiency virus (HIV)* was discovered in Vietnam. However, almost programs have just focused on HIV and sexually transmitted diseases (STDs). In fact, FSWs are at an increased risk for cervical cancer due to the sexual transmission pattern HPV in comparison with general population, multiple sexual partners, STDs and socioeconomic status (Kietpeerakool et al, 2009; T. Nunez, et.al; 2004). Therefore, it is necessary to face the issues regarding cervical cancer prevention beyond STDs prevention among women in the context of sex work.

The paper would like to find out socio-cultural factors related to their attendance on cervical cancer screening. In addition, the paper compare with previous studies in order to find out appropriate model to promote the screening. Data of this paper was drawn from my research on cervical cancer screening among FSWs in HCMC and research findings in Thailand.

We found that that although FSWs considered themselves to be risk for cervical cancer due to their sexual lives, they still postponed going for cervical cancer screening. These findings are similar with several previous studies in Thailand (Kietpeerakool, et.al; 2008). Together with economic factor, beliefs

about disease, fear and embarrassment are influencing factors to their decision on screening. Although we found several similar findings in two studies such as: fear for disease and knowledge about cervical cancer, there are differences opinion between Vietnamese female sex workers and Thai women. The findings suggest that health education about cervical cancer and cervical cancer screening for FSWs should be done by health professionals and the peer-educators. In addition, screening programs should be integrated into STDs examination or screening programs with reasonable costs within context of FSW.

Tóm tắt

BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM: NGHIÊN CỨU LÒNG GHÉP VỀ PHÚC LỢI XÃ HỘI, HÒA BÌNH VÀ QUÁ TRÌNH LÃO HÓA

Ryotaro Katsura

Tôi chú ý đến vấn đề dân số già ở Việt Nam vì các lí do sau đây. Lý do đầu tiên là tôi nhận thấy Việt Nam có tỉ lệ dân số già phát triển nhanh hơn nhiều so với tỉ lệ đó ở các nước châu Á khác. Liên Hợp Quốc đưa ra chỉ số để xác định một xã hội có dân số già là khi xã hội đó có 7-14% dân số ở độ tuổi từ 65 trở lên. Thứ hai, người cao tuổi ở Việt Nam đã trải qua cuộc chiến tranh chống Mỹ ác liệt. Lý do thứ ba là, việc người cao tuổi ở Việt Nam sẽ sống như thế nào trong tương lai, cụ thể là các cách chữa bệnh và các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người già cũng như các phúc lợi xã hội khác, khi mà Việt Nam chọn cách phát triển kinh tế thị trường theo tư bản chủ nghĩa theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Lý do cuối cùng, tôi muốn biết những vấn đề trên ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày, đến văn hóa, khí hậu và tinh thần của người dân như thế nào.

Abstract

WHAT WE CAN LEARN FROM THE ELDERLY IN VIETNAM - AN INTEGRATION OF STUDIES OF SOCIAL WELFARE, PEACE, AND GERONTOLOGY

Ryotaro Katsura

I have also been paying attention to the problem of the graying of the population in Vietnam. The first reason my attention turned to this problem is that I began to notice that the pace of graying in Vietnam is very much faster than it is in other Asian countries. The UN defines a society as “aging” if 7 to 14% of its population is 65 year old and over. Then I noticed that looking at the

future of Vietnam reveals important data for forecasting the future of other countries in Southeast Asia. The second reason I began to pay attention to the elderly in Vietnam is that their way of life represents "human life in war." It is true that the elderly of many countries have lived through wars, large and small. But, the elderly in Vietnam experienced one of the most miserable wars in history, the Vietnamese War. The third reason is that, though China receives a lot of attention due to its rapid economic growth, Vietnam is also undergoing rapid economic development within a socialism system, much like China. In other words, I am interested in how the elderly in Vietnam will live in a future that includes receiving medical services, health insurance, and elder care in a social system that has two aspects: capitalism in the economic sphere, and socialism in the political one. Lastly, I want to know how these issues relate to the daily lives, culture, and spiritual climate of the people in nations that have been supporting them.

Tóm tắt
**THAY ĐỔI ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN:
GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG
TRONG BỐI CẢNH HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG ASEAN**

TS. Nguyễn

Thị Kim Loan

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Biến đổi khí hậu cùng với sự suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường đang là những vấn đề lớn nhất mà chúng ta phải đối mặt trong thế kỷ 21. Vấn đề môi trường được cộng đồng Asean quan tâm cấp thiết vì nó liên quan đến lợi ích căn bản của tất cả các quốc gia. Chiến lược phát triển bền vững, bảo vệ môi trường đã đang và sẽ đứng trước các thách thức to lớn luôn có những mâu thuẫn giữa bảo vệ môi trường và hoạt động tăng trưởng kinh tế. Công tác quản lý môi trường luôn phải đối mặt với các mâu thuẫn trong suy nghĩ, thái độ, hành vi về môi trường. Không có một quốc gia đơn lẻ nào có thể giải quyết vấn đề môi trường một cách hiệu quả, vì vậy cộng đồng các nước ASEAN cần phải chung tay thực hiện bằng các hành động thiết thực, đồng bộ. Tư tưởng chủ đạo của chiến lược phát triển bền vững là phải gắn mục tiêu phát triển kinh tế với việc quản lý và bảo vệ môi trường, là sự kết hợp chặt chẽ giữa các mục tiêu kinh tế, nhân văn, môi trường và công nghệ. Con người và cộng đồng có vai trò then chốt trong việc thay đổi hành vi, thái độ đối với các vấn đề môi trường. Xây dựng hành vi về môi trường là một công việc khó khăn, lâu dài, đòi hỏi những biện pháp đồng bộ, bền bỉ và có kế hoạch.

Abstract
**CHANGING PEOPLE’S BEHAVIOURS WITH THE
NATURE – THE SOLUTION TO DEVELOP
ENVIRONMENTAL SUSTAINABILITY IN THE CONTEXT
OF ASEAN COMMUNITY’S FORMATION**

**Nguyễn Thị
Kim Loan, Ph.D**

University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Climate change together with the degradation of natural resources and environmental pollution are the biggest problems that we are facing in the 21st century. Environmental issues are now an urgent attention to the ASEAN community because it involves to the fundamental benefits of all countries. The strategies for sustainable development and environmental protection have been and will precede the great challenges due to the notoriously existence of conflicts between environmental protection and economic-growing activities. Environmental management has always faced with the contradiction in thinking, attitude and behaviors towards the environment. No single country can solve environmental problems effectively by itself, so ASEAN community should stand together to implement these practical and synchronized actions. The main conception of the sustainable development strategy is to link the economic development’s goals with the management and protection of the environment as well as to closely incorporate between the objectives of economics, humanitarian, environment and technology. People and communities have a key role in changing behavior and the attitudes towards environmental issues. Construction environmental behavior is a difficult lasting task which requires the coordinated, enduring and well-planned methods.

TIỂU BAN 3: KINH TẾ, XÃ HỘI, DU LỊCH
SESSION 3: ECONOMIC, SOCIAL ISSUES, TOURISM

Tóm tắt
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP
TRUYỀN THỐNG TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ
(NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN TỪ TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM
VÀ THÁI LAN)

Bùi Hoàng Việt
Khoa Đô thị học
Trường Đại học KHXH & NV
Đại học Quốc gia TP. HCM

Trong lịch sử phát triển của dân tộc, các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp truyền thống luôn là một phần gắn bó mật thiết với đời sống của người dân Việt Nam. Sản phẩm của các làng nghề không những có giá trị kinh tế cao mà còn mang đậm nét bản sắc văn hóa và truyền thống của dân tộc.

Tuy nhiên, theo thời gian, những tác động của quá trình toàn cầu hoá đã làm cho các làng nghề truyền thống biến đổi một cách nhanh chóng, vị thế của nền kinh tế tiểu thủ công nghiệp vì thế mà ngày càng mai một dần do một số khó khăn như: thiếu vốn sản xuất, thị trường tiêu thụ hạn chế, khả năng cạnh tranh thấp, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, thu nhập của người lao động thấp, việc đào tạo nâng cao tay nghề gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, các vấn đề xã hội và tình trạng ô nhiễm môi trường cũng đang ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của người dân.

Trong khi đó, Thái Lan là một quốc gia có nền kinh tế phát triển vào hàng bậc nhất của khu vực Đông Nam Á. Không chỉ chú trọng phát triển công nghiệp hoá và hiện đại hoá, quốc gia này cũng đã tập trung phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống theo hướng khai thác các giá trị sản phẩm thông qua hình thức du lịch, một cách làm mang lại hiệu quả và có tính bền vững cao, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá đang ngày càng mở ra nhiều cơ hội phát triển như hiện nay.

Thông qua việc nghiên cứu so sánh và phân tích về các đặc điểm giống và khác nhau trong phương thức phát triển nền kinh tế tiểu thủ công nghiệp truyền thống của hai Quốc gia. Nghiên cứu sẽ xây dựng những mục tiêu và định hướng phát triển phù hợp cho Việt Nam trong tương lai.

Abstract
**ECONOMIC DEVELOPMENT OF TRADITIONAL
HANDICRAFTS IN THE GLOBALIZATION
(CASE STUDIES FROM VIETNAM AND THAILAND)**

Bùi Hoàng Việt

Faculty of Urban Studies

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

During its history, handicraft villages have always been closely associated with the Vietnamese's life. No only do the products from these places have high value in economy, they also carry distinguished cultural and traditional features.

However, local production activities of the village had suffered from the impacts of rapid urbanization. The main reasons can mostly but not exclusively be the increasing amount of arable land being changed into residential land, the shift of labour force from agricultural sector to non-agricultural ones, and obsolete technology, which altogether have made the village fade into oblivion in recent years.

Meanwhile, Thailand is a country with a developing economy ranks among the best in Southeast Asian. They not only focus on developing industrialization and modernization, the country has also focus on developing the handicraft professions traditionally to exploit the value of products in the form of tourism. This is a good approach to make efficiency and sustainability, especially, in the globalization, they are increasingly opening up growth opportunities.

Using SWOT analysis, this article suggests some ideas to encourage the development of the village, such as human resource training, development of marketing ability and establishment of appropriate legal framework in the future.

Tóm tắt

**TIẾN TRÌNH HỢP TÁC KINH TẾ GIỮA CÁC NƯỚC
THUỘC HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY (1998-2014),
HIỆN THỰC HÓA CỦA QUÁ TRÌNH HỢP TÁC GIỮA CÁC
NƯỚC THÀNH VIÊN NHẪM XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG
KINH TẾ ASEAN**

TS. Nguyễn Hoàng Huế

Đại học Thủ Dầu Một

Hành lang kinh tế Đông Tây là chương trình hợp tác phát triển tổng thể nhằm mục tiêu phát triển liên vùng nghèo bao gồm lãnh thổ lớn kéo dài từ miền Trung Việt Nam lên Trung Hạ Lào, Đông Bắc Thái Lan và đến tận Myanmar.

Tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây (1998-2014) đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận được thể hiện trên nhiều lĩnh vực.

Những kết quả đạt được của tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước thuộc Hành lang kinh tế Đông Tây đã có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các nước trên EWEC. Đó chính là hiện thực hóa của quá trình hợp tác của các nước thành viên của ASEAN nhằm thực hiện mục tiêu của các tổ chức này. Đồng thời tiến trình này đã góp phần vào sự phát triển của ASEAN và là bước quan trọng hướng tới Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ được hình thành vào cuối năm 2015.

Abstract

THE PROCESS OF ECONOMIC COOPERATION BETWEEN THE COUNTRIES OF THE EAST WEST ECONOMIC CORRIDOR (1998-2014), REALIZATION OF THE COOPERATION BETWEEN THE MEMBER STATES TO ESTABLISH THE ASEAN ECONOMIC COMMUNITY

Nguyễn Hoàng Huế, Ph.D

Thủ Dầu Một
University

East West Economic Corridor program overall development cooperation aims at developing interregional poor include large territory stretching from central Vietnam to the Middle Laos, Northeast Thailand and Myanmar to take. The process of economic cooperation between the countries of the East West Economic Corridor (1998-2014) has achieved remarkable results shown in many fields.

The results of the process of economic cooperation between the countries of the East-West Economic Corridor has had a positive impact on economic development - local economic development of the country and on the EWEC. It is the realization of the cooperation of the member countries of ASEAN to implement the goals of these organizations. At the same time this process has contributed to the development of ASEAN and is an important step towards the ASEAN Economic Community will be formed by the end of 2015.

Tóm tắt
SINH KẾ TỘC NGƯỜI TRONG THỜI ĐẠI
TOÀN CẦU HÓA
(Phân tích một mô hình sinh kế của người Dao ở Tây Bắc,
Việt Nam)

Bùi Minh Hào
Diễn đàn Tư Duy học
GS.TS. Tô Duy Hợp
Trung tâm Khoa học Tư Duy

Quá trình toàn cầu hóa và thị trường hóa ở miền núi đã tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của các cộng đồng dân tộc. Sự thay đổi đầu tiên và quan trọng có thể thấy rõ là thay đổi về mô hình sinh kế. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng đòi hỏi các cộng đồng tộc người phải xây dựng những mô hình sinh kế sao cho hợp lý để phát triển. Dựa trên những lý thuyết về sinh kế bền vững và qua phân tích mô hình sinh kế của một cộng đồng nhất định, bài viết này muốn đưa ra những nhận định về quá trình xây dựng các mô hình sinh kế tộc người và hướng đến xây dựng mô hình sinh kế bền vững trong thời đại toàn cầu hóa.

Abstract
ETHNIC LIVELIHOOD PATTERNS IN THE ERA OF
GLOBALIZATION (THE CASE OF THE DAO IN
NORTHWESTEN VIETNAM)

Bùi Minh Hào
Thinking Science Forum
Prof. Tô Duy Hợp, Ph.D
Center for Thinking science

The process of globalization and marketization in mountainous regions has strongly impacted on the economic lives, society and culture of local ethnic communities. The first and significant change is obviously their livelihood patterns. Globalization requires the communities to adjust the patterns to cope up the new circumstance and thrive. Based on theories of sustainable livelihoods and by analyzing the livelihood pattern of the Dao in Northwestern Vietnam, this article explore the characteristics of the process of building and adjusting ethnic livelihood patterns in the era of globalization.

Tóm tắt
**THÁI LAN VỚI TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA
HƯỚNG VỀ XUẤT KHẨU VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH
NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

TS. Huỳnh Đức Thiện
Khoa Việt Nam học
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Công nghiệp hóa là con đường tất yếu giúp các nước nghèo nàn, lạc hậu có khả năng thoát khỏi đói nghèo và phát triển. Trong thời kỳ toàn cầu hóa, quá trình công nghiệp hóa đã diễn ra ở nhiều nước đang phát triển với sự đa dạng về mô hình, cùng với những thành công, hạn chế khác nhau, thậm chí có nước đã phải trả giá do những sai lầm trong công nghiệp hóa. Việt Nam và Thái Lan khi bước vào công nghiệp hóa có một số điểm tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội. Vì vậy, nghiên cứu tiến trình công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu của Thái Lan trong thời kỳ toàn cầu hóa không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có thực tiễn cao, rút ra bài học kinh nghiệm cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.

Abstract
**THAILAND'S EXPORT ORIENTED INDUSTRIALIZATION
AND ITS IMPLICATIONS FOR VIETNAM**

Huỳnh Đức Thiện, Ph.D
Faculty of Vietnam Studies
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Industrialization is the inevitable way-out for under-developed countries to escape poverty and move forward to development. In our age of globalization industrializing process is happening in many developing countries with diverse approaches. There have been winners and losers, and some countries even have had to pay so dearly for their mistakes. In such a process, Vietnam and Thailand share certain similarities in term of socio-economic backgrounds. Hence, studying Thailand's export oriented industrializing process in this age of globalization have both theoretical and practical values which could provide references for Vietnam's industrialization and modernization.

Tóm tắt
MỘT NGHIÊN CỨU SO SÁNH VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC DI SẢN THẾ GIỚI ĐỐI VỚI CÁC KHU DU LỊCH BẢO TỒN Ở THÁI LAN VÀ VIỆT NAM

Jetsadaporn Sutus
Tidathip Panrod
Khoa Khoa học Quản lý
Trường Đại học Silpakorn

Bài viết này đi vào tìm hiểu các yếu tố liên quan đến định hướng phát triển của chợ cổ trăm tuổi Sam Chuk đối với công tác bảo tồn trong du lịch, và tìm hiểu, so sánh định hướng phát triển của Tổ chức Di sản Thế giới tại hai khu du lịch bảo tồn chợ cổ trăm tuổi Sam Chuk ở Thái Lan và thành phố cổ Hội An, Việt Nam.

Nghiên cứu định lượng này sử dụng bảng hỏi cho 400 người tham gia. Họ là những du khách đã đi du lịch đến chợ Sam Chuk. Dữ liệu thu thập được sau đó được diễn giải bằng các phép tính về tần số, tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và giả định được kiểm định với hệ số tương quan Pearson. Ngoài ra, nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nghiên cứu và bài viết có liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

Kết quả cho thấy rằng: 1) thị trường đa dạng, các yếu tố du lịch, văn hóa, xã hội có mối liên hệ với du lịch bảo tồn tại khu chợ trăm tuổi Sam Chuk; 2) trong khi yếu tố Thị trường đa dạng có mối liên hệ với du lịch bảo tồn tại khu chợ cổ Sam Chuk ở Thái Lan, thì yếu tố Môi trường và yếu tố Động lực liên quan tới du lịch bảo tồn tại khu phố cổ Hội An, Việt Nam.

Bài viết này cũng kiến nghị riêng cho trường hợp của Sam Chuk rằng cả ban ngành nhà nước và tư nhân, bao gồm cả những người dân địa phương nên kiểm soát và quan tâm đến khu chợ Sam Chuk đảm bảo rằng việc kinh doanh ở đây không đặt mục tiêu lợi nhuận là trên hết vì điều đó sẽ ảnh hưởng đến môi trường cũng như việc bảo tồn chợ.

Abstract
A COMPARATIVE STUDY ON THE DEVELOPMENT APPROACH OF THE WORLD HERITAGE TO THE CONSERVATION TOURISM PLACE IN THAILAND AND VIETNAM

Jetsadaporn Sutus
Tidathip Panrod
Faculty of Management Science,
Silpakorn University

The objectives of this research were 1) to study the factors related to the development approach of Sam Chuk market hundred of years to the

conservation of tourism. 2) to study and compare the development approach of the World Heritage to the conservation Tourism place between Sam Chuk market hundred of years in Thailand and Hoi An ancient town in Vietnam. This quantitative research used sample groups of tourists who traveled to Sam Chuk market hundred of years 400 peoples. The questionnaires were used as a tool to collect data. The data is explained by frequency, percentage, mean, and standard deviation and assumption testing by Pearson's correlation coefficient. Besides, the secondary data of collected from the related researches and articles. The research results revealed that 1) Marketing mixed, Tourism factors, Cultural factors, Social factor related to Sam Chuk market hundred of years to the conservation tourism. 2) Marketing mixed related to Sam Chuk market hundred of years in Thailand to the conservation tourism, but Hygiene Factor and Motivation Factor related to Hoi An ancient town in Vietnam. The research suggestion was that both of the public and private sectors including local people should control and care for Sam Chuk market hundred of years to ensure not the business is profitable because it will be affected and included environmental problems.

Tóm tắt

CHỢ TRUYỀN THÔNG TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Lê Thị Thanh Tuyền

Khoa Đô Thị học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Hòa cùng không khí chuẩn bị thành lập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) bao gồm 10 quốc gia với dân số hơn 620 triệu người. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập nhằm mục đích tạo dựng một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất cho các quốc gia thành viên ASEAN, thúc đẩy dòng chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề trong ASEAN. Mục tiêu của AEC là thúc đẩy phát triển kinh tế một cách công bằng, thiết lập khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao mà với năng lực cạnh tranh này, ASEAN có thể hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu. Từ những khía cạnh đa chiều đó của nền kinh tế hội nhập mới của cộng đồng các nước ASEAN, bài viết sẽ đưa ra những cơ hội và thách thức cho thị trường bán lẻ Việt Nam cụ thể là chợ truyền thống tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP. Hồ Chí Minh) để đưa ra những định hướng phát triển trong tương lai nhằm hướng đến sự hội nhập và phát triển bền vững cho loại hình kinh tế truyền thống này nhằm thúc đẩy sự phát triển chung của Thành phố và đất nước và cộng đồng kinh tế chung của khu vực.

Abstract
**TRADITIONAL MARKET IN THE DEVELOPMENT
OF THE COMMUNITY ASEAN ECONOMIC:
OPPORTUNITIES AND CHALLENGES**

Lê Thị Thanh Tuyền
Faculty of Urban Studies
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Preparing to establish the ASEAN Economic Community (AEC), including 10 countries with a population of over 620 million people. ASEAN Economic Community (AEC) was established for the purpose of creating a single market and production base for the ASEAN member countries, promoting free flows of goods, services, investment, skilled labor in ASEAN. The objective of the AEC is to promote economic development in an equitable manner, establish regional economic competitiveness with high competitiveness, the ASEAN can fully integrate into the global economy. From the multi-dimensional aspects of the economy that the new integration of the ASEAN community, this article will offer opportunities and challenges for Vietnam's retail market namely traditional markets in Ho Chi Minh City. Giving intelligence to make the future development towards integration and sustainable development. This also promote the overall development of Ho Chi Minh City as well as Vietnam and asian countries.

Tóm tắt
**TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG TÍN
NGƯỠNG VÀ SINH HOẠT VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG
TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA
(NGHIÊN CỨU SO SÁNH TẠI KHU ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN –
QUẢNG NAM VÀ LÀNG BÀN PRASAT TỈNH NAKHON
RATCHASIMA THÁI LAN)**

ThS. Lê Thu Huyền
ĐH Nội vụ Hà Nội – Cơ sở miền Trung

Du lịch là một ngành không chỉ mang lại lợi nhuận cao cho đất nước mà nó còn là cầu nối của sự giao lưu giữa con người của nhiều dân tộc và nhiều tầng lớp khác nhau. Đây là cơ sở để các quốc gia quảng bá hình ảnh văn hóa của đất nước mình và là môi trường diễn ra đối thoại các nền văn hóa, khuyến khích sự sáng tạo và đa dạng về văn hóa trong bối cảnh hội nhập văn hóa quốc tế diễn ra

mạnh mẽ. Tuy nhiên, mặt trái của du lịch cũng có thể gây ra những tác hại không nhỏ đến văn hóa cộng đồng nếu không có sự quản lý đúng đắn. Tìm hiểu những ảnh hưởng của du lịch đối với tín ngưỡng và đời sống văn hóa cộng đồng trong bối cảnh toàn cầu hóa qua nghiên cứu so sánh tại hai địa điểm phát triển du lịch của hai nước Việt Nam (Khu đô thị cổ Hội An) và Thái Lan (Làng du Ban Prasat) để đánh giá những tác động của du lịch đối với sinh hoạt tín ngưỡng và văn hóa của cư dân nơi đây. Chính quyền địa phương đã có những can thiệp như thế nào để vừa phát triển và gìn giữ văn hóa. Đồng thời, qua đó cũng tìm hiểu được mô hình phát triển du lịch của hai quốc gia có nền du lịch mang nhiều sức hấp dẫn đối với du khách trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Abstract

IMPACT OF TOURISM TO BELIEF LIFE AND COMMUNITY CULTURAL LIVING IN GLOBALIZATION CONTEXT (COMPARATIVE STUDY IN HOI AN OLD CITY, QUANG NAM PROVINCE AND BAN PRASAT VILLAGE, NAKHON RATCHASIMA PROVINCE, THAILAND)

Lê Thu Huyền, MA

Hà Nội Home and Affair University

Tourism is one sector not only bring high profit to the country but also connection between people of many nationality and different class. This is the basis for the country to introduce the image of their country's culture and to dialogue of cultures, encourage creativity and cultural diversity in the context of national cultural integration going stronger . However, the downside of tourism can bring many harm to the cultural community without proper management.

Learning about the effects of tourism on religious life and community cultural living in the context of globalization through comparative studies at two sites for tourism development of the countries of Vietnam (Hoi An Old City) and Thailand (Ban Prasat Village) to assess the impact of tourism on religious practice and cultural living. Local government have intervened how to have developed and preserved culture. At the same time, thereby also learn a model of tourism development of the two countries with the many tourism attraction for tourists in Southeast Asia and the world.

Tóm tắt
**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TỒN THƯƠNG SINH KẾ VÀ VIỆC
LỰA CHỌN CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ SINH THÁI ỨNG
PHÓ TẠI VÙNG VEN BIỂN ĐBSCL TRƯỚC THỰC
TRẠNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TOÀN CẦU
(TRƯỜNG HỢP BẾN TRE)**

ThS. Ngô Hoàng Đại Long
Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo
TS. Lê Thị Kim Thoa
Khoa Địa lý
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang gây ra những tác động nhiều mặt đến môi trường tự nhiên, đa dạng sinh học, các hoạt động sinh kế cũng như đời sống của người dân vùng ven biển. Là quốc gia biển, Việt Nam được đánh giá là một trong năm quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi BĐKH. Trong số các vùng địa lý thuộc lãnh thổ Việt Nam, đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), đặc biệt tại các khu vực ven biển, là những vùng nhạy cảm nhất và dễ bị tổn thương nhất bởi các tác động của BĐKH mà điển hình là các hiện tượng nước biển dâng, xâm nhập mặn, sự thay đổi tính chất thủy văn ở các cửa sông và sự thay đổi tính chất gió mùa, bão nhiệt đới...

Tác động của BĐKH trong những năm gần đây đã thể hiện khá rõ trên địa bàn các xã vùng ven biển của tỉnh Bến Tre. Xâm nhập mặn, hạn hán, khan hiếm nước ngọt, ngập lụt do triều cường và nước biển dâng đã gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế của cộng đồng dân cư nghèo sinh sống tại các vùng đất thấp và ven biển. Nhằm thích nghi với tình hình khí hậu, cần thiết phải có những thay đổi trong các mô hình kinh tế sinh thái nhằm thích nghi và đảm bảo đời sống của cư dân trong vùng. Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu đánh giá mức độ tổn thương sinh kế và sự cần thiết của việc lựa chọn các mô hình kinh tế sinh thái phù hợp của người dân tại các xã ven biển An Thủy (Ba Tri), Thửa Đức (Bình Đại) và Thạnh Hải (Thạnh Phú) thuộc tỉnh Bến Tre dưới tác động của biến đổi khí hậu.

Abstract
**LIVELIHOODS RISK EVALUATION AND CHOICES OF
ECOLOGICAL-ECONOMIC MODELS FOR PEOPLE IN
THE MEKONG DELTA COASTAL AREAS UNDER
THREATS ON GLOBAL CLIMATE CHANGE
(CASE STUDY: BEN TRE)**

Ngô Hoàng Đại Long, MA
Center for Sea and Island Studies
Lê Thị Kim Thoa, Ph.D
Faculty of Geography
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Climate change has been causing alarming problems to natural environment, biological diversity, people's lives and livelihoods. Vietnam is among five countries most seriously affected by climate change. Among different Vietnam geographical regions, the Mekong Delta, especially the coastal areas, is particularly sensitive and vulnerable to severe impacts of climate change; observable phenomena include sea level rising, saline intrusion, changing of hydrographical nature in estuarine areas, variation in characteristics of monsoon and tropical storm.

In recent years, impacts of climate change have emerged distinctly in the coastal districts of BenTre Province. Saline intrusion, droughts, lack of freshwater and flood tide have seriously affected the livelihoods of poor people living in the low-lying and coastal areas. There need to be changed in ecological-economic models for people in impacted areas in order to sustain their necessities of life. This paper aims to present results of evaluating the impact level of climate changes on people's economic means in An Thuy, Thua Duc and Thanh Hai coastal hamlets, which belong to Ba Tri, Binh Dai and Thanh Phu districts, Ben Tre province.

Tóm tắt
**HỢP TÁC PHÁT TIỀN DU LỊCH GIỮA CÁC NƯỚC
THUỘC HÀNH LANG KINH TẾ ĐÔNG TÂY (1998 - 2010)
THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH HỢP TÁC DU LỊCH CỦA ASEAN**

TS. Ngô Hồng Diệp
TS. Nguyễn Hoàng Huế
Đại học Thủ Dầu Một

Trong giai đoạn 1998 - 2010, hợp tác trong lĩnh vực du lịch giữa các địa phương và các nước thuộc EWEC đã có những bước tiến quan trọng. Chính

phủ và các địa phương của các nước thuộc EWEC rất đề cao vai trò, vị trí du lịch - dịch vụ và coi phát triển du lịch dịch vụ là mục tiêu, động lực phát triển kinh tế - xã hội tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây.

Tuy nhiên, hợp tác phát triển du lịch giữa các nước thuộc EWEC vẫn còn rất nhiều việc phải làm để du lịch thực sự là ngành kinh tế động lực đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả và tác động đến tăng trưởng kinh tế của các nước và các địa phương trên EWEC, góp phần thúc đẩy quá trình hợp tác du lịch của ASEAN.

Abstract

COOPERATION FINE TOURISM BETWEEN THE COUNTRIES OF THE EAST WEST ECONOMIC CORRIDOR (1998 - 2010) TO ACCELERATE THE PROCESS OF ASEAN TOURISM COOPERATION

Ngô Hồng Điệp, Ph.D
Nguyễn Hoàng Huế, Ph.D
Thủ Dầu Một University

In the period 1998 - 2010, cooperation in the field of tourism between the local and the countries of the EWEC has made important progress. Government and local authorities of the countries of the EWEC is to enhance the role, tourist location - service and tourism development as a target service, motivation of economic development - social economic corridor East West.

However, tourism development cooperation between the countries of the EWEC still a lot of work to do to tourism is a dynamic economic sector plays an important role in improving the effectiveness and impact on economic growth and the reality of local countries on EWEC, contributing to the process of ASEAN tourism cooperation.

Tóm tắt

ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT THỊ TRƯỜNG CỦA HỘ NÔNG DÂN TRỒNG LÚA VÀ VẤN ĐỀ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Ngô Thị Phương Lan
Trường Đại học KHXX&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Hiện nay thị trường lúa gạo ở phía Nam mà trong đó vùng ĐBSCL đóng vai trò chủ yếu, diễn ra sôi động. Năm 1989 đánh dấu sự trở lại của hạt gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Từ một nước đói ăn, phải nhận cứu trợ lương thực đến năm 2003, Việt Nam trở thành nước lớn thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo và vị trí này vẫn duy trì cho đến hiện nay. Kỳ tích này là kết quả tổng hợp của

chính sách Đổi mới ở Việt Nam cùng với sự phát triển về khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khối lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam năm 2011 đạt khoảng 7,5 triệu tấn với kim ngạch hơn 3,7 tỉ USD. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước Philippine, Malaysia và Indonesia. Ngoài ra, vùng đất này còn cung cấp 70% sản lượng trái cây các loại, và 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản. Những con số này cho thấy tiềm năng và lợi thế của vùng đất này là rất lớn.

Trong bối cảnh sản xuất lúa gạo định hướng thị trường của vùng, hoạt động sản xuất lúa gạo của các hộ gia đình nông dân ở Thoại Sơn, tỉnh An Giang phản ánh rất rõ bức tranh sản xuất lúa gạo của Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu của chúng tôi về ngành sản xuất lúa gạo của các hộ nông dân tại huyện Thoại Sơn, của tỉnh An Giang, một trong những tỉnh có sản lượng lúa gạo lớn của vùng và cũng là nơi áp dụng nhiều mô hình sản xuất tiên tiến, chúng tôi phát hiện là sản xuất lúa gạo của hộ gia đình có đặc điểm định hướng thị trường thể hiện qua tư duy duy lý trong việc *mở rộng sản xuất, lựa chọn giống lúa, áp dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa và lựa chọn hợp tác.*

Abstract

THE CHARACTERISTICS OF MARKETING PRODUCTION OF RICE-PLANTING HOUSEHOLDS AND INTEGRATION AND DEVELOPMENTAL ISSUE

Ngô Thị Phương Lan, Ph.D

University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Currently, the rice market in the southern Vietnam in which Mekong Delta plays main role, is vigorously flourishing. 1989 marked the return of Vietnamese rice grain in the world market. In 2003 Vietnam became the world's second largest rice-exporting country and has maintained the position hitherto. This is considered as quite a miracle from the fact that the country used to be an impoverished and food aid receiving nation. This is the result of the combination of the “Innovation” policy in Vietnam and the investment of science and technology in agriculture. As reported by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the volume of rice exported by Vietnam in 2011 reached about 7.5 million tons with a turnover of more than \$ 3.7 billion. Vietnamese main rice importers includes the Philippines, Malaysia and Indonesia. Moreover, the Delta also provides 70% of all kinds of fruits, and 60% of seafood exports which indicate the large potential and advantages of this area.

With regional market orientation, rice-producing activities of farmer households in Thoại Sơn, An Giang province reflect very clearly Vietnamese picture of the rice production in Vietnam in general and the Mekong Delta in

particular. Our research on rice production in Thoai Son, An Giang province, one of the largest rice production provinces in the delta where farmers have applied advanced manufacturing models, discovered that these farmers possess a rational thinking mindset in their market-oriented rice production manifested in their expanding production, choosing varieties of seeds, applying scientific and technological knowledge, mechanization and cooperation.

Tóm tắt
**LIÊN KẾT KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN TUYẾN DU
LỊCH HÀ TIÊN – SIHANOUKVILLE**

TS. Ngô Thanh Loan
Bộ môn Du Lịch
Trường Đại học KHXX&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
Lê Hữu Nghĩa
Công ty Du lịch 4UTours

Trong bối cảnh các nước ASEAN đang hợp tác và phát triển trên nhiều lĩnh vực, trong đó có du lịch, bài viết phân tích thực trạng và các điều kiện để liên kết phát triển tuyến du lịch Hà Tiên – Sihanoukville. Từ đó đề xuất các giải pháp phối hợp giữa các doanh nghiệp và cơ quan quản lý du lịch của hai nước, hướng đến việc xây dựng thương hiệu và phát triển du lịch bền vững cho khu vực hành lang kinh tế ven biển. Việc liên kết này sẽ giúp hoạt động du lịch trên tuyến thoát khỏi sự phát triển manh mún như hiện nay, để vươn tới một qui mô xứng tầm hơn với tiềm năng của khu vực.

Abstract
**JOINTLY EXPLOITING AND DEVELOPING THE
TOURIST CIRCUIT HÀ TIÊN – SIHANOUKVILLE**

Ngô Thanh Loan, Ph.D
Department of Tourism
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC
Lê Hữu Nghĩa
4UTours

In the context of cooperation and development in many fields of ASEAN's countries, this article aims to assess actual state of exploiting the tourist trail from Ha Tien to Sihanoukville and to analyze conditions for its binding development. This shows that a collaboration between tourism enterprises as well as tourism management instances of two countries is urged to upgrade

tourist activities on the Southern Coastal Sub-corridor to a regional and international scale.

Tóm tắt

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN TIỂU VÙNG SÔNG MÊ KÔNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Hoàn
Đại học kinh tế quốc dân

Tiểu vùng sông Mê Kông bao gồm tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và 5 nước Asean gồm Mi-an-ma, Lào, Thái Lan, Cam-pu-chia, Việt Nam với tổng diện tích 2,33 triệu kilômét vuông. Đây là khu vực có tiềm năng kinh tế rất lớn. Năm 1992 theo sáng kiến của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) Chương trình Hợp tác Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) đã được hình thành. Chương trình Hợp tác Tiểu vùng Mê Kông mở rộng đã giúp các nước trong tiểu vùng đạt được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế, góp phần cải thiện đời sống cho hàng triệu người nghèo. Cho đến nay 6 nước tiểu vùng sông Mê Kông đã tổ chức được 5 Hội nghị thượng đỉnh.

Tuy nhiên, hợp tác phát triển Tiểu vùng Mê Kông mới chỉ là bước đầu bởi mỗi nước tham gia các dự án GMS ở một số nội dung có lợi nhất cho mình, trong khi hiện nay các nước đang phải đối mặt với thách thức lớn bao gồm: khoảng cách phát triển giữa các quốc gia, mức độ hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu, vấn đề môi trường. Đặc biệt, việc xây dựng các đập thủy điện tại thượng nguồn và hạ lưu sông Mê Kông cung cấp điện cho phát triển kinh tế đã gây hại trầm trọng cho môi trường, đa dạng sinh vật sông Mê Kông, ảnh hưởng xấu tới sinh kế ven sông. Là quốc gia nằm ở tận cùng lưu vực sông Mê Kông Việt Nam là nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất: hệ thống môi sinh bị phá vỡ, ô nhiễm môi trường, tình trạng xói lở, thay đổi dòng chảy, nguy cơ thiếu nước về mùa khô và ngập úng bất buộc khi các đập thủy điện cùng xả nước... Việt Nam cần phải làm gì để hạn chế tình trạng trên? Đó là nội dung cơ bản của bài viết này.

Abstract

DEVELOPMENT COOPERATION MEKONG SUBREGION: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM

Nguyễn Thị Hoàn, Ph.D
National Economic University

Mekong Sub-region including Yunnan (China) and five ASEAN countries including Myanmar, Laos, Thailand, Cambodia, Vietnam with a total area of 2.33 million square kilometers. This is an area with huge economic potential.

1992 on the initiative of the Asian Development Bank (ADB) Programme of Cooperation Mekong Subregion (GMS) was formed. Sub-regional Cooperation Program helped Mekong subregion countries gained great achievements in economic development and contribute to improved living standards for millions of poor people. So far six Mekong region countries held 5 Summit. However, development cooperation Mekong Subregion is just the first step by each participating country projects in some content GMS have their best interests, whereas today the country is faced with major challenges including the development gap between countries, the level of international integration, climate change, environmental issues. In particular, the construction of hydroelectric dams in the upstream and downstream of the Mekong River provide electricity for economic development has caused serious harm to the environment, biodiversity Mekong River, adversely affect livelihoods riverside. As a country situated in the Mekong River Basin Vietnam is the worst affected: ecological system is broken, pollution, erosion, changes in flow, the risk of water shortage the dry season and flooding forced the hydroelectric dams and water discharge ... Vietnam needs to do to limit this situation? That is the basic content of this article.

Tóm tắt

KHAI THÁC GIÁ TRỊ ẨM THỰC CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở KHU VỰC TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

TS. Nguyễn Thị Quế Loan

Khoa Du Lịch
Đại học Sư Phạm

Trung du miền núi phía Bắc không chỉ là nơi lưu giữ truyền thống lịch sử quý báu, mà còn là khu vực có nhiều danh lam thắng cảnh, đậm bản sắc văn hóa của các tộc người, đây chính là thế mạnh để phát triển du lịch văn hóa, lịch sử. Là một trong những thành tố của văn hóa, ẩm thực vừa thể hiện đặc trưng văn hóa của tộc người, khu vực, quốc gia, vừa tác động nhanh nhất đến người tiếp nhận, trở thành một yếu tố quan trọng trong phát triển du lịch. Chính vì vậy, biết khai thác giá trị văn hóa ẩm thực của các tộc người thiểu số ở khu vực miền núi phía Bắc trong xu thế toàn cầu hóa, hiện đại hóa, không chỉ thu hút được khách du lịch, đem lại lợi nhuận về kinh tế, mà còn là cách bảo tồn và quảng bá văn hóa thiết thực, hiệu quả nhất. Nghiên cứu này đề cập đến tiềm năng ẩm thực trong du lịch ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc; thực trạng việc khai thác các giá trị văn hóa ẩm thực. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp để khai thác các giá trị của văn hóa ẩm thực nhằm thu hút khách du lịch trong xu thế toàn cầu hóa.

Abstract
**THE VALUE OF ETHNIC CULINARY ARTS IN TOURISM
DEVELOPMENT IN MIDLAND AND MOUNTAINOUS
REGIONS IN NORTHERN VIETNAM IN THE
CONTEXT OF GLOBALIZATION**

Nguyễn Thị Quế Loan, Ph.D
Faculty of Tourism
Ho Chi Minh University of Pedagogy

Midland and mountainous regions in northern Vietnam are home to many ethnic minority peoples whose histories and cultures are unique and appropriate for cultural tourism development.

One of the key aspects of a given culture, culinary arts embody distinctive cultural characteristics of a people, a region, and a nation which have direct effects to those who enjoy them. Therefore, cuisine is considered as one significant element for tourism development. In the context of globalization and modernization, if culinary arts of the peoples in midland and mountainous regions in northern Vietnam are properly exploited for tourism development, they not only attract tourists and so, income as well, but also serve to preserve and promote the cultures, both practically and effectively. This paper explores the potentials of the culinary arts of the peoples and their roles in tourism development in the regions. Suggestions are made in view that the arts can be utilized at their best for the sake of tourism development in the context of globalization.

Tóm tắt
**BIẾN ĐỔI SINH KẾ Ở VEN ĐÔ HÀ NỘI
TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ ĐÔ THỊ HÓA**

PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu
Khoa Nhân học
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội

Xã hội Việt Nam nói chung và đời sống nông thôn nói riêng đã và đang có những biến đổi ở nhiều chiều cạnh kể từ khi Việt Nam thực hiện các chính sách đổi mới và hội nhập quốc tế. Trong báo cáo này, tôi tập trung vào khu vực ven đô của Hà Nội và xem xét biến đổi sinh kế của các hộ gia đình nông dân trong tiến trình đô thị hóa và công nghiệp hóa từ những năm 1990. Cụ thể hơn, tôi phân tích vấn đề các dự án phát triển đô thị và công nghiệp đã dẫn đến việc thu hồi đất nông nghiệp của các hộ gia đình nông dân và những biến đổi trong

chiến lược mưu sinh của họ đã diễn ra như thế nào. Đặt sinh kế của người nông dân vào trung tâm của các quá trình phát triển, tôi phân tích một số cơ hội và thách thức đối với sinh kế và cuộc sống của các hộ gia đình nông dân ở ven đô thành phố khi họ đối mặt với thu hồi đất nông nghiệp. Thông qua hai nghiên cứu trường hợp, tôi lập luận rằng thu hồi đất nông nghiệp của các hộ gia đình nông dân cho các dự án phát triển ở ven đô Hà Nội đã làm biến đổi cuộc sống và các chiến lược mưu sinh của nhiều hộ gia đình nông dân. Các dự án phát triển không chỉ tạo ra những cơ hội cho các hộ gia đình nông dân mà còn đặt họ trước những thách thức cần được nghiên cứu để giảm thiểu để có thể có được một sự phát triển bền vững hơn ở khu vực ven đô Hà Nội.

Abstract

LIVELIHOOD CHANGE IN HANOI'S PERI-URBAN VILLAGES IN THE PROCESSES OF INDUSTRIALIZATION AND URBANIZATION

Prof. Nguyễn Văn Sửu, Ph.D

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – Hà Nội

Vietnamese society at large and the rural life in particular have been experiencing changes in many aspects due to the reform (*đổi mới*) policies and international integration. In this paper, I focus on the peri-urban areas of Hanoi capital city, and examine the farmers' livelihood change in the processes of rapid industrialization and urbanization since the 1990s. In particular, I analyse the question of how industrial and urban development projects have led to the large-scale appropriations of many farmers' agricultural land and the consequent change of their livelihood strategies. Putting the farmer's livelihoods at the center of these development processes, I analyse opportunities and major challenges for many farmers' life in Hanoi's peri-urban areas when they faced agricultural land appropriation and have to change their ways of life. Through the two cases of ethnographic studies, I argue that the appropriation of agricultural land for development projects in the peri-urban areas of Hanoi has transformed the life and livelihood strategies of many farmers. While such development projects have created opportunities for the farmers, they have also imposed on many farmers major challenges that need be studied and reduced for a more sustainable development in Hanoi's peri-urban areas.

Tóm tắt
**VĂN HÓA ẨM THỰC NGƯỜI VIỆT: TIẾP CẬN NHÂN
HỌC SINH THÁI**

PGS.TS Nguyễn Văn Tiệp
Khoa Nhân học
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Tiếp cận sinh thái văn hóa làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa và môi trường từ quan điểm con người là chủ thể tồn tại thích ứng với môi trường thông qua văn hóa, còn văn hóa thì chịu ảnh hưởng lớn của các loại tài nguyên môi trường mà con người sử dụng. Tự nhiên khác nhau thì văn hóa cũng khác nhau. Thao tác hóa các loại hình văn hóa sẽ góp phần lý giải diện mạo và bản sắc văn hóa ẩm thực của người Việt trong bối cảnh sinh thái đa dạng của các vùng miền Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ. Môi trường tự nhiên của người Việt là vùng đồng bằng (châu thổ, ven biển) với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mà loại hình văn hóa là nền nông nghiệp đa canh lấy lúa nước là cây trồng chủ yếu, với hệ sinh thái RUỘNG, VƯỜN-AO-CHUỒNG và tương thích và hòa điệu với sinh thái tự nhiên và sinh thái văn hóa là hằng số ẩm thực Việt với cơ cấu bữa ăn: CƠM – RAU – CÁ. Tuy nhiên do sinh thái tự nhiên khác nhau ở ba vùng: Bắc, Trung, Nam nên cơ cấu bữa ăn và thành phần thức ăn có gia giảm thay đổi ít nhiều. Cách thức chế biến các món ăn của người Việt phổ biến là: luộc, kho, nướng, ăn sống, ăn cả cái lẫn nước và ít sử dụng dầu, mỡ với cách chiên xào. Đây là sự lựa chọn và ứng xử trong sự hòa điệu và thích nghi với tự nhiên của xứ nhiệt đới ẩm, gió mùa.

Abstract
**VIETNAMESE CUISINE FROM CULTURAL ECOLOGICAL
APPROACH**

Prof. Nguyễn Văn Tiệp, Ph.D
Faculty of Anthropology
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Cultural ecological approach clarifies the relationship between culture and its environment from the perspective that human beings are adaptable to their habitat via culture while on the other hand the culture in its part is constantly under the impact of the environment its owners inhabit and explore. Different nature leads to different culture. Classifying cultural variations of the Vietnamese in northern, central and southern Vietnam in terms of cultural

appearance and characteristics in culinary arts particularly will reveal the ecological diversity of the regions. Diet and meal courses of the Vietnamese in the three regions are somewhat different, explaining for their ecological differences despite the fact that a combined meal set of steamed rice – vegetables - fish are basically dined daily.

Tóm tắt

VAI TRÒ CỦA BATAVIA (JAKARTA) TRONG MẠNG LƯỚI THƯƠNG MẠI NỘI Á CỦA CÔNG TY ĐÔNG ANH HÀ LAN THẾ KỶ XVII

ThS. Nguyễn Văn Vinh

Khoa Lịch sử

Đại học Sư phạm Hà Nội 2

So với các quốc gia châu Âu khác, Hà Lan không phải là những người châu Âu đầu tiên đến châu Á. Phải đến khi công ty Đông Ấn Hà Lan (V.O.C) được thành lập năm 1602, sự hiện diện của người Hà Lan ở châu Á mới thực sự trở nên mạnh mẽ. Trong quá trình ấy, một mặt Công ty Đông Ấn Hà Lan tìm cách thâm nhập thị trường, nhằm phá vỡ sự độc quyền thương mại Bồ Đào Nha, mặt khác họ cũng nỗ lực xây dựng, thiết lập mạng lưới thương mại nội Á cho riêng mình, nhất là từ nửa sau thế kỷ XVII. Trong đó, Batavia đóng vai trò đặc biệt quan trọng mạng lưới thương mại của người Hà Lan thế kỷ XVII. Bài viết này tập trung phân tích vai trò của Batavia trong quá trình xây dựng mạng lưới thương mại nội Á của công ty Đông Ấn Hà Lan thế kỷ XVII. Qua đó làm sáng tỏ nguyên nhân dẫn đến sự thành công của VOC trong suốt gần hai thế kỷ hoạt động thương mại ở châu Á (1602-1799).

Abstract

THE ROLE OF BATAVIA IN THE PROCESS OF BUILDING INTRA-ASIA TRADE NETWORK OF THE DUTCH EAST INDIA COMPANY IN THE XVII CENTURY

Nguyễn Văn Vinh, MA

Faculty of History

Hanoi Pedagogical University 2

Compared with other European countries, Netherlands is not the first European people to move to Asia. The Dutch in Asia has appeared since Dutch East India Company (DEIC) was established in 1602. In the process, DEIC sought to enter into the market in order to break the monopoly of Portugal trade. On the other hand, they were trying to build and set up intra-Asia trade networks,

especially in the second half of XVII century. The Batavia's role is particularly important in commercial network of Dutch in seventeenth century. This paper focuses on analyzing the role of Batavia in the process of building intra-Asia trade network of the DEIC in the XVII century. Thereby, we would like to identify the cause of the success of the DEIC for nearly two centuries within Asian trade environment (1602-1799).

Tóm tắt

SỰ ĐIỀU CHỈNH HÀNH VI TIÊU THỤ THỰC PHẨM TỐT CHO SỨC KHỎE CỦA DÂN CƯ TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG TẠI THÁI LAN VÀ MALAYSIA

Nuttanit Suriyachay

TS. Taninrat Rattanapongpinyo

Khoa Khoa học Quản lý
Đại học Silpakorn, Thailand

Mục đích của nghiên cứu này: 1) nhằm tìm hiểu sự điều chỉnh trong hành vi tiêu thụ thực phẩm tốt cho sức khỏe của dân cư trong độ tuổi lao động tại Thái Lan và Malaysia, 2) tìm hiểu những yếu tố tác động đến sự điều chỉnh này bằng cách sử dụng bảng hỏi để thu thập thông tin từ 400 người tham gia. Họ là công dân Thái trong độ tuổi lao động có chế độ ăn khỏe mạnh. Thông tin về người Malaysia trong độ tuổi lao động trong nghiên cứu này là từ nguồn dữ liệu thứ cấp. Các số liệu thống kê trong nghiên cứu này bao gồm phân phối tần số, tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và hệ số tương quan Pearson.

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng dân cư trong độ tuổi lao động ở cả Thái Lan và Malaysia càng ngày càng quan tâm đến xu hướng sử dụng thực phẩm tốt cho sức khỏe, và xu hướng này dẫn theo yêu cầu của họ về hình thức gọn gàng nhưng khỏe. Hầu hết người tiêu dùng sử dụng dịch vụ giao hàng trực tuyến bởi vì tính nhanh chóng, sự lựa chọn thay thế về các gói hàng theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng tuần của dịch vụ này. Các yếu tố thị trường phức hợp, các yếu tố thái độ và các yếu tố xã hội có liên quan đến sự điều chỉnh hành vi tiêu thụ thực phẩm tốt cho sức khỏe của dân cư trong độ tuổi lao động. Yếu tố quan trọng nhất trong các yếu tố thị trường đa dạng là sản phẩm trong khi đó kinh nghiệm là yếu tố quan trọng nhất trong các yếu tố về thái độ. Mặc dù sự giới thiệu của một ai đó là yếu tố quan trọng nhất trong các yếu tố xã hội, nhưng việc quảng cáo không tác động đến hành vi tiêu thụ thực phẩm tốt cho sức khỏe ở Malaysia.

Nghiên cứu này đề xuất rằng nên cung cấp kiến thức và các thông tin hữu ích cho người tiêu dùng để họ có những hiểu biết nhất định để có thể quyết định chọn thực phẩm tốt cho sức khỏe.

Abstract
**THE MODIFICATION IN HEALTHY FOOD
CONSUMPTION BEHAVIOR OF THAI AND MALAYSIAN
WORKING-AGE POPULATION**

Nuttanit Suriyachay
Taninrat Rattanapongpinyo, Ph.D
Faculty Of Management Science
Silpakorn University, Thailand

The purpose of this research aimed to study the modification in healthy food consumption behavior of Thai and Malaysian working-age population. Also, to study the related factors about this subject by using questionnaires as tools to gather information from representative samples which is 400 working-age Thais who consume healthy diets and collect information about working-age Malaysians from secondary sources. The research statistic consists of frequency distribution, percentage, mean, standard deviation and Pearson's correlation coefficient.

The results have shown that both Thai and Malaysian working-age population pays more attention to healthy food trend which leads to their requirement of lean and strong body type. Most of the consumers are using online delivery services because of the rapidity, the alternative options of monthly or weekly packages, the market mix factors, the attitude factors and the social factors related to the modification in healthy food consumption behavior of working-age population. The most important market mix factor is the product, the most important attitude factor is experience and the most important social factor is the referenced group but promotion does not related the consumption of healthy food in Malaysia.

The suggestion to government sector is to provide knowledge and useful information for consumers so they will have the right tool to make decision for their healthy food consumption by not being exploited and also gaining healthy result.

Tóm tắt
**GIẢI PHÁP KHAI THÁC TIỀM NĂNG VĂN HÓA ĐỂ PHÁT
TRIỂN DU LỊCH GIỮA CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC
TIỂU VÙNG SÔNG MEKONG**

Phạm Ngọc Hòa
Học viện Hành chính khu vực

Sông Mekong được chảy dài qua 6 quốc gia và điểm đến cuối cùng của dòng sông này chính là vùng đồng bằng sông Cửu Long, chính những dòng chảy của

sông Mekong đã mang theo những giá trị kinh tế, lịch sử, văn hóa đặc thù cho khu vực này. Nơi đây, có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch nhờ sự đa dạng về văn hóa, phong cảnh đẹp, nhiều kỳ quan di sản thế giới. Bài viết nêu ra sự cần thiết phải liên kết để khai thác tiềm năng văn hóa trong phát triển du lịch giữa các nước trong khu vực tiểu vùng sông Mekong; từ đó, đưa ra một số giải pháp khai thác tiềm năng văn hóa để phát triển du lịch giữa các nước trong khu vực tiểu vùng sông Mekong.

Abstract

SOLUTION CULTURAL POTENTIAL MINING FOR TOURISM DEVELOPMENT BETWEEN COUNTRIES IN THE MEKONG RIVER SUB-REGION

Phạm Ngọc Hòa

Political Academy of
Region IV

The Mekong River flows through many countries and the end of the river is the Mekong Delta, flows the Mekong river brought economic values, history, culture for this area. Here, there is much potential for tourism developing, cultural diversity, scenic beautiful, many world heritage. Posts raised the need to link to harness cultural between countries in the Mekong river sub-region; thereby, give solution cultural potential mining for tourism development between countries in the Mekong river sub-region.

Tóm tắt

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN VIỆT NAM VÀ THÁI LAN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

TS. Phạm Ngọc Trâm

Khoa Lịch sử
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Thế kỷ 21, “Thế kỷ của biển và đại dương”, phát triển du lịch biển đã trở thành vấn đề quan trọng mang tính chiến lược của hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam và Thái Lan – đây là hai quốc gia có một ưu thế đặc biệt về tài nguyên du lịch biển.

Du lịch là hoạt động kinh tế quan trọng, hàng năm đóng góp 6,7% vào nền kinh tế đất nước chùa Vàng. Từ thực tiễn phát triển du lịch biển hơn 40 năm qua, người Thái có nhiều kinh nghiệm trong việc quảng bá trong lĩnh vực du lịch.

Trong những năm vừa qua du lịch biển Việt Nam phát triển khá mạnh, hàng năm, vùng biển thu hút 73% số lượt khách du lịch quốc tế, với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 12,6%/ năm, và thu hút hơn 50% số lượt khách du lịch nội địa, với tốc độ tăng trưởng bình quân 16%/năm. Nhiều điểm du lịch biển của Việt Nam hiện nay không thua kém hoặc có thể nói vượt trội về độ hấp dẫn so với những tuyến điểm biển nổi tiếng ở Thái Lan như Pattaya, Phuket, Ko-Samui...

Trên cơ sở phản ánh, phân tích thực trạng và triển vọng du lịch biển của Việt Nam và Thái Lan, bài viết sẽ đưa ra những đối sánh và định hướng một số giải pháp phát triển về phát triển du lịch biển của Việt Nam và Thái Lan trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Abstract

DEVELOPING SEA TOURISM VIETNAM AND THAILAND IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION

Phạm Ngọc Trâm, Ph.D

Faculty of History

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

The 21st century, “Century of sea and ocean”, developing sea tourism has become an issue of important strategic for almost countries all over the world, including Vietnam and Thailand - two countries have a special advantage for develop of tourism sea tourism.

Tourism is an important economy, contributes annually about 6,7% of the economy into the economy golden temple country.

From the practical development of marine tourism for over 40 years, Thais have much effective experience in promoting tourism in the area.

In recent years Vietnamese sea tourism development has been pretty strong, every year, about 73% of international tourist visit Vietnamese sea area, with an average growth rate of 12.6% /year, and attracting over 50% of domestic tourists, with an average growth rate of 16% / year. Many sea area of Vietnam today is so attracable or may say superior when compared with the famous beach destinations in Thailand such as Pattaya, Phuket, Ko Samui ...

Based on analysing of the status and prospects of Vietnam's sea tourism and Thailand, the article would make matches and take some solution to develop sea tourism in the context of globalization.

Tóm tắt
**CHUYỂN ĐỔI VỊ THẾ KINH TẾ GIỮA CÁC NHÓM DÂN
TỘC KOHO Ở ĐỨC TRỌNG, LÂM ĐỒNG, VIỆT NAM**

ThS. Phạm Thanh Thôi

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

TS. Honda Mamoru

Viện Nghiên cứu Văn hoá Châu Á

Đại học TOYO, Nhật

Bài viết này nhằm đánh giá sự chuyển đổi tình trạng kinh tế của các nhóm địa phương thuộc dân tộc Cồho (Koho) qua quá trình sử dụng đất canh tác nông nghiệp trong bối cảnh thay đổi kinh tế, chính trị kể từ sau 1960 đến nay. Dựa trên những dữ liệu nghiên cứu thực địa, chúng tôi làm rõ quá trình chuyển đổi quyền sử dụng đất canh tác nông nghiệp và sinh kế dẫn đến sự chuyển đổi về tình trạng kinh tế và xã hội giữa các nhóm địa phương: nhóm người Cil (Koho Chil) có truyền thống làm rẫy và người Srê (Koho Xrê) có truyền thống làm ruộng ở thôn Gằn Reo (xã Liên Hiệp, Đức Trọng). Bài viết còn cho thấy rõ tính hữu ích của việc sử dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu thực địa truyền thống của nhân học về các tộc người thiểu số trong bối cảnh chính trị xã hội đã và đang có nhiều biến đổi ở Tây Nguyên Việt Nam. Asian Cultures Research Institutes, TOYO University, Japan

Abstract
**CHANGE OF ECONOMIC STATUS AMONG LOCAL
GROUPS OF THE KOHO IN DUC TRONG DISTRICT,
LAM DONG PROVINCE, VIETNAM**

Phạm Thanh Thôi, MA

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

Honda Mamoru, Ph.D

Asian Cultures Research

Institutes

TOYO University, Japan

The Koho (Coho) belong to the Mon-Khmer language group in Vietnam. The Koho are made up of local groups, such as the Sre, Cil, Nop, and Lat. In this article, we discuss the relationship of two groups, the Sre and the Cil, in the

field. The Cil economy is based on maize cultivation by slash-and-burn techniques and shifting cultivation. The Sre settle in one location, and their economy is based on wet-rice agriculture. These two groups are different from each other in their lifestyles and customs. The aim of this article, therefore, is to assess the following points based on the data on the Cil and the Sre that was gathered by the author during field research. First, we clarify processes of social change of the two ethnic groups from 1975 to the present. Secondly, we present and compare several marriage cases in the field. Finally, after indicating a change in the economic status of the two ethnic groups, we point out the direction of social change of the ethnic group's communities in the Lam Dong Province.

Tóm tắt
KINH TẾ NÔNG HỘ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA:
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

TS. Trần Hạnh Minh Phương
Đại học Thủ
Dầu Một

Đồng bằng sông Cửu Long đóng góp hơn 90% sản lượng gạo xuất khẩu của cả nước và kinh tế nông hộ vẫn đóng vai trò chính trong cơ cấu kinh tế nông thôn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế nông hộ có nhiều cơ hội để phát triển, đồng thời cũng đối mặt với nhiều nguy cơ. Giả thuyết của chúng tôi là đối với những nông hộ có vốn (bao gồm vốn kinh tế, vốn xã hội và vốn văn hóa) khá thuận lợi trong việc tiếp cận những thành tựu khoa học kỹ thuật nông nghiệp để giảm thời gian lao động, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tối đa hóa lợi nhuận. Nền kinh tế toàn cầu mang đến cho họ một thị trường rộng mở để bán các nông sản. Tuy nhiên, kinh tế nông hộ cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro có tính chất toàn cầu như ô nhiễm môi trường, đất đai bị cằn cỗi do canh tác quá mức và lạm dụng phân bón hóa học, biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến quá trình canh tác. Tham gia vào thị trường thế giới mang tính cạnh tranh khốc liệt, nông sản của nông dân đồng bằng sông Cửu Long chưa đủ sức cạnh tranh với sản phẩm của một số nước trong khu vực. Trong bối cảnh này, đời sống của người nông dân đa phần ở mức “vừa đủ ăn”, chỉ những nông hộ có trên 10 ha đất và làm thêm dịch vụ hay kinh doanh mới có thể làm giàu.

Abstract
**PEASANT HOUSEHOLDS' ECONOMY IN MEKONG
DELTA IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION
CONTEXT: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES**

Trần Hạnh Minh Phương, Ph.D
Thủ Dầu Một University

Mekong Delta has contributed more than 90% rice export of the whole nation and peasant household economy still plays a major role in rural economic structure. In the context of globalization, peasant household economy with many opportunities for growth, while also facing a lot of risk. Our hypothesis is that for those peasant households who have the capital (including economic capital, social capital and cultural capital) are quite favorable in approaching the achievements of agricultural science and technology to reduce labor time, increase crop yields, livestock and profit maximization. Global economy gives them a wide open market for sale of agricultural products. However, peasant household economy also faces many risks that global essences like environmental pollution, land was arid because of excessive cultivation and abuse of chemical fertilizers, climate change image the evolution of cultivation. Join in fiercely competitive world market, agricultural products of peasants in the Mekong River Delta are not enough good to compete with the products of some countries in the region. In this context, the lives of most peasants in the "just enough to eat", only those farmers with 10 hectares of land and working new service or business can get rich.

Tóm tắt
**BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG SINH THÁI QUA TÁC ĐỘNG
CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VỚI HOẠT ĐỘNG SINH KẾ MỚI
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Trần Tấn Đăng Long
Khoa Nhân học
Trường Đại học KH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Trong bài viết này chúng tôi trình bày sự biến đổi hoạt động sinh kế của người nông dân xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Từ những năm 1990 đến nay xã Tân Chánh có sự chuyển đổi hoạt động sinh kế diễn ra mạnh mẽ, cụ thể là từ hoạt động trồng lúa sang nuôi tôm. Sự chuyển đổi hoạt động sinh kế của người dân xã Tân Chánh dựa trên tính tự lợi, nhu cầu muốn cải thiện đời sống và làm giàu. Tuy nhiên, trong mỗi lựa chọn của các cá nhân có sự tính

toán duy lý dẫn đến những mâu thuẫn trong hoạt động sinh kế. Cụ thể, việc người dân nuôi tôm một cách tự phát, xả nước thải ra sông một cách thiếu ý thức, sử dụng các loại hóa chất quá mức đã dẫn đến việc nuôi tôm trở nên khó khăn, bất ổn và môi trường sinh thái ngày càng bị đe dọa.

Abstract

ECOLOGICAL CHANGE THROUGH THE IMPACTS OF FARMERS WITH NEW LIVELIHOOD ACTIVITIES IN THE MEKONG DELTA

Trần Tấn Đăng Long

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

In this essay, we present the transformation of the livelihoods of farmers in Tan Chanh Commune, Can Duoc District, Long An Province. Since the 1990s, the livelihood activities of Tan Chanh Commune have changed and shifted strongly, especially the change from growing rice to shrimp farming. The conversion of the livelihood activities of people in this Commune based on self-interest and the need of improving and enriching the quality of life. Nonetheless, in each of the personal choice, there was rational calculation which led to contradiction in livelihood activities. Specifically, people kept shrimps spontaneously, let wastewater out into the river carelessly and used chemicals excessively which brought difficulties and failures to shrimp farming and threatened the ecological environment.

Tóm tắt

HÒN CHIẾU KHMER: VÀI ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA KHMER QUA NGHỀ DỆT CHIẾU THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG

ThS. Trần Thị Thảo

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Người Khmer là một trong những cộng đồng tộc người đã sinh sống lâu đời trên vùng đất Nam Bộ. Trong mối quan hệ với cộng đồng tộc người Khmer ở Campuchia, người Khmer Nam bộ đã tạo được những dấu ấn đặc trưng văn hóa riêng biệt, vừa thể hiện tính tương đồng với cộng đồng tộc người xuyên quốc gia Việt Nam - Campuchia, vừa thể hiện tính tương đồng với các tộc người trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Có thể thấy một vài đặc trưng ấy

qua “hồn chiếu Khmer”, sản phẩm lưu giữ ít nhiều tri thức bản địa và những quan niệm, biểu trưng văn hóa của tộc người này. Bài viết sẽ giới thiệu “linh hồn” của sản phẩm độc đáo này qua quá trình tạo tác (quy trình sản xuất) và những biểu trưng mà sản phẩm chiếu đã chuyển tải.

Abstract

"THE ESSENCE OF KHMER SEDGE MAT": SOME FEATURES OF KHMER CULTURE REPRESENTED IN SEDGE MAT TRADITIONAL HANDICRAFT

Trần Thị Thảo, MA

University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

The Khmer is one of the ethnic communities who had inhabited for a prolonged period of time in the Southern Vietnam. In terms of ethnic relations, the Khmer in Vietnam has revealed their distinctive cultural characteristics while at the same time sharing homogenous cultural aspects both with their fellow Khmer in Cambodia and with other ethnic groups in the region. These features are profoundly represented by "the essence of Khmer sedge mat", which is embedded with local knowledge, ideas, cultural symbols of this ethnic group. This article will introduce “the essence” of this unique traditional handicraft through the production process and the symbols coded in its products.

Tóm tắt

TÍNH CHÂN THẬT CỦA ĐỒN CA TÀI TỬ TRONG DU LỊCH TẠI THỜI SƠN, TIỀN GIANG: BẢN SẮC VĂN HOÁ VÀ TOÀN CẦU HOÁ

TS. Trương Thị Thu Hằng

Trần Ngân Hà

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Từ khi “tính chân thật” (authenticity) được giới thiệu bởi MacCannell (1973), khái niệm này trở thành một trong những nội dung gây tranh luận nhất của nghiên cứu du lịch. Nhìn chung có ba tiếp cận chính khi xem xét về tính chân thật trong bối cảnh du lịch là từ góc độ đối tượng thưởng lãm (toured objects), từ góc độ của những người trung gian tham gia hoạch định nên khung cảnh du lịch (tourist agents) và từ góc độ của du khách (tourists). Trên cơ sở đó, sự chân thật được nhận thức như là thuộc tính cố hữu của sự vật, là mang tính kiến

tạo và mang tính hiện sinh. Nghiên cứu dân tộc học về việc trình diễn đàn ca tài tử trong du lịch tại Thới Sơn (tỉnh Tiền Giang) cho thấy rằng tính chân thật cần phải được tiếp cận từ góc độ của người thực hành (cultural performers) vì nó gắn liền với quá trình nhận thức, thực hành và duy trì các thực hành văn hóa của chủ nhân văn hóa trong thế giới đương đại đầy tương tác và không ngừng biến đổi mà họ đang sống.

Abstract

AUTHENTICITY AND TRADITIONAL MUSIC PERFORMANCE IN THE CONTEXT OF TOURISM ON THOI SON ISLET, TIEN GIANG PROVINCE, VIETNAM

Trương Thị Thu Hằng, Ph.D

Trần Ngân Hà

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

Introduced to tourism studies by MacCannell (1973), “authenticity” has been a controversial concept in academia. On the whole there are three fundamental approaches to the concept, e.g. objectivism, constructivism and existentialism approaches which conceptualize authenticity as a property of toured objects, socially constructed reality, and personal experience respectively. Our ethnographic research into local people’s performing traditional music at tourist settings on Thoi Son islet (Tien Giang province, Vietnam) proposes an alternative approach to the concept which is of cultural performers’ perspective, based on the fact that in representing the music for an external audience the people reveal their perception, transformation and/or perpetuation of who they are within a contemporary interconnected and ever-changing world in which they live their everyday lives.

Tóm tắt

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, CÔNG TÁC XÃ HỘI: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG TOÀN CẦU VÀ THUỘC TÍNH RIÊNG TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ CỦA VIỆT NAM

GS.TS. Ann Marie Leshkovich

Trường Đại học Holy Cross

Trong mấy thập kỉ vừa qua, sự biến đổi về kinh tế xã hội nhanh chóng ở Việt Nam đã mang đến sự phồn thịnh cho đất nước nhưng cũng kéo theo nhiều vấn đề xã hội. Chính phủ Việt Nam đã kêu gọi sự hợp tác liên kết đào tạo 60.000

(đến năm 2020) cử nhân ngành công tác xã hội. Nhiều trường đại học tại Việt Nam đã hợp tác với các trường nước ngoài để tạo ra chương trình học phù hợp. Các thuộc tính đặc thù của công tác xã hội, chẳng hạn như là tính hiệu quả, khoa học và hiện đại, đã được vận dụng tốt trong khi đi vào những khía cạnh của các vấn đề bất bình đẳng và đau thương--những yếu tố gắn liền với sự phát triển của kinh tế thị trường. Tuy nhiên, vì thiếu những chuyên gia người Việt Nam được đào tạo chuyên môn sâu cho ngành công tác xã hội nên nhiều chương trình học không đủ khả năng cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên môn sâu và sự hướng dẫn hiệu quả. Vì nhu cầu phát triển, ngành công tác xã hội ở Việt Nam hứa hẹn nhiều tiềm năng nhưng cũng có nhiều thách thức. Từ thực tế các chương trình công tác xã hội tại các trường đại học tại Việt Nam, bài viết này đi vào tìm hiểu những biến đổi sinh động mà từ đó tính chuyên nghiệp của công tác xã hội được hình thành và phát triển ở miền Nam Việt Nam. Bài viết tập trung vào các tiêu điểm như: Ai là những khách hàng của những người làm công tác xã hội? Quan niệm nào của các thành viên trong xã hội là chính yếu đối với lý thuyết cũng như thực hành của công tác xã hội? Làm thế nào các quan niệm đó được vận dụng ở Việt Nam? Những vấn đề chung toàn cầu tác động thế nào đến việc hình thành nét riêng của công tác xã hội ở Việt Nam?

Abstract

SOCIAL PROBLEMS, SOCIAL WORK: TRANSNATIONAL EXPERTISE AND NEW SUBJECTIVITIES IN VIETNAM'S CHANGING POLITICAL ECONOMY

Prof. Ann Marie Leshkovich, Ph.D
College of the Holy Cross

Over the past several decades, rapid social and economic transformation in Vietnam has brought increased prosperity for many, but it has also generated concern about social problems. To promote individual, family, and child welfare, Vietnamese officials have called for the training of 60,000 social workers by 2020. Vietnamese universities have collaborated with social work programs in other countries to develop curricula. Characterizations of social work as efficacious, scientific, and modern have enhanced its appeal in addressing the dilemmas of inequality and distress that have accompanied the growing market economy. At the same time, the relatively low number of Vietnamese social workers with advanced degrees means that many new programs struggle to provide students with professionally rigorous training and practicum supervision. As a field in emergence, Vietnamese social work holds promise, but it also faces significant challenges.

Drawing on extended ethnographic fieldwork in university social work programs, this paper explores the transnational dynamics through which the

profession of social work is being defined and developed in southern Vietnam. The paper focuses in particular on how social work students, professors, and practitioners define their clients: What conceptions of the individual, family, or community are central to social work knowledge and practice? How have these ideas been adapted for the Vietnamese context? How is transnational social work expertise helping to shape new forms of individual subjectivity that are seen as necessary or desirable for Vietnam's changing political economy?

Tóm tắt **VIỆC TÁI THIẾT KẾ NHÀ Ở XÃ HỘI Ở VINH**

GS.TS. Christina Schwenkel

Trường Đại học California tại Riverside, USA

Học giả, Viện Nghiên cứu Hoa Kỳ tại Berlin

Đầu năm 2011, trước sự sụp đổ của thị trường bất động sản Việt Nam, các khối nhà ở xã hội ở thành phố Vinh đã trải qua sự thay đổi thẩm mỹ và không gian bởi vì cư dân ở đây đẩy mạnh việc thiết kế lại và mở rộng căn hộ tái định cư vốn đã được xây dựng trong những năm hậu Đông Đức (GDR)-một phần của "đoàn kết quốc tế" trong giai đoạn những năm 1974-1980. Mặc dù việc xây dựng sửa chữa này trái luật và có cấu trúc không hợp lý nhưng chính quyền địa phương lơ đi khi việc tái tạo tiếp tục. Đi từ dưới góc độ của các chuyên gia kỹ thuật đến sự trải nghiệm của người dân, bài viết này tìm hiểu nghiên cứu những nguyên liệu và giá trị của nhà ở xã hội thiết kế theo kiểu Đông Đức tại Việt Nam bằng cách lần theo việc sử dụng tấm lợp bằng kim loại để tạo ra không gian mới cho nhà ở của mình. Sự mâu thuẫn trong phong cách kiến trúc chuẩn hóa trong Khối Liên Xô trước đây đã được mô tả trong nhiều tài liệu. Tại Việt Nam, nhà ở xã hội khắc họa thêm lịch sử lâu đời của kiến trúc đa dạng và phong cách sống phương Tây. Và trong khi các toà nhà ở xã hội nhìn từ bên ngoài giống nhau nhưng không gian sống bên trong thì được tái tạo rất đa dạng và khác nhau. Bài viết này nghiên cứu cách cư dân của khu nhà ở xã hội theo kiểu GDR-xây dựng ở Vinh tự trở thành kiến trúc sư một cách không chính thức nhưng sáng tạo, tái thiết lại không gian sống để phù hợp hơn với nguyện vọng đô thị của họ. Bởi vì việc tái phát triển theo định hướng tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới đe dọa sự quay lại với sự bất bình đẳng trong không gian, "tìm kiếm hướng đi khác", thuật ngữ của Svetlana Boym, trở thành một cách chen vào trong quá trình chuyển dịch theo hướng đô thị hóa thị trường tự do. Bài viết này đóng góp hai điều quan trọng cho việc nghiên cứu đô thị Đông Nam Á: thứ nhất, nó đề xuất sự chú ý nhiều hơn đến việc nghiên cứu các thành phố loại hai bên cạnh các trung tâm kinh tế lớn khác. Thứ hai, báo cáo cho thấy sự tiếp diễn và thay đổi trong quá trình toàn cầu hoá trong quy hoạch đô thị diễn ra qua các thời kỳ trước và sau Đổi mới.

Abstract
THE AFTERLIFE OF SOCIAL HOUSING IN VINH

Prof. Christina Schwenkel, Ph.D
University of California, Riverside, USA
Fellow, American Academy in Berlin

In early 2011, before the crash of Vietnam's property market, socialist housing blocks in Vinh City underwent aesthetic and spatial change as residents accelerated the redesign and expansion of their allocated units that were built in the postwar years by East Germany (GDR) as part of "international solidarity" between 1974-1980. Though technically illegal and structurally unsound, local authorities looked the other way as such reconstructions continued. Moving from the realm of technical experts to the embodied experience of residents, this paper explores the material and political afterlife of GDR housing in Vietnam by tracing the use of corrugated sheets of metal to produce "off-modern" spaces of dwelling. The ambivalence toward standardized architecture in the former Soviet Bloc has been well documented in the literature. For Vietnamese, social housing was often inserted into a longer history of traveling architecture and "foreign" styles of living. And while socialist housing blocks from the outside appeared as uniform, in the intimacy of everyday life, there was a surprising diversity in the creative remaking of living spaces. This paper examines how residents in GDR-built social housing in Vinh emerged as self-made architects who informally, but inventively, reconfigured living spaces to better fit with their urban aspirations. As capitalist redevelopment in the reform era threatens a return to spatialized inequalities, the off-modern, following Svetlana Boym, becomes a point of intervention in the shift toward free market urbanism. This paper aims to make two important contributions to the study of urban Southeast Asia: first, it calls for increased attention to the study of secondary cities in addition to the mega-hubs of economic productivity; and second, it reveals certain continuities and change in the globalization of urban planning that span across the socialist and market socialist eras before and after Đổi mới.

***TIỂU BAN 4: TỘC NGƯỜI, VĂN HOÁ - NGHỆ THUẬT VÀ
HÔN NHÂN GIA ĐÌNH***

***SESSION 4: ETHNIC, CULTURE - ARTS AND
MARRIAGE-FAMILY***

Tóm tắt
**QUAN HỆ TỘC NGƯỜI XUYÊN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM:
MỘT SỐ LÝ THUYẾT, QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN
VÀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

PGS.TS. Vương Xuân Tình
ThS. Vũ Đình Mười
Viện Dân Tộc học

Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia (QHDTXQG) ở Việt Nam không phải là một hiện tượng mới mà đã tồn tại từ rất lâu trong lịch sử. Tuy nhiên, mấy chục năm trở lại đây, dưới tác động của toàn cầu hóa, chính sách Đổi mới (1986), đặc biệt là việc ký kết hàng loạt các thỏa thuận hợp tác quốc tế, chủ trương phát triển kinh tế vùng biên, nới lỏng các thủ tục xuất nhập cảnh, QHDTXQG ở Việt Nam đã có sự gia tăng cả về quy mô và cường độ. Không thể phủ nhận sự phát triển QHDTXQG đã tạo ra nhiều cơ hội cho việc phát triển kinh tế, nâng cao năng lực hội nhập, cải thiện đời sống và đáp ứng nhu cầu tự nhiên của người dân nói chung. Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng tạo ra hàng loạt các thách thức phức tạp và nguy cơ tiềm ẩn về trật tự xã hội, an ninh quốc phòng và ý thức quốc gia dân tộc, nhất là trong bối cảnh xung đột, mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo liên tiếp xảy ra trong khu vực và trên thế giới trong những năm gần đây. Trên thế giới, QHDTXQG đã thu hút nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các học giả quốc tế, nhất là các học giả từ các nước như Mỹ, Úc, Trung Quốc và các nước châu Âu. Tuy nhiên ở Việt Nam vấn đề này còn ít được nghiên cứu. Phần lớn các nghiên cứu tập trung vào quan hệ dân tộc ở khu vực biên giới Việt – Trung. Nhìn chung, việc vận dụng các lý thuyết tiếp cận trong nghiên cứu này còn rất hạn chế. Bài viết này một mặt trình bày khái quát, phân tích có tính chất gợi mở một số quan điểm, lý thuyết chính về QHDTXQG của các học giả trong và ngoài nước, quy chiếu với bối cảnh cụ thể của Việt Nam; mặt khác, dựa trên cơ sở kinh nghiệm nghiên cứu thực tiễn gần đây, bài viết cũng nêu lên những thách thức và trở ngại trong nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam.

Abstract
**TRANSNATIONAL ETHNIC RELATIONSHIP IN VIETNAM:
THEORY, APPROACH, AND RESEARCH ISSUES**

Prof. Vương Xuân Tình, Ph.D
Vũ Đình Mười – MA
Institute of Anthropology

Transnational ethnic relationship (TER) is not a new phenomenon in Vietnam; rather, it has existed for all the course of the national history. However, over the last decades, under the impacts of globalization,

“Innovation” policies (1986), especially the country’s signing a series of international cooperation agreements, promoting border economic development, and easing immigration procedures, TER in Vietnam has increased both in size and magnitude. It is undeniable that this has created many opportunities for the country to develop its economy, to enhance international integration, improve living conditions and basic needs of the population in general. However, this relationship also creates a series of complex challenges and potential threats to social order, national security and national consciousness, especially in the context of racial and religious conflicts regionally and globally in recent years. In the world, TER has been of interest of several international scholars, especially those from USA, Australia, China and European countries. But in Vietnam, this issue has not been studied much while scholars predominantly have focused on ethnic relations along Vietnam-China border. This paper provides an analytical overview of several perspectives and main theories about TER employed by both domestic and international scholars within the context of Vietnam. Then, based on our experience in our recent research about the issue’, the paper also points out some challenges and obstacles in conducting research onto this arena in Vietnam.

Tóm tắt
**ẢNH HƯỞNG CỦA TÍNH CỘNG ĐỒNG LÀNG XÃ
ĐẾN THỰC TRẠNG HỆ GIÁ TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY**

GS.TS. Ngô Văn Lê

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Để tồn tại và phát triển, mỗi tộc người hình thành những loại hình tổ chức xã hội. Những loại hình tổ chức xã hội đã tồn tại ảnh hưởng và chi phối đến sự phát triển của các cộng đồng dân cư. Làng Việt là một trong những loại hình tổ chức xã hội đó. Nhờ một loại hình tổ chức và một cơ chế vận hành rất đặc thù, mà làng Việt có khả năng hóa giải tất cả những biến cố lịch sử, ghi đậm dấu ấn đối với sự hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam, hình thành một hệ giá trị (một chuẩn mực) đối với người Việt. Trải qua hàng ngàn năm tồn tại trải qua những bước thăng trầm của lịch sử làng Việt đã có những thay đổi. Bài viết trình bày ảnh hưởng của tính cộng đồng làng xã đến hệ giá trị Việt Nam hiện nay.

Abstract
**THE INTERPLAY OF THE COMMUNALITY TO THE VALUE
SYSTEM IN CONTEMPORARY VIETNAM**

Prof. Ngô Văn Lệ, Ph.D
Faculty of Anthropology
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

To survive and thrive, each ethnic people build their own social institutions. The Vietnamese village is one of the organizations. The Vietnamese village is distinctive in its constitution and operational mechanism which make it possible for the people to overcome their historical precadiments, to form and reinforce their culture as well as their value system. During the course of their history, both the Vietnamese village and their value system have undergone certain changes. The paper presents the interplay between the communality – the spirit of the Vietnamese village and their value system.

Tóm tắt
**GIAO LƯU TIẾP BIẾN VĂN HOÁ TRONG TÍN NGƯỠNG
DÂN GIÀN. ĐIỂN CỨU TRƯỜNG HỢP THỜ CÚNG NEAK
TA TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

ThS. Bùi Việt Thành
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Tiến trình mở cõi của người Việt về phương Nam trải dài hơn 300 năm khai phá liên tục để định hình nên vùng đất mới đầy màu sắc với tên gọi Nam Bộ của ngày hôm nay. Có thể nói, vùng đất Nam Bộ là vùng đất chứa đựng nhiều lớp văn hóa đan xen với các lớp của văn hóa bản địa, tạo nên sự đa dạng cho vùng đất Nam bộ. Đồng bằng sông Cửu Long của Nam Bộ là nơi cộng cư của đồng bào người Việt, người Chăm, người Hoa và người Khmer. Vùng đất này được xem là nơi có sự hỗn dung văn hóa mạnh mẽ ở Việt Nam, nơi mà văn hoá bản địa với các tín ngưỡng dân gian được các cư dân Việt, Hoa, Chăm tiếp nhận và thờ cúng, thể hiện tính độc đáo trong giao lưu tiếp biến văn hoá. Tín ngưỡng thờ Neak Ta của người Khmer được người Việt, người Hoa, người Chăm tiếp nhận là minh chứng cho quá trình giao lưu tiếp biến văn hoá ấy.

Abstract
**ACCULTURATION IN FOLK BELIEFS:
A CASE STUDY OF NEAK TA IN MEKONG DELTA
REGIONS**

Bùi Việt Thành, MA
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

The process of expanding the land towards the South of Vietnamese people spanned throughout more than 300 years of continuous exploration, shaping the distinctive new land called Southern Vietnam of today. It is said that the Southern region is the land which contains layers of different culture interwoven with local culture, creating diversity to the Southern land. The Mekong Delta of South Vietnam is where the Vietnamese, Cham, Hoa and Khmer people co-reside. This region is considered to have a strong cultural fusion in Vietnam, where the local culture with the folk beliefs are received and worshipped by Vietnamese, Chinese, Cham residents, which demonstrates the uniqueness in acculturation. The Khmer cult of Neak Ta, which has been received by Vietnamese, Chinese, and Cham people, is an illustration to such progress of acculturation.

Tóm tắt
**TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI ĐẾN GIA ĐÌNH TRUYỀN
THỐNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

ThS. Đặng Văn Luận
Trường Đại học Công nghiệp
Hà Nội

Bước sang thế kỷ XXI, loài người đã chứng kiến cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại toàn cầu đang diễn ra như vũ bão. Cuộc cách mạng này đã tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống quốc tế và đã gây ra những phản ứng thuận nghịch khác nhau đối với từng khu vực, từng quốc gia. Hiện nay, ở Việt Nam, những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại không chỉ có tác động to lớn tới toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, mà còn tác động đến những giá trị gia đình truyền thống Việt Nam. Sự tác động này thể hiện trên cả hai mặt: tích cực và tiêu cực, dẫn tới không ít giá trị gia đình truyền thống Việt Nam bị xâm hại và dần mai một đi, thậm chí về lâu dài, nếu không được xã hội quan tâm, giải quyết, thì *những giá*

trị gia đình truyền thống Việt Nam bị đổ vỡ, không chỉ là nguy cơ mà là hiện thực phải đối mặt. Bởi vậy, vấn đề đặt ra là đối diện với những tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, Việt Nam cần có những giải pháp như thế nào để vừa phát huy được mặt tích cực, vừa hạn chế mặt tiêu cực của những tác động đó? Bài viết sẽ đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này.

Abstract

THE IMPACT OF SCIENTIFIC REVOLUTION AND MODERN TECHNOLOGY ON TRADITIONAL FAMILY VALUES IN VIETNAM NOWADAYS

Đặng Văn Luận, MA
Hanoi University of Industry

The turn of the 21st century, mankind has witnessed the global scientific revolution and modern technology which is taking place rapidly. This revolution has impacted most areas of international life and has caused reversible reaction differently for each region, each country.

Nowadays in Vietnam, the achievements of scientific revolution and modern technology impact not only on the whole physical life and spiritual life, but also on the values of Vietnam traditional family. This impact expresses on both sides: the positive and negative leading to many values of Vietnam traditional family are abused and faded away, even in the long term, without social concern and resolving *the values of Vietnam traditional family will be broken, not only risk but face reality*. Therefore, the question is facing to the impacts of scientific revolution and modern technology, Vietnam needs to have solutions how to both promote the positive side and limit the negative side of these impacts. Posts will find out the answer to this question.

Tóm tắt

NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG CHĂM VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI NHẠC CỤ MÃ LAI

ThS. Đảng Năng Hoà
Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh

Nhạc cụ truyền thống Chăm có đầy đủ các thể loại. Mặc dù, nhiều loại nhạc cụ đã thất truyền theo thời gian, nhưng những nhạc cụ còn lưu truyền đến ngày hôm nay vẫn tạo nên một dàn nhạc hoàn chỉnh với đầy đủ tổ bộ và chức năng. Trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hoá, người Chăm ở Việt Nam và người Mã lai ở Malaysia là hai tộc người có mối quan hệ gần gũi lâu đời về mặt lịch sử và văn hóa. Về khía cạnh ngôn ngữ, hai tộc người có cùng chung một ngữ

hệ đó là ngữ hệ Malayo – Polinesia (Mã lai – Đa đảo). Nghiên cứu về mối quan hệ giữa Mã lai và người Chăm đã có một số công trình nghiên cứu đề cập. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi quan tâm tìm hiểu về nhạc cụ truyền thống của người Chăm và những nét tương đồng, ảnh hưởng lẫn nhau giữa hai tộc người qua nhạc cụ truyền thống.

Abstract

THE CHAM TRADITIONAL MUSICAL INSTRUMENTS IN RELATION WITH THOSE OF THE MALAI

Đàng Năng Hoà, MA
Open University – HCMC

The Cham traditional musical instruments are diverse. Although many of these instruments vanished over time, the remaining still form fully functioning band. In the acculturation process, the Cham in Vietnam and the Malai in Malaysia has close and long cultural and historical relationship. Linguistically, the two peoples share the same language family of Malayo – Polinesia. Several works tackle the Cham-Malai relation. Within the scope of this paper, the researcher will explore Cham traditional musical instruments and the relationship of the two peoples through musical instruments.

Tóm tắt

MỘT SỐ BIẾN ĐỔI CƠ BẢN VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Buôn Krông Tuyết Nhung
Bộ môn Ngữ Văn
Khoa Sư phạm, Đại học Tây Nguyên

Tây Nguyên với 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, một vùng đất đa dạng văn hóa với 54 dân tộc anh em đang sinh sống. Tây Nguyên – Việt Nam là địa bàn không chỉ có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, an ninh – quốc phòng, môi trường sinh thái mà còn là vùng đất đa dạng văn hóa tộc người. Nơi đây, đã từng hiện diện sự đa dạng của sắc thái văn hóa của dòng ngôn ngữ Môn – Khmer và ngôn ngữ Nam đảo. Sự đan xen, cộng cư giữa các dân tộc đã thúc đẩy sự hội nhập và phát triển của Tây Nguyên trên nhiều phương diện. Sự thay đổi về môi trường sống, về nhận thức, về cấu trúc xã hội, phương thức sản xuất, quan hệ gia đình – dòng họ, giao tiếp ứng xử đã tạo ra một Tây Nguyên của ngày hôm nay. Một Tây Nguyên vừa trẻ trung năng động, vừa truyền thống vừa hiện đại, vừa có nhiều cơ hội phát triển, hội nhập vừa đối diện với nhiều thách thức.

Vậy giải pháp nào tối ưu cho sự phát triển bền vững Tây Nguyên, tác giả mạnh dạn chia sẻ hiểu biết của mình về “Một số biến đổi cơ bản về văn hóa – xã hội Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập và phát triển”.

Abstract

SOME FUNDAMENTAL CHANGE OF CULTURE - SOCIETY IN TAY NGUYEN VIET NAM IN THE CONTEXT OF INTEGRATION AND DEVELOPMENT

Buon Krong Tuyet Nhung, Ph.D

Department of Literature
Pedagogical Faculty, Tay Nguyen University

Tay Nguyen includes five provinces are Kontum, Gia Lai, Dak Lak, Dak Nong and Lam Dong, a land of cultural diversity with 54 ethnic groups are living. Tay Nguyen Vietnam is not only geographical strategic position in economic, political, security - defense and ecological environment but also the land of ethnic cultural diversity. Here, once present the cultural diversity of ethnic groups use language Mon - Khmer and Malayu - Polinesien. The life mix between ethnic immigrant has promoted the integration and development of Tay Nguyen in many ways. The change in habitat, cognitive, social structures, production methods, family relationships, communication behavior has created a Tay Nguyen today. Tay Nguyen with a dynamic and active, traditional and modern, has many of opportunities for development, integration and has faced many challenges.

Hence, which is the optimal solution for the sustainable development of Tay Nguyen. In this paper, we share some thoughts on "Some fundamental change of culture - society in the context of integration and development."

Tóm tắt

NHÂN TỔ TÔN GIÁO TRONG TIẾN TRÌNH TOÀN CẦU HÓA NHÌN TỪ CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

ThS. Dương Thanh Mừng

Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội
Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng

Từ thế kỷ 20, hầu hết các nước Đông Nam Á đã hòa vào trong tiến trình của sự toàn cầu hoá. Các ý kiến cho rằng, toàn cầu hóa là con đường của tương lai, sẽ mang lại sự thịnh vượng và phát đạt cho tất cả mọi người, mọi quốc gia, dân tộc. Bên cạnh đó, cũng có những ý kiến trái chiều, khi cho rằng toàn cầu hóa là

nguồn gốc của những rủi ro, thiên tai, nguy hiểm và thách thức bao gồm suy thoái môi trường, sự hủy diệt của các nền văn hóa bản địa, xuất hiện các dịch bệnh mới ở người và động vật, gia tăng đói nghèo và mù chữ, các sự xuống cấp về đạo đức và lối sống, sự thiếu tự tin của các cá nhân cũng như nguy cơ của cấu trúc gia đình tan vỡ. Mặc dù có rất nhiều quan điểm khác nhau, nhưng phải thừa nhận một thực tế, toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu khách quan. Nó là kết quả của sự phục hồi không thể của tiến trình lịch sử, điều đó làm thay đổi cơ cấu chính trị, mô hình kinh tế, tổ chức xã hội cũng như lối sống, cách suy nghĩ và bộ mặt của thế giới. Trong vòng xoáy của quá trình toàn cầu, nhiều khi ý thức hệ và tư tưởng quốc gia bị tác động, đôi khi có nguy cơ thay đổi hoàn toàn. Trong khi đó, thực hành tôn giáo và đời sống tinh thần nói chung đã trở thành một nhu cầu của thời đại. Vì vậy mà nhà văn Andre Malraux đã có câu nói nổi tiếng: "thế kỷ 20 sẽ là thế kỷ của tôn giáo hoặc không có gì". Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn nhấn mạnh các yếu tố tôn giáo trong đời sống xã hội của các nước Đông Nam Á với những tác động của xu hướng toàn cầu hóa. Những yếu tố hợp lý sẽ không chỉ góp phần khẳng định lịch sử văn hóa, đa dạng và phong phú trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân tộc cư trú trong khu vực, mà còn tạo sự ổn định cho tình hình an ninh, chính trị Đông Nam Á với những thay đổi mới của thời đại.

Abstract
**RELIGIOUS FACTOR IN THE PROCESS OF
GLOBALIZATION FROM SOUTHEAST ASIA
COUNTRIES**

ThS. Dương Thanh Mừng
Institute of Social - Economic Studies
Duy Tân University

The turn of the 20th century, most Southeast Asia countries were draw into the vortex of the globalization process. The opinion said that globalization is the way of future, will bring prosperity and thriving for everyone, every nation, ethnic group. Beside, the other hold conflicting opinion, they said that globalization is the source of the risks, disasters, dangers and challenges including environmental degradation, destruction of indigenous cultures, appearance of new diseases in human and fauna, the increase of poverty and illiteracy, the degradation of morality and lifestyle, the insecurities of individuals as well as risk of broken family structure, which are difficult to overcome. Although there are many different views, but we have to admit the fact that globalization is an inevitably objective trend. It is the result of an impossible recovery of historical process which are sweeping change in political structure, economic model, social organization as well as lifestyle, way of thinking and the face of the world. In the

vortex of the globalization process, many ideologies and nationalisms were severely shaken, even in danger of being submerged. Meanwhile, religious in particular and spiritual life in general reached up and have become a demand of the times. So that the writer Audre Malraux had the famous saying: “20th century would be the century of religion or nothing”.

In the scope of this article, we want to emphasize the religious factor in the social life of the Southeast Asia countries with the impacts of the globalization trend. Recognisably reasonable factors will not only contribute to confirming the history of culture, diversity and rich in spiritual life of ethnic communities residing in the area, but also create stability for security situation, politics Southeast Asia with new changes of the times.

Tóm tắt
MỐI QUAN HỆ GIAO LƯU VÀ TƯƠNG TÁC
CỦA DÂN DI TRÚ DIỆN KẾT HÔN VIỆT NAM - HÀN QUỐC
TRƯỜNG HỢP PHỤ NỮ DI TRÚ DIỆN KẾT HÔN

TS. Kim Kyu

Tập chí Goodmorning Việt Nam

Sự gia tăng của hôn nhân quốc tế ở Hàn Quốc cũng đồng thời kéo theo sự gia tăng của tỉ lệ ly hôn. Phụ nữ di trú kết hôn quốc tế thường gặp các vấn đề như khó khăn trong giao tiếp tiếng Hàn, không hiểu hết về mối quan hệ gia đình hay nền văn hóa mang tính gia trưởng của Hàn Quốc. Nghiên cứu của tác giả chú trọng đến các mối quan hệ của phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Hàn Quốc,

Abstract
THE RELATIONSHIP AND INTERACTION EXCHANGES
OF IMMIGRANTS IN SOUTH KOREA – THE CASE OF
VIETNAMESE WOMEN GET MARRIED TO SOUTH
KEREAN MEN

Kim Kyu, Ph.D

Goodmorning Vietnam Magazine

The increase of international marriages in South Korea has also led to the increase in the rate of divorce. Women immigrants by international marriage often have problems such as difficulty in communicating in Korean languages, not fully understand husband's kinship or culture's patriarchal of South Korea .

The author will focus on the multi relationship that Vietnam women married to South Korean men were involved .

Tóm tắt
TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH
TOÀN CẦU HÓA

TS. Lê Đức Hạnh

Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Phi
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nguyễn Thị Thanh Nga

Đại học Ngoại ngữ
Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tôn giáo ở Việt Nam biến đổi sâu sắc và mạnh mẽ trên nhiều phương diện. Tôn giáo phát triển không chỉ ở số lượng tín đồ mà còn ở sự gia tăng của hàng ngũ chức sắc, nơi thờ tự, phát triển hội đoàn, in ấn kinh sách... khuyếch trương vai trò và tăng cường ảnh hưởng. Toàn cầu hóa cùng với sự đa dạng hóa tôn giáo kéo theo phong trào chuyển đổi đức tin hình thành các địa bàn tôn giáo - dân tộc mới, làm thay đổi bản đồ phân bố tôn giáo ở Việt Nam.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, các giáo hội đã có những thay đổi về tổ chức giáo hội, đào tạo chức sắc, phương thức truyền đạo và đời sống sinh hoạt tôn giáo. Hầu hết các tôn giáo ở Việt Nam đang đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất, nơi thờ tự, hiện đại hóa các sinh hoạt tôn giáo. Toàn cầu hóa cũng làm thay đổi lớn đến các tôn giáo ở Việt Nam trong việc mở rộng giao lưu quốc tế, tăng cường các hoạt động đối ngoại một cách sôi động, nhộn nhịp với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á như Malaysia, Campuchia, Thailand, v.v...

Abstract
RELIGIONS IN VIETNAM IN GLOBALIZATION
CONTEXT

Lê Đức Hạnh, Ph.D

Institute of Africa and Middle East Studies

Nguyễn Thị Thanh Nga

University of Languages and International Studies

Vietnam National University – Hanoi

In the context of globalization, religions in Vietnam profound and powerful change in many ways. Development religions not only in quantity in the believer but also increasing ranks of dignitaries, places of worship, community

development, printing religious books ... promote the role and enhance the influence. Globalization with religious diversification entails conversion movement formed new religious – ethnics areas, alter distribution maps religions in Vietnam.

In the context of globalization today, the churches have made changes in church organization, religious seminaries, methods and religious activities. Most religions in Vietnam are pushing for the construction places of worship to modernize the religious activities. Globalization also makes major changes to religions in Vietnam in expanding international exchanges; strengthen the external activities in a vibrant, bustling with countries in Southeast Asia like Malaysia Cambodia, Thailand, etc...

Tóm tắt
TÍN NGƯỠNG PHỒN THỰC
TRONG SÂN KHẤU TRUYỀN THỐNG ĐÔNG NAM Á

**TS. Lê Thị Ngọc
Điệp**

Khoa Văn hoá học

Trường Đại học

KHXX&NV

Đại học Quốc gia TP.

Hồ Chí Minh

Tín ngưỡng phồn thực xuất hiện rất sớm ở Đông Nam Á. Đối với cư dân nông nghiệp, ước vọng quan trọng nhất đó là duy trì sự sống và duy trì nòi giống. Xuất phát từ niềm tin về sự thiêng liêng của đất trời, hình thành nên sự sùng bái việc sinh sôi nảy nở của tự nhiên và con người, đây chính là tiền đề cho sự ra đời của tín ngưỡng phồn thực.

Ở khu vực Đông Nam Á, hầu như các hình thức sân khấu truyền thống đều gắn liền với yếu tố tôn giáo hoặc tín ngưỡng, mà cái cốt lõi của tôn giáo, tín ngưỡng đó chính là tính thiêng. Do vậy, hoạt động biểu diễn sân khấu của cư dân Đông Nam Á không chỉ là hoạt động mang tính chất mua vui, giải trí mà còn là một hoạt động thiêng liêng có tính chất tôn giáo, gắn với đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Sự tồn tại của các yếu tố tâm linh làm cho sân khấu truyền thống trở thành tiếng nói của nghệ thuật thâm kín, hàm chứa chất huyền ảo, dễ truyền cảm. Tín ngưỡng phồn thực là một trong những biểu hiện của tính thiêng trong nghệ thuật sân khấu truyền thống Đông Nam Á.

Abstract
**THE FERTILITY CULT IN SOUTHEAST ASIAN
TRADITIONAL THEATERS**

**TS. Lê Thị Ngọc
Diệp, Ph.D**

Faculty of Cultural
Studies

University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Fertility Cult appeared soon in Southeast Asia. For the agricultural population, the most important wish is maintain the life and maintain the lineage. Fertility Cult is original from the belief in the sanctity of heaven and earth and formed the cult the proliferation of natural and man. This is a prerequisite for the born of fertility cult.

In Southeast Asia, most of the traditional theaters are the expression of religion or cult. The nature of religion and cult is sacred. Thus, the stage traditional performances of Southeast Asian are active not only in nature amusing, entertaining, but also a spiritual activity of religious nature and attached to people's material life and spirit. The existence of the spiritual factors make traditional theater become the show of art hidden, magical substance contained, easily inspiring. Fertility cult is one of the more sacred in traditional theater art in Southeast Asia.

Tóm tắt
**ĐẠO TIN LÀNH Ở TÂY NGUYÊN TRONG BỐI CẢNH
TOÀN CẦU HÓA TÔN GIÁO TÔN GIÁO HIỆN NAY**

ThS. Mai Minh Nhật

Khoa Lịch sử
Trường Đại học Đà Lạt

Trong những thập niên gần đây, đạo Tin Lành đã có sự phát triển mạnh mẽ tại Tây Nguyên, đặc biệt trong các tộc người thiểu số tại chỗ. Đến nay, tôn giáo này đã trở thành một thực thể tôn giáo, xã hội khá lớn trong bức tranh tôn giáo đa dạng ở Tây Nguyên. Từ trước đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về các khía cạnh khác nhau liên quan đến đạo Tin Lành ở Tây Nguyên. Bài viết này trình bày một số đặc điểm và xu hướng vận động của Tin Lành ở khu vực này trong những thập niên cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa nói chung, toàn cầu hóa tôn giáo nói riêng. Qua đó, góp

thêm tư liệu cho việc nghiên cứu tôn giáo ở Tây Nguyên trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Abstract

PROTESTANTISM IN THE CENTRAL HIGHLANDS IN CURRENT RELIGIOUS GLOBALIZATION SITUATION

Mai Minh Nhật, MA

Faculty of History
Đà Lạt University

In recent decades, Protestantism has significantly developed in the Central Highlands, particularly among its local ethnic groups. Currently, it has become an actual belief and social activity, along with miscellaneous diversifying religions of the Central Highlands' culture. So far, there have been many studies on various aspects regarding Protestantism in the Central Highlands. This article depicts some of the characteristics and the development of the Protestantism in the region, from the last decades of the twentieth century to early twenty-first century, under the impact of globalization in general and religious globalization in particular. This also added to the religion study in the Central Highlands in the current globalization situation.

Tóm tắt

TÌM KIẾM Ý NGHĨA, XÂY DỰNG BẢN SẮC: TRẢI NGHIỆM THÚ CHƠI GÀ CHƠI CỦA NGƯỜI DÂN Ở MỘT LÀNG LÊN PHỐ TẠI HÀ NỘI

Nguyễn Anh Tuấn

Viện Dân Tộc học

Bài viết này khảo sát thú chơi gà chơi của người dân ở một làng, vốn xưa có tiếng đam mê cờ bạc, mới lên phố tại Hà Nội, Việt Nam. Trên cơ sở quan sát tham dự làng này từ năm 2003 đến nay, tác giả phân tích và so sánh trải nghiệm, thái độ xã hội khác nhau của những người dân về đến thú chơi gà chơi mới thịnh hành trở lại. Kế thừa luận điểm của Geezt (1973) về đam mê cờ bạc, cho rằng chủ thể cùng một lúc hình thành và khám phá tính cách của mình và tính cách của xã hội, bài viết này sử dụng tiếp cận nghiên cứu trải nghiệm trong nhân học tìm hiểu làm thế nào mà người dân ở một làng lên phố xây dựng một bản sắc văn hóa mới trong một bối cảnh xã hội đổi thay năng động. Bài viết một mặt đồng thuận với các quan điểm xem bản sắc văn hóa không phải là một

thực thể xác định, bền vững và bất biến, cũng như xem bản sắc là sản phẩm thể hiện tính chủ động học hỏi, thích ứng và lựa chọn. Mặt khác, bài viết bổ sung và làm rõ cơ chế tìm kiếm ý nghĩa và mục cầu khẳng định bản thân qua việc tìm kiếm bản sắc mới của người dân (nông) dân từ làng lên phố. Nghiên cứu này gợi ý thú vị của người dân trong bối cảnh xã hội thay đổi là một cơ hội để nhà nhân học quan sát và hiểu thêm về nỗ lực kiếm tìm và xây dựng bản sắc văn hóa mới - ở nơi mà một thú vui – một hành vi đã và vẫn được xem có dấu hiệu của nạn cờ bạc đã trở thành một phương tiện để thể hiện bản sắc.

Abstract

EXPLORE MEANING, CONSTRUCT IDENTITY: THE EXPERIENCE OF COCKFIGHTING HOBBY OF RESIDENTS AT URBANIZED VILLAGE IN HA NOI

Nguyễn Anh Tuấn

Institute of Anthropology

This article investigates cockfighting hobby of residents in a village where is famous for gambling enthusiast and has just been urbanized in Ha Noi, Viet Nam. Based on participatory observation data from 2003 to present, the author analyzes and compares experiences, different social attitudes of people about a new cockfighting hobby in recent years. Based on Geertz's view (1973) on the gambling enthusiast, people shape and explore his personality and social characteristics at the same time, this article uses anthropological approaches to understand how people in an urbanized village build new cultural identities in a social context with dynamic changes. We agree that cultural identity is not a fixed entity, sustained and invariant, as well as identity is seen as a product which display initiative in learning, adaptation and rationality. On the other hand, the article adds and clarifies the mechanism, to find meaning of assertion by discovering new identities of farmers from villages to cities. This study suggests the hobby of people in the changes of social context is an opportunity for anthropologists to and understand more about efforts to find and build new cultural identities at the village where a hobby – behavior has been considered as signs of gambling which is seen to be identity.

Tóm tắt
**PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA:
TRƯỜNG HỢP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

PGS.TS. Nguyễn Công Lý
ThS. Dương Hoàng Lộc
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Bài viết này tập trung tìm hiểu những tác động của quá trình toàn cầu hóa tôn giáo đến Phật giáo Việt Nam thông qua trường hợp cụ thể tại Thành phố Hồ Chí Minh. Xu thế toàn cầu tôn giáo đã đem lại cho Phật giáo trên địa bàn thành phố này nhiều sự thay đổi trong sinh hoạt tu tập, giao thoa văn hóa thông qua nghi lễ, kiến trúc chùa chiền, tượng thờ,... cũng như các hoạt động giáo dục. Trong đó, chúng tôi chú ý đến một số hiện tượng tôn giáo mới đang thâm nhập vào nhiều tầng lớp cư dân thành phố cũng như các Phật tử. Mặt khác, bài viết còn nhấn mạnh đến sự thích nghi và hội nhập của Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh trong xu thế toàn cầu hóa tôn giáo với việc chủ động gia nhập vào cộng đồng Phật giáo thế giới, thông qua việc tham gia các tổ chức, hội thảo cũng như các sự kiện lớn của Phật giáo khác nước. Trong bài viết này, một vấn đề mà chúng tôi đặt ra là song song với quá trình tiếp nhận những yếu tố mới do toàn cầu hóa mang lại, Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh đã giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của Phật giáo dân tộc, tích cực xây dựng mối quan hệ hữu nghị với Phật giáo các nước và tăng cường các hoạt động từ thiện-xã hội ra bên ngoài quốc gia để cộng đồng Phật giáo thế giới ngày một hiểu rõ về Phật giáo Việt Nam.

Abstract
**VIETNAMESE BUDDHISM IN THE GLOBALIZATION
BACKGROUND
(CASE STUDY IN HO CHI MINH CITY)**

Prof. Nguyễn Công Lý, Ph.D
Dương Hoàng Lộc, MA
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

The paper focuses on researching of the globalization impact in religious range to Vietnamese Buddhism through case study in Ho Chi Minh City. The trend of globalization has brought Buddhism in the city a lot of changes in the activities, acculturation through rituals, temples, architecture, statues, ... as well as

ineducation. In particular, we mention some new religious phenomenon that is expanding to several classes of city residents as well as the Vietnamese Buddhists. On the other hand, the paper also emphasizes the adaptation and integration of Buddhist living Ho Chi Minh City in the trend of religious globalization which motivate them actively join in to the international Buddhist community through participating in organizations and conferences, as well as major events of other Buddhism countries. In the paper, a problem which we set out to be parallel with the process of receiving the new elements being brought by globalization, Buddhist in Ho Chi Minh City have to preserve and promote the traditional values of national Buddhism, actively build the relationship with Buddhism countries and enhance philanthropy and social – charity work to the world community, increasingly Buddhist understanding for Vietnamese Buddhism.

Tóm tắt
PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI LÝ - TRẦN TRONG MỐI
GIAO LƯU - TIẾP BIẾN VỚI PHẬT GIÁO - VĂN HOÁ ẤN
ĐỘ, PHẬT GIÁO TRUNG QUỐC
VÀ VĂN HOÁ - TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN BẢN ĐỊA

PGS.TS. Nguyễn Công Lý
Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo
Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP. HCM

Do vị trí địa lý, đất nước Việt Nam nằm ở giữa bán đảo Trung Ấn, tức ở giữa hai nền văn hoá – văn minh cổ đại của phương Đông là Ấn Độ và Trung Quốc. Dù Việt Nam ở xa Ấn Độ nhưng lại giao lưu với Phật giáo và văn hoá Ấn Độ sớm hơn là giao lưu với Phật giáo và văn hoá Trung Quốc. Bài viết này sẽ đi sâu nghiên cứu mối quan hệ giáo lưu – tiếp biến giữa Phật giáo Việt Nam với Phật giáo – văn hoá Ấn Độ, Phật giáo – văn hoá Trung Quốc và văn hoá - tín ngưỡng dân gian bản địa qua một thời đại lịch sử cụ thể: thời Lý – Trần. Đây là thời đại đỉnh cao, tinh hoa của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Abstract
**VIETNAMESE BUDDHISM UNDER THE LY -
TRAN DYNASTIES, IN THE ACCULTURATION OF
INDIANESE BUDDHISM – CHINESE BUDDHISM –
VIETNAMESE FOKLORE**

Prof. Nguyễn Công Lý, Ph.D
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Due to the geographical location, Vietnam locates in the middle of Indo-China, which is affected by two Eastern cultures - ancient civilizations called India and China. Although Vietnam is far from India but it connects with Indian Buddhism and culture earlier than Chinese Buddhism and culture. This study will research more about the exchanging relationship between Vietnamese Buddhism, Indian Buddhism – Culture as well as Chinese one and traditional culture – belief through a specific historical era: Ly – Tran Dynasty. This is considered the peak time and the essence of the history of Buddhism in Vietnam.

Tóm tắt
**VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TỘC NGƯỜI THÁI ĐEN
TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở MƯỜNG THANH,
DIỆN BIÊN**

TS. Nguyễn Hồng Quang
Viện nghiên cứu Đông Nam Á
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Trong xu hướng phát triển bền vững hiện nay, du lịch bền vững đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia. Để phát triển cạnh tranh tốt về du lịch, ngoài những yếu tố cần thiết như điều kiện tự nhiên, lịch sử thì văn hóa đóng vai trò rất quan trọng. Văn hóa và du lịch có mối quan hệ khăng khít, luôn tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình phát triển. Vì vậy, muốn phát triển du lịch thì cần đến một môi trường văn hóa tốt để phát triển. Trong đó yếu tố con người là trung tâm, mỗi các nhân phải trang bị kiến thức về văn hóa nhằm bảo lưu kế thừa phát triển được văn hóa bản địa, và sử dụng hiệu quả bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ở Việt Nam, hiện nay văn hóa tộc người vẫn chưa được tận dụng một cách hiệu quả nhất cho phát triển du lịch đem đến những sản phẩm du lịch hấp dẫn, tăng thu nhập cho bản thân và cộng đồng. Với những tiềm năng lợi thế sẵn có cho việc phát triển du lịch như: lịch sử (Di tích

lịch sử quốc gia Điện Biên Phủ); văn hóa (văn hóa tộc người Thái), du lịch Điện Biên hiện đang nỗ lực gắn văn hóa tộc người (Thái) vào phát triển du lịch.

Abstract

THE ROLE OF BLACK THAI ETHNIC CULTURE IN TOURISM DEVELOPMENT IN MUONG THANH, DIEN BIEN

Nguyễn Hồng Quang, Ph.D

Institute of Southeast Asia Studies

With the existing potentials and advantages for tourism development, Dien Bien is currently making effort to tie ethnic culture (Black Thai) into tourism development. This paper refers to the role of Thai culture in promoting tourism development in Dien Bien. Brief introduction about Muong Thanh and cultural characteristics of Black Thai people: Differentiating the Black Thai from costume, culture, language and script. Essential Black Thai cultural elements in promoting tourism development as residential architecture, cuisine, music, and Thai dance... Analyzing the contributions of Thai culture in developing tourism. The achievements and drawbacks, essential recommendation and solution for developing the community tourism in Muong Thanh, Dien Bien.

Tóm tắt

XU HƯỚNG GIA TĂNG CÁC HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG Ở MỘT LÀNG VEN ĐÔ TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA

PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm

Viện Nghiên cứu văn hóa

Nội dung của bài viết này được đặt trong bối cảnh đô thị hoá ở làng Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Khi huyện Từ Liêm được tách thành hai và chuyển lên thành quận, tốc độ đô thị hoá ở khu vực này diễn ra nhanh chóng. Điều đó đã tác động mạnh mẽ trên nhiều khía cạnh đối với đời sống của cư dân ở đây nói chung và cư dân làng Xuân Đình nói riêng, đặc biệt là sự tác động của sự phát triển về công nghệ kỹ thuật.

Có quan điểm cho rằng, khi khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện đồng nghĩa với quá trình thu hẹp phạm vi ảnh hưởng và suy thoái dần của tín ngưỡng. Tuy nhiên thực tế việc thực hành tín ngưỡng ở làng Xuân Đình hiện nay lại chứng minh điều ngược lại, đời sống tín ngưỡng gia tăng cả ở loại hình, phương thức thực hành cũng như sự quan tâm đầu tư của dân làng.

Bằng cứ liệu điền dã sâu tại cộng đồng, chúng tôi sẽ chứng minh vấn đề này qua các hành vi tín ngưỡng của người dân, cũng như các loại hình tín ngưỡng đang tồn tại và phát triển tại cộng đồng cư dân làng Xuân Đình hiện nay.

Abstract
**INCREASING RELIGIOUS ACTIVITIES
AT XUÂN ĐÌNH-THE SUBURBAN VILLAGE-
IN THE CONTEXT OF URBANIZATION**

Prof. Nguyễn Thị Phương Châu, Ph.D
Institute of Cultural Studies

Urbanization has happened rapidly in Xuan Dinh suburban village, Bac Tu Liem district of Hanoi since Tu Liem was divided into two districts: Bac Tu Liem and Nam Tu Liem. The process of urbanization occurs in many perspectives of Xuan Dinh people's lives including religious practices. Xuan Dinh villagers join different religious groups, spend more time and money on religious activities and practices. With the data from our field trips, we will present different types of beliefs and their practices at Xuan Dinh village.

Tóm tắt
**DẤU ẤN VĂN HÓA ISLAM ĐÔNG NAM Á
TRONG CỘNG ĐỒNG CHĂM ISLAM NAM BỘ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI**

ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy
Đại học Thủ Dầu Một

Cộng đồng Chăm Islam Nam Bộ và các quốc gia Islam Đông Nam Á có quan hệ giao thương khá sớm. Trải qua nhiều thăng trầm nhưng quan hệ này vẫn được duy trì dựa trên những tương đồng về đức tin và văn hóa Islam. Hệ quả là dấu ấn văn hóa Islam Đông Nam Á đã lưu dấu trong nhiều loại hình văn hóa người Chăm Islam Nam Bộ. Chúng như những gam màu làm cho bức tranh văn hóa của cộng đồng trở nên sinh động hơn.

Trong giai đoạn toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay, người Chăm Islam Nam Bộ có nhiều có điều kiện phát triển quan hệ truyền thống với cộng đồng Muslim Đông Nam Á trên nhiều phương diện. Điều này cũng có nghĩa là văn hóa Islam khu vực và thế giới càng có nhiều cơ hội du nhập vào cộng đồng Chăm Islam Nam Bộ.

Tham luận này mong muốn nhận diện dấu ấn văn hóa Islam trong một số dạng thức văn hóa vật chất của cộng đồng Chăm Islam Nam Bộ, đồng thời đề cập đến xu hướng vận động của cộng đồng trong mối liên hệ với các quốc gia Islam Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay.

Abstract
**CULTURAL IMPRINT OF ISLAM SOUTHEAST ASIA IN
SOUTHERN MUSLIM CHAM COMMUNITY: PAST AND PRESENT**

Nguyễn Thị Thu Thủy, MA
Thủ Dầu Một University

Southern Muslim Cham Community and Islamic countries of Southeast Asia have trade relation early. Through many ups and downs, this relationship is still maintained based on the similarity of Islamic faith and culture. Consequently Islamic cultural of Southeast Asian has saved marks in cultural forms of Southern Muslim Cham community. They like colors make the cultural mosaic of community become more vivid.

In the period of globalization strongly now, Southern Muslim Cham people has more conditions to develop the traditional relation with Southeast Asian Muslim communities in many aspects. This also means that Islamic culture of the region and the world has more opportunities to import Muslim Cham people.

This paper identifies the Islamic cultural imprint in some forms of material culture of Southern Muslim Cham community, also refers to the trend of community mobilization in relation to the countries of Islam Southeast Asia in the context of globalization today.

Tóm tắt
**DẤU ẤN CỦA VĂN HÓA ẨM ĐỘ Ở ĐÔNG NAM Á:
TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ “ẨM ĐỘ HÓA”
VÀO THỜI KỲ CỔ - TRUNG ĐẠI**

Nguyễn Thu Trang
Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Ẩm Độ vốn đã có mối quan hệ lịch sử lâu đời với Việt Nam nói riêng và các quốc gia Đông Nam Á nói chung từ thời kỳ cổ-trung đại. Thậm chí, học giả Ẩm Độ Purushothamam còn gọi các nước Đông Nam Á là những người “láng giềng văn minh” (Civilisational Neighbours) mặc dù Ẩm Độ không có đường biên giới tiếp giáp trực tiếp với các quốc gia này. Quá trình “Ẩm Độ hóa” với việc mở rộng văn hóa của Ẩm Độ diễn ra ở Đông Nam Á từ thời kỳ cổ đại trải qua một quá trình lâu dài, hòa bình và được chấp nhận ở nhiều quốc gia. Sự ảnh hưởng ấy không chỉ theo chiều rộng của không gian mà còn trong chiều dài của thời gian và trong chiều sâu của văn hóa lịch sử. Khi nhìn vào bức tranh văn hóa của Đông Nam Á, nhiều giá trị văn hóa hiện nay đã bị biến mất tại Ẩm Độ nhưng vẫn còn bóng dáng tại Đông Nam Á. Hay nói cách khác, Đông Nam Á là quê hương thứ hai của Ẩm Độ và cũng là nơi lưu giữ và bảo tồn các giá trị

văn hóa truyền thống của Ấn Độ. Bài viết có những nội dung chính sau: (i), Một số vấn đề về “Ấn Độ hóa” và “thế giới Ấn Độ Dương”; (ii), Quá trình “Ấn Độ hóa” du nhập vào các nước Đông Nam Á lục địa và những dấu ấn văn hóa của Ấn Độ tại Đông Nam Á thời kỳ cổ-trung đại; (iii), Kết luận.

Abstract

THE INFLUENCE OF INDIAN CULTURE IN SOUTHEAST ASIA: *FROM THE “INDIANIZATION” POINT OF VIEW AT THE CLASSICAL-MEDIEVAL PERIODS*

Nguyễn Thu Trang

Univeristy of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University-HCMC

India has had a long time history with Southeast Asia in general and with Vietnam particularly. Indianization process has impacted on many Southeast Asian countries' cultures and histories. Many Indian values and cultural features still exist in Southeast Asia. This paper presents the process of Indianization and its way to the mainland Southeast Asia. The influence of Indian culture in Southeast Asia during the Classical-Middle Ages is also discussed.

Tóm tắt

ẢNH HƯỞNG CỦA TÍN NGƯỠNG THÁI LAN (PHRA PHROM VÀ NANG KWAK) TRONG PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER TỪ BỐI CẢNH GIAO LƯU KHU VỰC

TS. Phan Anh Tú

Khoa Văn hóa học
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Toàn cầu hóa và xu hướng khu vực hóa trong một thập niên gần đây đã thúc đẩy mối quan hệ giao lưu giữa Việt Nam và Thái Lan ngày càng được tăng cường. Những dòng tín ngưỡng của Thái Lan đã được tiếp nhận vào hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer mà trong đó hình tượng thần Phra Phrom (Brahma) và Nang Kwak đã xuất hiện trong các ngôi chùa Khmer Nam Bộ và hình thức thờ cúng của các tín đồ người Việt-Hoa theo hệ phái này. Bài viết của tôi sẽ phân tích chức năng, ý nghĩa của tín ngưỡng thần Phra Phrom và Nang Kwak, lý giải những nguyên nhân vì sao dòng tín ngưỡng này lại hiện diện ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Abstract
THE INFLUENCE OF THAI BELIEF
(PHRA PHROM AND NANG WACK)
IN THERAVADA BUDDHISM OF THE KHMER
FROM BACKGROUND OF REGIONAL CONTACT

Phan Anh Tú, Ph.D

Faculty of Cultural Studies

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

The globalization and regionalization in the recent decade has increasingly encouraged the relation exchanges of Vietnam and Thailand day by day. The cults of Thailand has been accepted in to Theravada Buddhism of the Khmer living in the South of Vietnam, among which, Phra Phrom (Brahma) and Nang Kwak figures are worshipped in the Khmer temples as well as in ritual cults of the Viet who are approaching the Khmer Theravada Buddhism. The paper will analyze function, signification of Phra Phrom and Nang Kwak and explains the reasons why these cults are presenting in Vietnam at the contemporary period.

Tóm tắt
LỄ TẾT Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

ThS. Trịnh Hiền Thương

Trung tâm Văn hóa Thành phố Hà Nội

Lễ tết là một tiêu chí quan trọng để nhận biết bản sắc văn hóa, bản sắc dân tộc của mỗi một quốc gia. Đồng thời trong quá trình giao lưu văn hóa quốc tế, lễ tết cũng là một hiện tượng sinh hoạt văn hóa rất dễ được các dân tộc khác chú ý, lựa chọn, tiếp nhận và tham gia.

Trong thế kỷ 21, sự phát triển của kinh tế, phương tiện giao thông, internet, truyền thông đa phương tiện và du lịch trở thành những yếu tố cơ bản biến thế giới trở thành một làng địa cầu. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng tốc độ của quá trình toàn cầu hóa, lễ tết ở Việt Nam có những biến đổi lớn, những ảnh hưởng nhất định về văn hóa. Ngoài các lễ tết truyền thống như: Tết Nguyên đán, tết Thanh minh, tết Hàn thực, tết Đoan ngo, những ngày lễ kỷ niệm của đất nước, của địa phương thì các lễ tết phương Tây dựa vào những đặc trưng như: tính thời thượng, tính giải trí, tính nhân văn đã theo làn sóng toàn cầu hóa nhanh chóng được giới trẻ Việt Nam đón nhận, yêu thích.

Ở trong bản tham luận này, tôi tập trung thảo luận về vấn đề biến đổi văn hóa trong lễ tết ở Việt Nam, bao gồm quá trình dẫn đến sự hình thành và biến đổi của lễ tết truyền thống và lễ tết du nhập từ phương Tây. Qua đó, nhìn nhận về văn hóa lễ tết ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Abstract
**FESTIVALS IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF
GLOBALIZATION**

Trịnh Hiền Thương, MA
Hanoi Culture Center

Festivals are an important criterion for recognition of cultural identity, national identity of each nation. Also in the process of international cultural exchanges, and holidays as well as a phenomenon of cultural activities are easy to get other peoples attention, selection, reception and participation.

In the 21st century, economic development, transportation, internet, multimedia communications and tourism become the fundamental elements make the world become a village globe. A few years ago, along with an increase in speed of the process of globalization, and holidays in Vietnam have major changes, certain effects on culture. In addition to the traditional holidays such as TET Festival, Thanh Minh Festival, Cold Food Festival, Dragon Boat Festival, the anniversary of the country's local holidays, the West based on characteristics such as: highly fashionable, entertaining, humanity has followed the wave of globalization rapidly Vietnam youth embrace, love.

In the discussion of this, I focused discussion on the issue of cultural change in holidays in Vietnam, including the process leading to the formation and transformation of traditional holidays and holidays introduced from the West. Thereby, we can have the recognition of cultural holidays in Vietnam in the context of current globalization.

Tóm tắt
**BÙA CHÚ TRONG ĐỜI SỐNG TÂM LINH CỦA NGƯỜI
VIỆT: QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP XÃ NGŨ KIÊN,
HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

ThS. Trương Thị Thúy Hà
Viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam

Bùa chú là một hiện vật tôn giáo tín ngưỡng lâu đời nhất, cổ xưa nhất còn tồn tại trong đời sống của chúng ta hôm nay. Trong thế giới hiện đại, bùa chú tồn tại nhưng không hiển hiện một cách rõ ràng trên bề mặt của những hành vi tôn giáo tín ngưỡng mà nó là một mạch nước ngầm bền bỉ, tồn tại dưới nhiều hình thức trong đời sống tâm linh của người Việt. Hiện vật được “thiêng hóa” có tên gọi “bùa chú” này luôn chứa đựng trong nó sự dung hợp của nhiều yếu tố tôn giáo và tín ngưỡng. Trong bối cảnh sự bất ổn luôn bao quanh con người như: Thiên tai, khủng hoảng kinh tế, chiến tranh, bệnh tật, những tai nạn có thể

xảy ra bất cứ lúc nào thì yếu tố tôn giáo càng được chú ý hơn bao giờ hết. Và cho đến nay, việc sử dụng bùa chú tr ở lại “nở rộ” được thịnh hành và ưa chuộng trong dân gian như một hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng tồn tại song hành với sự phát triển của kinh tế, xã hội và tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Nghiên cứu này, chúng tôi cố gắng tìm hiểu thể giới phong phú và đa dạng của bùa chú cũng như cách người ta sử dụng nó trong đời sống tín ngưỡng của mình. Đồng thời, thông qua những trải nghiệm của những người làm bùa, người sử dụng bùa, và chính bản thân những lá bùa nghiên cứu sẽ lý giải các yếu tố tác động đến nhu cầu sử dụng bùa chú, và phản hồi của người sử dụng bùa chú trong bối cảnh hiện nay.

Abstract

THE SPELLS IN VIETNAMESE’S BELIEF: A CASE STUDY AT NGŨ KIÊN VILLAGE, VĨNH TƯỜNG TOWN, VĨNH PHÚC DISTRICT, VIETNAM

Trương Thị Thúy Hà, MA.

Vietnam Institute of Culture and Arts

The spell is the oldest religious incantation object that still exists in our current life. It has many various types in Vietnamese’s belief nowadays. One reason for this is the fact that there are many unsecured things happening in life such as wars, natural disasters, diseases, accidents etc., thus people need a magic power (through their religion/belief) to feel safe and secured.

This paper studies various types of spells and their benefits in Vietnamese’s belief at Ngũ Kiên village, Vĩnh Tường town, Vĩnh Phúc district, Vietnam. Also, the study provides factors causing the needs of using spells, users’ experiences and thoughts.

Tóm tắt

SƯU TẬP CỔ VẬT BẰNG XƯƠNG - SỪNG TÀNG TRỮ TẠI BẢO TÀNG LONG AN

ThS. Vương Thu Hồng

Hội Khảo cổ học Việt Nam

Tại Bảo tàng Long An, thống kê các loại hình hiện vật thuộc chất liệu xương – sừng cho thấy có 3.422 tiêu bản trong đó có hai loại hình chiếm tỷ lệ nhiều nhất đó là hạt chuỗi với 2.717 hiện vật, 28 vòng tay và mảnh vòng, 03 khuyên tai, 25 mũi kim, 19 mũi tên, 11 bùa đeo bằng răng hổ hoặc xương sừng, 431 công cụ là dùi hoặc mũi nhọn, 36 rìu, cuốc có vai và tứ giác, 01 mũi giáo và 14 lưỡi câu các loại, nhiều công cụ mũi nhọn...

Những loại hình công cụ bằng xương – sừng ở di tích khảo cổ học An Sơn và Rạch Núi (5.000 - 4.000 năm BP) đã chứng tỏ việc chế tác đồ xương – sừng ở đây đã ở vào giai đoạn phát triển cao, kỹ thuật chế tác tinh vi. Công cụ và đồ trang sức bằng xương – sừng đóng góp cụ thể và tích cực vào các mặt hoạt động kinh tế, văn hóa đã được ghi nhận... thể hiện rằng các cộng đồng người cổ ở An Sơn và Rạch Núi đã ở vào giai đoạn cuối cùng của xã hội nguyên thủy và đang từng bước tiến đến văn minh buổi đầu của vùng Nam Bộ.

Thích ứng với môi trường tự nhiên và vận dụng điều kiện sẵn có, các cộng đồng cư dân cổ đã sáng tạo, hình thành nên một hoạt động truyền thống, chế tác công cụ và đồ trang sức. Truyền thống ấy đã được kế thừa và phát triển mạnh mẽ về số lượng và loại hình hiện vật..., đặc biệt trong các sưu tập hiện vật bằng xương – sừng ở các di tích thuộc thời kỳ kim khí muộn như Gò Ô Chùa và Lò Gạch (2.700 - 2.000 năm BP). Điều đó đã đóng góp vào hệ thống tư liệu và nhận thức về văn hóa thời đại kim khí ở lưu vực sông Vàm Cỏ nói riêng và Đông - Tây Nam Bộ nói chung với những sưu tập hiện vật đặc sắc riêng có của tiểu vùng văn hóa lưu vực sông Vàm Cỏ./.

Abstract

THE COLLECTION OF BONE – HORN ANTIQUITIES AT LONG AN MUSEUM

Vương Thu Hồng, MA.

Vietnam Archaeological Association

At Long An Museum, the statistical report on all bone-horn antiquities indicated that there are 3,422 specimens in which two types have the highest ratio such as: beads with 2,717; 28 bracelets and pieces; 03 earrings; 25 needles; 19 arrows; 11 amulets made by tiger's tooth, bone or horn; 431 awls or spearhead, 36 axes, quadrilateral hoes, 01 spear, 14 kinds of hooks and many other tools.

The types of bone – horn tools in archaeological relics in An Son and Rach Nui (5000-4000 years BP) have demonstrated that all crafted furniture from bone - horn here was at the highly developed periods, sophisticated technique. Bone-horn tools and jewelry have contributed specifically and positively to economic and cultural activities.... to show that the community in An Son and Rach Nui was on the last period of primitive societies and is moving to the Early Civilization of the southern region.

By adapting to the natural environment and applying existing conditions, the ancient inhabitants created and formed a traditional activity such as: making tools and jewelry. The tradition was inherited and developed strongly in the quantity and type of material, especially in the collections of bone - horn at historical sites in the late metal period such as: Go O Chua and Lo Gach (2700-

2000 years BP). That has contributed to the material system and cultural awareness of metal age at the basin of Vam Co River in particular and East - West South in general with unique collections of Vam Co subregions.

Tóm tắt
**THIÊN LÝ BỬU TOÀ: SỰ SÁNG TẠO CÁ NHÂN
CỦA CỘNG ĐỒNG TÍN ĐỒ CAO ĐÀI Ở CALIFORNIA**

TS. Huỳnh Ngọc Thu
Khoa Nhân học
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Thiên Lý Bửu Toà được xem là một phần của đạo Cao Đài, ra đời vào nửa cuối thập niên 70 của thế kỷ XX tại thành phố San Jose, bang California, Mỹ. Người chủ xướng hình thành nên Thiên Lý Bửu Toà là Chương quản Bạch Diệu Hoa, một tín đồ của Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi.

Thiên Lý Bửu Toà được hình thành ở Mỹ nên có nhiều điểm khác biệt so với các hệ phái Cao Đài ở Việt Nam. Những điểm khác biệt đó mang rõ dấu ấn của sự sáng tạo cá nhân (Chương quản Bạch Diệu Hoa), và điều này đã góp phần làm phong phú thêm cho sự đa dạng của đạo Cao Đài.

Bằng các nguồn dữ liệu thư tịch và tư liệu điền dã tại Thiên Lý Bửu Toà, chúng tôi tìm hiểu vai trò của cá nhân trong sự sáng tạo tại Thiên Lý Bửu Toà nhằm thấy được uy quyền thiên phú của cá nhân thông qua việc tạo dựng và điều hành tôn giáo

Abstract
**THIEN LY BUU TOA - AS PERSONAL CREATIVITY
IN THE CAODAIST COMMUNITY IN CALIFORNIA, USA**

Huỳnh Ngọc Thu, Ph.D
Faculty of Anthropology
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

Thiên Lý Bửu Toà is considered as one branch of Caodaism, established in the late 1970s in San Jose, California, USA. The person who was mainly responsible for the foundation of the branch was Pope Bach Dieu Hoa, a Chieu Minh Tam Thanh Vo Vi Caodaist. Originated in the USA, the sect possesses some distinctive characteristics from those of its counterparts in Vietnam. They are imbedded with personal creativity (of Pope Bach Dieu Hoa) which, to some

extent, contributes to the diverseness of Caodaism. Using written records and ethnographic data among Thien Ly Buu Toa Caodaists, I attempt to conceptualize the roles of personal creativity at the sect so as to explore the individual charisma in their constituting and running religious establishments.

Tóm tắt **VĂN HÓA QUẢN LÝ THỜI HẬU HIỆN ĐẠI**

TS. Nguyễn Ngọc Thơ
Trường Đại học KHXH&NV
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Hội nhập khu vực (Regional integration) là xu hướng chính trị - ngoại giao quan trọng đang diễn ra trong thế giới đương đại như là một hệ quả trực tiếp của quá trình toàn cầu hoá kinh tế. Đi cùng với kinh tế và các mặt giáo dục và văn hoá, thậm chí hai lĩnh vực này phải giữ vai trò tiên phong, vì chúng gắn liền với tư tưởng xã hội.

Hội nhập ASEAN, gia nhập TTP và nhiều tổ chức quốc tế khác đã mang lại cho Việt Nam nhiều thời cơ song cũng lắm thách thức, đòi hỏi các bình diện văn hoá – xã hội và kinh tế Việt Nam phải tái nhìn nhận, đánh giá cấu trúc, tính chất và hiệu quả để đảm bảo lợi ích của tiến trình hội nhập. Trong quá trình ấy, việc tiếp nhận, thâm nạp và tái cấu trúc một số hệ thống các giá trị, các quan niệm là điều cần thiết và có ý nghĩa.

Bài viết này áp dụng các phương pháp các tài liệu thành văn, phân tích tổng hợp và so sánh dưới góc nhìn văn hoá học để đánh giá xu thế mới của quản lý và văn hoá quản lý thời hậu hiện đang vốn đang dần trở nên phổ biến ở các quốc gia tiên tiến, từ đó xác định khoảng cách giữa nó với phong cách quản lý truyền thống ở Việt Nam và Đông Á và hình thành phương pháp luận cho việc đổi mới quản lý ở Việt Nam.

Abstract **POSTMODERN MANAGEMENT CULTURE**

Nguyễn Ngọc Thơ, Ph.D
University of Social Sciences and Humanities
Vietnam National University – HCMC

As a direct consequence of globalization, regional integration is undoubtedly the significant political - diplomatic movement in the contemporary world. Along with economic integration, these other two aspects, education and culture, must keep the pioneering role in shaping the new ideological foundation.

Vietnam's ASEAN integration and TTP participation and other international organizations have brought to Vietnam many opportunities but also great

challenges. It requires the re-recognition and re-evaluation in social and cultural structures and values as well as economic performance to ensure the benefits of the integration. In this process, the absorption, adaptation and reconstruction of some of the social concepts and values are essential and significant.

This paper applies the method of documentary analysis, generalization and comparison under the perspective of cultural studies to assess the new trends of management which is currently popularizing in the developed countries, thereby determining the distance between it and the traditional style of management in Vietnam and East Asia as well as forming the methodology for management innovation in Vietnam.

Tóm tắt **HÔN NHÂN VIỆT - HÀN, VIỆT - ĐÀI: MỘT CÁI NHÌN SO SÁNH**

TS. Đặng Thị Kim Oanh

Khoa Nhân học

Trường Đại học KHXH&NV

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Hôn nhân khác dân tộc, ngoài quốc gia không phải cho tới thời kỳ toàn cầu hoá mới có. Những cuộc hôn nhân ngoài dân tộc, khác quốc gia vì lý do chính trị, kinh tế đã có trong hôn nhân từ xa xưa. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay, đồng thời với nó là nội hôn dân tộc bị phá vỡ, nhiều cuộc hôn nhân xuyên quốc gia dẫn đến những gia đình đa văn hoá ra đời. Nổi bật nhất về hiện tượng này ở nước ta là vấn đề cô dâu Việt Nam - chú rể Đài Loan, Hàn Quốc. Bằng góc nhìn so sánh, bài viết tìm hiểu toàn cầu hoá đưa đến những khả năng điều kiện gì cho hôn nhân xuyên quốc gia? Những tương đồng và khác biệt về nguyên nhân và mục đích kết hôn; cách thức đi đến hôn nhân; cách thức hoà nhập xã hội và xây dựng gia đình đa văn hoá trong việc phụ nữ Việt Nam ở ĐBSCL lựa chọn chồng là người Đài Loan, Hàn Quốc.

Abstract
**GLOBALIZATION AND MARRIAGE: CASE STUDY OF
VIETNAM-KOREA AND VIETNAM – TAIWAN
MARRIAGES**

Đặng Thị Kim Oanh, Ph.D

Faculty of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities

Vietnam National University – HCMC

Transnational marriage is not new phenomena in the globalization. This kind of marriage took place in the past due to economy or politics. However, in the context of globalization and broken internal marriage, many transnational marriages have led to multi-cultural family. In Vietnam, Vietnamese bride and Taiwan or Korean groom phenomena is notable. Under comparative perspective, the paper would like to understand what globalization brings to transnational marriage? The findings showed that the similarities and differences in the cause and purpose of marriage; the way to get married; the way to integrate into society and build multi-cultural family of Vietnamese women in the Mekong Delta, whose husbands are Taiwanese, Korean.